ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG
NĂM 2021

Quận 5, tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT 6
PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG 7
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG:
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG. **7**
3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA TRƯỜNG. **9**
4. CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG **110**
5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH **12**
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG.....
1. ĐẶT VẤN ĐỀ **14**
2. TỔNG QUAN CHUNG **14**
2.1. Căn cứ tự kiểm định .....
2.2. Mục đích tự kiểm định.....
2.3. Yêu cầu tự kiểm định.....
2.4. Phương pháp tự kiểm định .....
3. TỰ ĐÁNH GIÁ **15**
3.1 Tổng hợp kết quả tự kiểm định 15
3.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn 23
3.2.1. Tiêu chí 1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý 23
Tiêu chuẩn 1.1 24
Tiêu chuẩn 1.2 26
Tiêu chuẩn 1.3 28
Tiêu chuẩn 1.4 30
Tiêu chuẩn 1.5 32
Tiêu chuẩn 1.6 35
Tiêu chuẩn 1.7 39
Tiêu chuẩn 1.8 41
Tiêu chuẩn 1.9 42
Tiêu chuẩn 1.10 43
Tiêu chuẩn 1.11 454
Tiêu chuẩn 1.12 47
3.2.2. Tiêu chí 2. Hoạt động đào tạo 49
Tiêu chuẩn 2.1 50
Tiêu chuẩn 2.2 52
Tiêu chuẩn 2.3 52
Tiêu chuẩn 2.4 55
Tiêu chuẩn 2.5 56

Tiêu chuẩn 2.6 59
Tiêu chuẩn 2.7 62
Tiêu chuẩn 2.8 64
Tiêu chuẩn 2.9 67
Tiêu chuẩn 2.10 68
Tiêu chuẩn 2.11 70
Tiêu chuẩn 2.12 72
Tiêu chuẩn 2.13 73
Tiêu chuẩn 2.14 74
Tiêu chuẩn 2.15 80
Tiêu chuẩn 2.16 81
Tiêu chuẩn 2.17 82
3.2.3. Tiêu chí 3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động . 87
Tiêu chuẩn 3.1 90
Tiêu chuẩn 3.2 91
Tiêu chuẩn 3.3 96
Tiêu chuẩn 3.4 96
Tiêu chuẩn 3.5 98
Tiêu chuẩn 3.6 100
Tiêu chuẩn 3.7 105
Tiêu chuẩn 3.8 107
Tiêu chuẩn 3.9 108
Tiêu chuẩn 3.10 109
Tiêu chuẩn 3.11 109
Tiêu chuẩn 3.12 110
Tiêu chuẩn 3.13 111
Tiêu chuẩn 3.14 113
Tiêu chuẩn 3.15 114
3.2.4. Tiêu chí 4. Chương trình, giáo trình . . . . . .
Tiêu chuẩn 4.1 117
Tiêu chuẩn 4.2 119
Tiêu chuẩn 4.3 124
Tiêu chuẩn 4.4 128
Tiêu chuẩn 4.5 134
Tiêu chuẩn 4.6 137
Tiêu chuẩn 4.7 139

Tiêu chuẩn 4.8 141
Tiêu chuẩn 4.9 144
Tiêu chuẩn 4.10 145
Tiêu chuẩn 4.11 149
Tiêu chuẩn 4.12 153
Tiêu chuẩn 4.13 157
Tiêu chuẩn 4.14 159
Tiêu chuẩn 4.15 161
3.2.5. Tiêu chí 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện . . . . . .
Tiêu chuẩn 5.1 167
Tiêu chuẩn 5.2 169
Tiêu chuẩn 5.3 171
Tiêu chuẩn 5.4 173
Tiêu chuẩn 5.5 175
Tiêu chuẩn 5.6 177
Tiêu chuẩn 5.7 179
Tiêu chuẩn 5.8 180
Tiêu chuẩn 5.9 183
Tiêu chuẩn 5.10 185
Tiêu chuẩn 5.11 186
Tiêu chuẩn 5.12 188
Tiêu chuẩn 5.13 190
Tiêu chuẩn 5.14 193
Tiêu chuẩn 5.15 194
3.2.6. Tiêu chí 6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế . . . . . .
Tiêu chuẩn 6.1 196
Tiêu chuẩn 6.2 199
Tiêu chuẩn 6.3 200
Tiêu chuẩn 6.4 200
Tiêu chuẩn 6.5 201
3.2.7. Tiêu chí 7. Quản lý tài chính . . . . . .
Tiêu chuẩn 7.1 204
Tiêu chuẩn 7.2 205
Tiêu chuẩn 7.3 206
Tiêu chuẩn 7.4 207
Tiêu chuẩn 7.5 208

Tiêu chuẩn 7.6 210
3.2.8. Tiêu chí 8. Dịch vụ người học . . . . . .
Tiêu chuẩn 8.1 212
Tiêu chuẩn 8.2 213
Tiêu chuẩn 8.3 215
Tiêu chuẩn 8.4 218
Tiêu chuẩn 8.5 220
Tiêu chuẩn 8.6 220
Tiêu chuẩn 8.7 222
Tiêu chuẩn 8.8 225
Tiêu chuẩn 8.9 226
3.2.9. Tiêu chí 9. Giám sát, đánh giá chất lượng . . . . . .
Tiêu chuẩn 9.1 228
Tiêu chuẩn 9.2 229
Tiêu chuẩn 9.3 229
Tiêu chuẩn 9.4 230
Tiêu chuẩn 9.5 231
Tiêu chuẩn 9.6 233
PHẦN III: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 235
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 237
PHỤ LỤC .....
Phụ lục 1. **Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường năm 2021.**
Phụ lục 2. **Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**
Phụ lục 3. **Bảng mã minh chứng**

NỘI DUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG

CÁC TỪ VIẾT TẮT

- KTCN: Kỹ thuật Công nghệ
- CĐN: Cao đẳng nghề
- TCN: Trung cấp nghề
- TC: Trung cấp
- SCN: Sơ cấp nghề
- SC: Sơ cấp
- DNTX: Dạy nghề thường xuyên
- ĐTTX: Đào tạo thường xuyên
- VC-GV: Viên chức-Giáo viên
- GV: Giáo viên
- QĐ: Quyết định
- UBND: Ủy ban nhân dân
- CT HS-SV: Công tác Học sinh – Sinh viên
- TC-HC-QT: Tổ chức – Hành chính – Quản trị
- NSNN: Ngân sách nhà nước
- SPDN: Sư phạm dạy nghề
- LĐ-TBXH: Lao động - Thương binh và Xã hội
- K/BM: Khoa/Bộ môn

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1.1 Tên trường: **Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương**.
1.2 Tên viết tắt: **Trường TCN KTCN Hùng Vương**.
1.3 Tên tiếng anh: **HUNG VUONG TECHNOLOGY VOCATIONAL SCHOOL**
1.4 Cơ quan chủ quản: **Ủy ban nhân dân Quận 5.**
1.5 Địa chỉ: số 161-165 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.
1.6 Số điện thoại liên hệ: **028. 38563456;028. 38558016;** Fax: **028. 38532039**
1.7 Email: hanhchanh@hungvuongtech.edu.vn
1.8 Website : www.hungvuongtech.edu.vn; https://tuyensinhhungvuongtech.edu.vn/
1.9 Loại hình trường: ☑ Công lập ☐ Tư thục

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG.

2.1 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển của Trường

- Tiền thân của Trường là Trung tâm dạy nghề Quận 5, được thành lập theo Quyết định số Quyết định số 18/QĐ-TM ngày 05/9/1985 của Uỷ ban nhân dân Quận 5.
- Đến năm 2002, Trường được đổi tên thành Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương theo Quyết định số 1662/QĐ-UB ngày 18/04/2002 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đến năm 2007, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 5/6/2007 thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.

2.2 Thành tích nổi bật của Trường:

a. Thành tích chung của Nhà trường:

- Bằng khen của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:
  + Thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện cho các thí sinh đạt giải cao tại kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XI, năm 2016 tại Malaysia.
  + Thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện cho các thí sinh đạt giải cao tại kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XII, năm 2018 tại Thái Lan.
- Giấy khen số 22/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường 12 vì đã có thành tích tham gia tích cực các hoạt động phong trào tại địa phương năm 2018.
- Giấy khen số 2368/QĐ-SLĐTBXH ngày 23/01/2019 của sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh và giải quyết việc làm năm 2018.
- Giấy khen số 2161/QĐ-UBND ngày 31/05/2019 của Ủy ban nhân dân Quận 5 vì đã tích cực tham gia và thực hiện tốt công tác hiến máu tình nguyện năm 2018.
- Giấy khen số 1856/QĐ-BHXH ngày 06/08/2019 của Bảo hiểm xã hội TPHCM vì đã có thành tích trong công tác tuyên truyền, phối hợp, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019.

- Giấy khen số 1088/QĐ-BHXH ngày 16/08/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam vì đã thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019.
- Bằng khen số 3325/QĐ-KT ngày 07/08/2019 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.
- Bằng khen số 3326/QĐUB-KT ngày 07/08/2019 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm học liên tục (2017-2018, 2018-2019) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.
- Quyết định số 3716/QĐ-KT ngày 08/10/2020 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm học 2019-2020.

b. Hội thi thiết bị đào tạo các cấp của giáo viên:

- Giải II Mô hình "Bãi giữ xe ô tô tự động" và giải III Mô hình "Mobile robot" tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia năm 2016.
- Giải khuyến khích mô hình Hệ thống phun xăng điện tử, tương tác theo thời gian thực trong Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố năm 2019.

c. Hội giảng giáo viên các cấp:

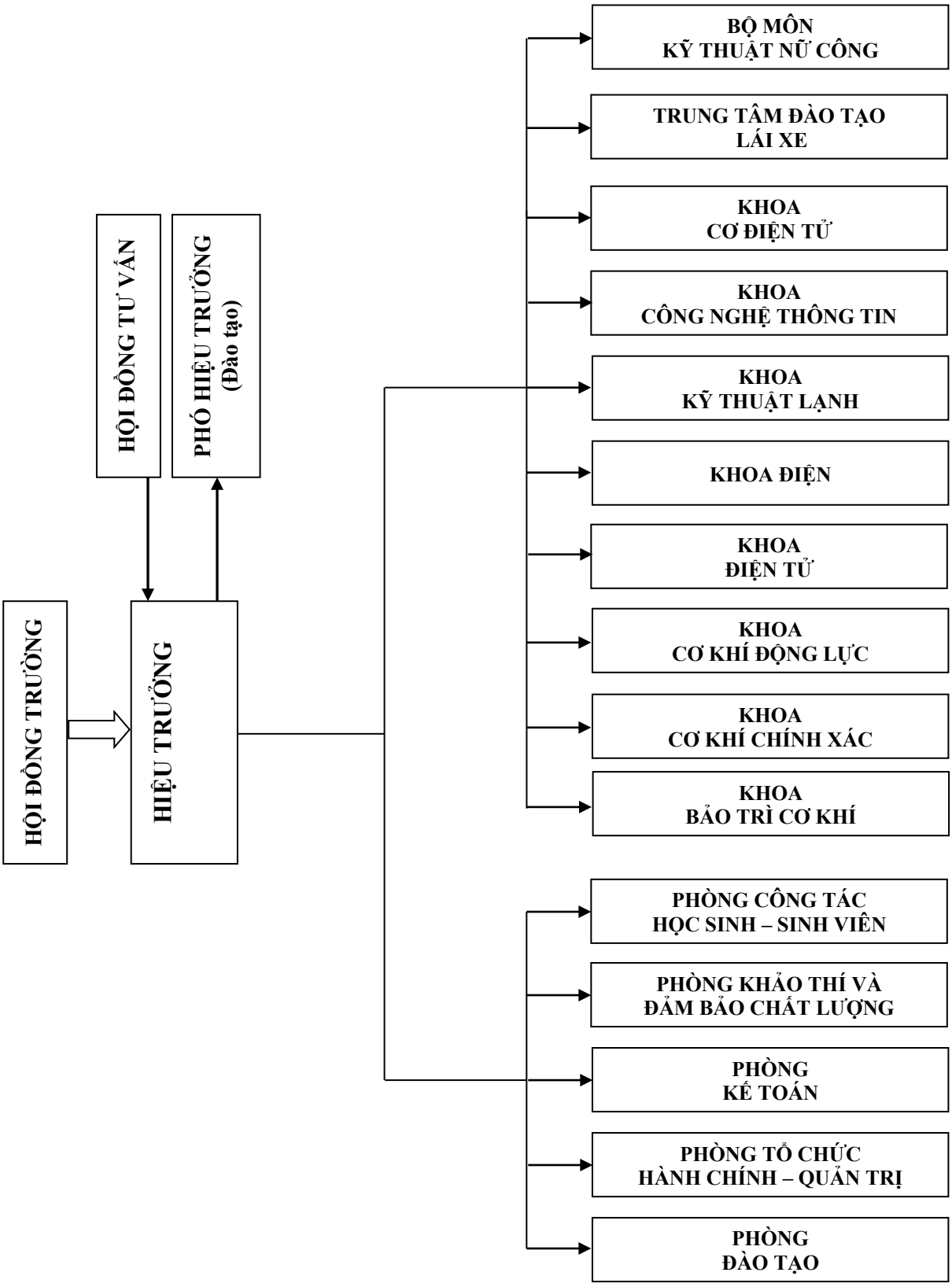
- Năm 2015: 02 giáo viên đạt danh hiệu "Giáo viên dạy giỏi nghề 2015" tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2015.
- Năm 2018: 01 giáo viên đạt danh hiệu "Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giỏi cấp Thành phố năm 2018" tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2018.
- Năm 2020: 01 giáo viên đạt danh hiệu "Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giỏi cấp Thành phố năm 2020" tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2020.

d. Học sinh tham gia hội thi giỏi nghề các cấp:

- Hội thi tay nghề quốc gia năm 2018: đoạt 6 huy chương Vàng các nghề Cơ điện tử, Bảo trì máy CNC, Lắp cáp mạng thông tin, Quản trị hệ thống mạng công nghệ thông tin; 02 Huy chương Bạc nghề Tự động hóa công nghiệp, 01 giải khuyến khích nghề Điện tử.
- Kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XI năm 2018 tại Thái Lan: đoạt 2 huy chương Vàng nghề Bảo trì máy CNC; 03 Huy chương Bạc các nghề Cơ điện tử, Lắp cáp mạng thông tin.
- Kết quả thi giỏi nghề cấp Thành phố năm 2019 của Trường TCN Kỹ Thuật Công Nghệ Hùng Vương đạt được: 14 giải nhất, 03 giải nhì, 5 giải ba (thông tin chi tiết thí sinh trên Website)
- Kết quả tại kỳ thi Tay nghề Quốc gia lần thứ 11 năm 2020 của Trường TCN Kỹ Thuật Công Nghệ Hùng Vương đạt được: Giải nhất nghề Bảo trì máy CNC, giải Nhất nghề Quản trị hệ thống mạng CNTT, hai giải ba nghề Cơ điện tử; giải ba nghề Quản trị hệ thống mạng CNTT

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA TRƯỜNG

3.1 Cơ cấu tổ chức



3.2 Nhân sự của Trường:

a. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt:

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1.	**Ban Giám hiệu**	Phạm Quang Trang Thủy	1967	Thạc sĩ	Hiệu Trưởng
		Nguyễn Ngọc Hạnh	1974	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2.	**Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn**				
-	Chi bộ	Phạm Quang Trang Thủy	1967	Thạc sĩ	Phó Bí thư
-	Công Đoàn	Lê Bảo Khanh	1978	Thạc sĩ	Chủ tịch
-	Đoàn Thanh niên	Huỳnh Trung Nghĩa	1994	Kỹ sư	Bí thư
3.	**Các phòng chức năng**				
-	Phòng Tổ chức, Hành chính – Quản trị	Phạm Quang Trang Thủy	1967	Thạc sĩ	Hiệu Trưởng, Phụ trách phòng
-	Phòng Đào tạo	Nguyễn Đắc Hiển	1983	Thạc sĩ	Trưởng phòng
-	Phòng Kế toán	Nguyễn Huỳnh Thủy Triều	1966	Cử nhân	Trưởng phòng
-	Phòng KT&ĐBCL	Trần Mộng Danh	1985	Kỹ sư	Trưởng phòng
-	Phòng CTHSSV	Nguyễn Ngọc Hạnh	1974	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng Phụ trách phòng
4.	**Các khoa chuyên môn**				
-	Khoa Điện tử	Lê Bảo Khanh	1978	Thạc sĩ	Trưởng khoa
-	Khoa Kỹ thuật lạnh	Lê Thanh Minh	1973	Thạc sĩ	Trưởng khoa
-	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Quốc Cường	1973	Thạc sĩ	Trưởng khoa
-	Khoa Cơ khí chính xác	Nguyễn Hữu Đăng	1975	Kỹ sư	Trưởng khoa
-	Khoa Cơ khí động lực	Nguyễn Đắc Hiển	1983	Thạc sĩ	Phụ trách Khoa
-	Khoa Điện	Châu Kim Bảng	1969	Kỹ sư	Trưởng khoa
-	Khoa Cơ điện tử	Lê Minh Bằng	1985	Kỹ sư	Phó Trưởng khoa
-	Khoa Bảo trì cơ khí	Nguyễn Hùng Vỹ	1982	Thạc sĩ	Trưởng khoa
5.	**Trưởng Bộ môn**				
-	Bộ môn KT Nữ công	Lê Thị Kim Thoa	1970	Kỹ sư	Trưởng BM
6.	**Trung tâm đào tạo lái xe**	Nguyễn Thanh Dự	1970	Cao đẳng	Phó Giám đốc

b. Tổng số nhà giáo cán bộ quản lý, nhân viên cơ hữu của trường (tính đến thời điểm đánh giá tháng 30/9/2021): 82 người, trong đó: Nữ: **29** người

c. Về đội ngũ nhà giáo viên cơ hữu: 32 người. Trong đó: có **05** Nữ

TT	CHIA THEO TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TỔNG SỐ GIÁO VIÊN	
		TỔNG	Trong đó: nữ
Tổng cộng		**32**	**05**
-	Tiến sĩ	0	0
-	Thạc sĩ	06	1
-	Đại học	23	3
-	Cao đẳng/Cao đẳng nghề	03	1
-	Trung cấp/Trung cấp nghề	0	0

4. CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG

4.1. Các ngành, nghề đào tạo của Trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được Sở Lao động – TBXH Thành phố cấp:

a. Trình độ trung cấp

TT	Tên nghề	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Giấy CNĐK HĐ
1	Cơ điện tử	5520263	105	số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp
2	Cắt gọt kim loại	5520121	50	
3	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	5520151	50	
4	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5520255	150	
5	Điện tử công nghiệp	5520225	50	
6	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	90	
7	Quản trị mạng máy tính	5480210	80	
8	Vẽ và thiết kế trên máy tính	5480216	140	
9	Điện công nghiệp	5520227	50	
10	Công nghệ ô tô	5510216	180	
11	May thời trang	5540204	40	
12	Chế tạo khuôn mẫu	5520105	50	số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp
13	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	5520155	50	
14	Tự động hóa công nghiệp	5520264	50	
15	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	50	
Tổng cộng:			**1.185**	

b. Trình độ sơ cấp: Sơ cấp I

TT	Tên nghề	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Giấy CNĐK HĐ
1	Cắt gọt kim loại trên máy CNC		50	số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp
2	Điện tử công nghiệp		50	
3	Kỹ thuật lạnh		270	
4	Kỹ thuật hàn		30	
5	Sửa chữa động cơ ô tô		30	
6	Sửa chữa điện ô tô		30	
7	Đồng sơn ô tô		30	
8	Sửa chữa xe máy		50	
9	Kỹ thuật tiện		50	
10	Bảo trì điện		25	
11	Quấn dây động cơ		30	
12	Quấn dây máy điện		25	
13	Nghệ thuật trang điểm		25	
14	Nghệ thuật chải bới		25	
15	Nghệ thuật trang trí móng		25	

TT	Tên nghề	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Giấy CNĐK HĐ
16	Kỹ thuật chăm sóc da mặt		25	
Tổng cộng			**770**	

4.2 Quy mô đào tạo học sinh, học viên

Trình độ đào tạo	Số lượng người học (người)		
	Năm 2019	**Năm 2020**	**Năm 2021**
1. Trung cấp	1.639	1.638	1.690
2. Sơ cấp	1.561	1.118	190
3. Đào tạo thường xuyên	2.297	2.230	615
Tổng cộng	**5.497**	**4.986**	**2.495**

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

5.1. Cơ sở vật chất

*** Tổng diện tích đất: 16.499,2 m^2**. Trong đó:

- Diện tích xây dựng (tại trụ sở): **2.151,54 m^2**
- Diện tích cây xanh, lưu thông: **1.613,8 m^2**
- Diện tích sân tập lái xe: **11.120 m^2**

*** Diện tích hạng mục và công trình tại trụ sở và sân tập lái xe:**

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m^2)
1	Khu hiệu bộ	**581**
2	Phòng học lý thuyết	**443**
3	Xưởng thực hành	**2.860**
4	Khu phục vụ	**560**
-	*Thư viện*	*219*
-	*Ký túc xá*	*0*
-	*Nhà ăn*	*54*
-	*phòng Y tế*	*17*
-	*Khu thể thao*	*270*
5	Khác (sân trường, đường nội bộ, cây xanh, hành lang, nhà vệ sinh)	**2.597**
6	Sân tập lái xe	**11.120**
Tổng cộng		**18.161**

5.2. Thư viện: 08 phòng gồm 01 phòng (F2.4B), 02 phòng (F2.4A, F2.1), 01 phòng Lab (F2.2) và 04 phòng máy tính dùng chung (G2.3, G2.4, G2.5, G2.6)) với tổng diện tích 460 m^2.

5.3. Tài chính

a. Tổng kinh phí đào tạo hệ trung cấp trong 03 năm trở lại đây:

- Năm 2019: 8.800.000.000 đồng.
- Năm 2020: 9.800.000.000đồng.

- Năm 2021: 12.300.000 đồng.

b. Tổng thu học phí (*chỉ tính hệ trung cấp*) trong 03 năm trở lại đây:

- Năm 2019: 916.600.000 đồng.
- Năm 2020: 383.290.000 đồng.
- Năm 2021: 800.000.000 đồng.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

- Các hoạt động đào tạo của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương luôn hướng về người học và người sử dụng lao động. Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo luôn là mục tiêu hàng đầu của lãnh đạo và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và được thực hiện thường xuyên, liên tục.
- Định kỳ năm học, Trường xây dựng Mục tiêu chất lượng với từng tiêu chí cụ thể gắn với hệ thống tiêu chí/tiêu chuẩn chất lượng do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành. Đồng thời, Trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng Trường định kỳ mỗi năm để đánh giá được kết quả thực hiện nhiệm vụ, rút kinh nghiệm và xây dựng nhiệm vụ cho những năm tiếp theo.

2. TỔNG QUAN CHUNG

2.1 Căn cứ tự đánh giá

- Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo mục 2 Chương II quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Hướng dẫn tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019.

2.2 Mục đích tự đánh giá

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp. Qua đó, huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá hàng năm.
- Đánh giá trung thực, khách quan mức độ đạt được, điểm mạnh, điểm yếu của trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trường trung cấp.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời đề xuất những biện pháp khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt; qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường.

2.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường.
- Có sự tham gia của tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.
- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng được công khai trong nội bộ trường và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4 Phương pháp tự đánh giá

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng tại từng phòng, khoa, bộ môn.
- Khảo sát ý kiến người học, doanh nghiệp, cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.
- Đánh giá mức độ đạt được theo điểm đánh giá qui định tại mỗi tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá.

2.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Lập và triển khai Kế hoạch tự đánh giá chất lượng của Trường năm 2021 trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Khảo sát, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được của Trường theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng của Trường.
- Lấy ý kiến các phòng, khoa, bộ môn của Trường; tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Hội đồng tự đánh giá chất lượng tiến hành nghiên cứu, họp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng. Trên cơ sở kết quả thông qua của Hội đồng, Hiệu trưởng phê duyệt và công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.

3. TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng Trường:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		**Đạt**
	Tổng điểm	**100**	**96/100**
1	**Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**12**	**12/12**
1.1	Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
1.2	Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
1.3	Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
1.4	Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.5	Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.		
1.6	Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
1.7	Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
1.8	Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
1.9	Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
1.10	Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
1.11	Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
1.12	Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	**Hoạt động đào tạo**	**17**	**16/17**
2.1	Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
2.2	Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
2.3	Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
2.4	Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
2.5	Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
2.6	Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
2.7	Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
2.8	Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
2.9	Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
2.10	Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
2.11	Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
2.12	Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
2.13	Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.14	Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
2.15	Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
2.16	Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
2.17	Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	**Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động**	**15**	**14/15**
3.1	Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
3.2	Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
3.3	Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
3.4	Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
3.5	Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	theo quy định.		
3.6	Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
3.7	Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
3.8	Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.9	Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
3.10	Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.11	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
3.12	Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
3.13	Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
3.14	Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
3.15	Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	**Chương trình, giáo trình**	**15**	**15/15**
4.1	Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
4.2	100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
4.3	Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
4.4	Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.5	Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
4.6	Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
4.7	Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
4.8	Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
4.9	Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
4.10	Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
4.11	100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
4.12	Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
4.13	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
4.14	Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.15	Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	**Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	**15**	**15/15**
5.1	Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
5.2	Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
5.3	Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
5.4	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
5.5	Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
5.6	Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
5.7	Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
5.8	Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
5.9	Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
5.10	Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
5.11	Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
5.12	Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; Tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
5.13	Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
5.14	Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
5.15	Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	**Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế**	**5**	**4/5**

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
6.1	Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
6.2	Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 102 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
6.3	Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0
6.4	Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
6.5	Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	**Quản lý tài chính**	**6**	**6/6**
7.1	Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
7.2	Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
7.3	Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
7.4	Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
7.5	Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
7.6	Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	**Dịch vụ người học**	**9**	**8/9**
8.1	Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện 1đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
8.2	Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
8.3	Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
8.4	Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
8.5	Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	0
8.6	Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
8.7	Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
8.8	Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
8.9	Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	**Giám sát, đánh giá chất lượng**	**6**	**6/6**
9.1	Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
9.2	Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
9.3	Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan 1đến người học của trường.	1	1
9.4	Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
9.5	Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
9.6	Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

3.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 1:

Mở đầu: Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây viết tắt là Trường TCN KTCN Hùng Vương), trực thuộc Uỷ ban nhân dân Quận 5 do Uỷ ban nhân dân Thành phố Quyết định thành lập. Qua từng giai đoạn phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ, sứ mạng và chiến lược phát triển của Trường không ngừng được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương và yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động, nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, góp phần cung cấp dịch vụ đào tạo đa ngành, đa cấp có chất lượng cao, đáp ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xuất khẩu lao động và nhu cầu học tập suốt đời cho mọi thành phần xã hội.

** Những điểm mạnh:*

Mục tiêu, sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, rõ ràng; định hướng chủ yếu vào việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và khu vực lân cận; Mục tiêu, sứ mạng của Trường được công bố công khai trên website của Trường.

Căn cứ mục tiêu, sứ mạng, Trường lựa chọn, xây dựng các ngành, nghề đào tạo phù hợp và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Tổ chức Đảng phối hợp chặt chẽ với Ban Giám hiệu và các đoàn thể, đơn vị trực thuộc thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, góp phần duy trì sự ổn định, phát huy tinh thần đoàn kết và sáng tạo trong cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

** Những tồn tại:* Không

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Không

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	**12/12 điểm**
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	01 điểm
Tiêu chuẩn 4	01 điểm
Tiêu chuẩn 5	01 điểm
Tiêu chuẩn 6	01 điểm
Tiêu chuẩn 7	01 điểm
Tiêu chuẩn 8	01 điểm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	01 điểm
Tiêu chuẩn 10	01 điểm
Tiêu chuẩn 11	01 điểm
Tiêu chuẩn 12	01 điểm

Tiêu chuẩn 1.1:
Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích:

- Năm 2007, trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5, trong đó xác định cụ thể mục tiêu và sứ mạng của trường.

*(**MC 1.1.01** - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương năm 2007)*

Trường đã xây dựng quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển trường gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thể hiện trong " Định hướng phát triển Trường TCN KTCN Hùng Vương đến năm 2020" đã được phê duyệt ngày 13/08/2019; Ngày 30/10/2020, Trường đã ban hành định hướng phát triển trường đến năm 2025 gắn liền với tình hình phát triển kinh tế-xã hội ở Tp.HCM nói riêng và khu vực phía nam nói chung.

Từ 2007 đến nay, mục tiêu và sứ mạng của Trường có ba lần thay đổi, 1) Từ khi thành lập trường; 2) Khi có Luật GDNN, 3) Khi trường xây dựng trong các dự án nghề trọng điểm, trường chất lượng cao.
*(**MC 1.1.02** – các Chiến lược phát triển Trường TCN KTCN Hùng Vương giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025)*

- Mục tiêu và sứ mạng phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ của Trường được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.
- Mục tiêu - nhiệm vụ của Trường công bố công khai trên website của trường (http: //www.hungvuongtech.edu.vn)

*(**MC 1.1.03** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2019)*

- Mục tiêu và sứ mạng thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành.
  + Trong Báo cáo định kỳ hàng năm từ năm 2019 đến nay, Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động Tp. Hồ Chí Minh phân tích nhu cầu nhân lực trong thị trường lao động Thành phố, trong đó nhu cầu sử dụng nhân lực 4 ngành công nghiệp trọng yếu:

- Năm 2019: chiếm 19,12% trong tổng nhu cầu nhân lực (Ngành Cơ khí chiếm 6,62%; Ngành Điện tử - Công nghệ thông tin chiếm 8,88%), nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo chiếm 82,15%, cụ thể: trung cấp chiếm 18,92%, sơ cấp và CNKT lành nghề chiếm 27,94%.
- Năm 2020: chiếm 17,9% tổng nhu cầu nhân lực (Ngành cơ khí chiếm 4,59%, Ngành điện tử - công nghệ thông tin chiếm 9,24%), nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo chiếm 85,02%, cụ thể: trung cấp chiếm 23,19%, sơ cấp chiếm 22,82%).
- Trong Quý III năm 2021: chiếm 20,3% tổng nhu cầu nhân lực (Ngành cơ khí, chiếm 4,86%; Ngành điện tử - công nghệ thông tin, chiếm 7,81%; nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo chiếm 84,93%, cụ thể: trung cấp chiếm 22,23%, sơ cấp chiếm 26,27%

+ Ngành dệt, may hiện nay, trình độ công nghệ dệt may ở Việt Nam chỉ ở mức trung bình nên trình độ lao động dệt may thấp, lao động phổ thông chiếm đến 76%, sơ cấp, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 17,3%; cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm 6,8%. Như vậy, chỉ có 25% lao động qua đào tạo và vẫn còn khoảng 76% lao động trong lĩnh vực dệt may chưa qua đào tạo hoặc chỉ được đào tạo dưới 3 tháng. Đây là thách thức rất lớn khi ngành Dệt may đang trong xu thế vươn lên để cạnh tranh bằng năng suất, chất lượng, thời trang hóa ngành Dệt may, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và tiếp cận với công nghiệp 4.0. Do đó Quý I, II năm 2021 nguồn nhân lực trong ngành dệt may tăng khoảng 50-60% so với cùng kỳ năm 2020, nhất là đối với các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao.

- Mục tiêu, sứ mạng của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp nhóm ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, thể hiện vai trò của Trường trong việc góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của Thành phố hàng năm.

*(**MC 1.1.04** – Các Báo cáo của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động về thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực của Thành phố, trong đó có thống kê nhu cầu sử dụng nhân lực năm 2019, năm 2020, Quý III năm 2021)*

- Mục tiêu và sứ mạng của Trường được công bố công khai trên website của Trường.

*(**MC 1.1.05** – Hình ảnh mục tiêu và sứ mạng của Trường trên trang web - https://hungvuongtech.edu.vn)*

- Trường thực hiện lấy ý kiến góp ý của nhà giáo, cán bộ quản lý Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.
- Trên 90% ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đồng ý về sự phù hợp của mục tiêu và sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

*(**MC 1.1.06** – các Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về mục tiêu và sứ mạng của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2
Trường thực hiện **phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực** của địa phương hoặc ngành để **xác định** các ngành, **nghề** đào tạo và **quy mô** đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích:

Dựa trên Báo cáo định kỳ của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động Tp. Hồ Chí Minh, Trường TCN KTCN Hùng Vương chủ động thường xuyên liên hệ và tổng hợp thông tin đăng ký tuyển dụng của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố hàng năm. Trường đã thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực, làm cơ sở thực hiện đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường với các ngành nghề về kỹ thuật, công nghệ.

(MC 1.1.04 – Các Báo cáo của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động về thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực của Thành phố, trong đó có thống kê nhu cầu sử dụng nhân lực năm 2019, năm 2020, Quý III năm 2021);

***MC 1.2.01** – Các Báo cáo của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động về thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực của Thành phố, trong đó có thống kê nhu cầu sử dụng nhân lực năm 2016, 6 tháng đầu năm 2017, năm 2017);*

***MC 1.2.02** – Các Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường về thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp đối với từng nghề trường đào tạo năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp các ngành, nghề về kỹ thuật, công nghệ với qui mô đào tạo phù hợp; đã được Sở Lao động – TBXH Thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung theo quy định.

*** Trình độ trung cấp**

TT	Tên nghề	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Giấy CNĐK HĐ
1	Cơ điện tử	5520263	105	số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp
2	Cắt gọt kim loại	5520121	50	
3	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	5520151	50	
4	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5520255	150	
5	Điện tử công nghiệp	5520225	50	
6	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	90	
7	Quản trị mạng máy tính	5480210	80	
8	Vẽ và thiết kế trên máy tính	5480216	140	
9	Điện công nghiệp	5520227	50	
10	Công nghệ ô tô	5510216	180	
11	May thời trang	5540204	40	
12	Chế tạo khuôn mẫu	5520105	50	số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018
13	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	5520155	50	

TT	Tên nghề	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Giấy CNĐK HĐ
14	Tự động hóa công nghiệp	5520264	50	do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp
15	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	50	
Tổng cộng:			**1.185**	

*** Trình độ sơ cấp: Sơ cấp I**

TT	Tên nghề	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Giấy CNĐK HĐ
1	Cắt gọt kim loại trên máy CNC		50	số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp
2	Điện tử công nghiệp		50	
3	Kỹ thuật lạnh		270	
4	Kỹ thuật hàn		30	
5	Sửa chữa động cơ ô tô		30	
6	Sửa chữa điện ô tô		30	
7	Đồng sơn ô tô		30	
8	Sửa chữa xe máy		50	
9	Kỹ thuật tiện		50	
10	Bảo trì điện		25	
11	Quấn dây động cơ		30	
12	Quấn dây máy điện		25	
13	Nghệ thuật trang điểm		25	
14	Nghệ thuật chải bới		25	
15	Nghệ thuật trang trí móng		25	
16	Kỹ thuật chăm sóc da mặt		25	
Tổng cộng			**770**	

*(**MC 1.2.03** - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;*

***MC 1.2.04** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;*

***MC 1.2.05** - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 18/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;*

***MC 1.2.06** - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp số 19/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;*

***MC 1.2.07** - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3
Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5, do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định thành lập năm 2007, trên cơ sở nâng cấp từ Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.

(MC 1.1.01 - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương năm 2007)

Căn cứ Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường trung cấp, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

(MC 1.1.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2019)

Trên cơ sở quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành năm 2019, nhà trường đã xây dựng lại cơ cấu tổ chức, nhân sự, phân công, phân cấp về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm. Cụ thể qua các Quyết định thành lập:

*(**MC 1.3.01** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị năm 2019;*
***MC 1.3.02** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Đào tạo năm 2019;*
***MC 1.3.03** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Công tác học sinh - sinh viên năm 2019;*
***MC 1.3.04** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Kế toán năm 2019;*
***MC 1.3.05** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm 2019;*
***MC 1.3.06** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019;*
***MC 1.3.07** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Công nghệ thông tin năm 2019;*
***MC 1.3.08** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ điện tử năm 2019;*
***MC 1.3.09** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ khí chính xác năm 2019;*
***MC 1.3.10** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ khí động lực năm 2019;*

***MC 1.3.11** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Điện năm 2019;*
***MC 1.3.12** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Điện tử năm 2019;*
***MC 1.3.13** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019;*
***MC 1.3.14** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019;*
***MC 1.3.15** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Trung tâm đào tạo lái xe năm 2019)*

Bên cạnh đó, Trường ban hành các quy chế, quy định như: Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp; Quy chế công tác học sinh; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quy chế quản lý tài chính; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các đơn vị.

*(**MC 1.3.16** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường năm 2017;*
***MC 1.3.17** – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 1.3.18** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (kèm Quy chế) năm 2019;*
***MC 1.3.19** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020;*
***MC 1.3.20** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường năm 2019;*
***MC 1.3.21** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc Trường năm 2019;*
***MC 1.3.22** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành quy định rà soát tổ chức và cơ chế quản lý năm 2019;*
***MC 1.3.23** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy chế bổ nhiệm và đánh giá cán bộ quản lý cấp phòng, khoa của Trường năm 2019)*

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý, trong đó có lấy ý kiến góp ý của nhà giáo, cán bộ quản lý. Trên 95% ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý đồng ý về việc các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường đã ban hành được rà soát định kỳ hàng năm.

*(**MC 1.3.24** – các Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về văn bản quy định về tổ chức và quản lý năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nội dung các văn bản nêu trên thể hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường.

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.4
Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý lần đầu. Gồm các Quyết định về quy chế tổ chức và hoạt động, quyết định thành lập các đơn vị thuộc trường, Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, Quy chế quản lý tài chính....

(MC 1.1.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2019;
MC 1.3.01 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị năm 2019;
MC 1.3.02 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Đào tạo năm 2019;
MC 1.3.03 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Công tác học sinh - sinh viên năm 2019;
MC 1.3.04 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Kế toán năm 2019;
MC 1.3.05 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm 2019;
MC 1.3.06 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019;
MC 1.3.07 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Công nghệ thông tin năm 2019;
MC 1.3.08 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ điện tử năm 2019;
MC 1.3.09 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ khí chính xác năm 2019;
MC 1.3.10 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ khí động lực năm 2019;
MC 1.3.11 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Điện năm 2019;
MC 1.3.12 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Điện tử năm 2019;
MC 1.3.13 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019;

MC 1.3.14 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019;
MC 1.3.15 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Trung tâm đào tạo lái xe năm 2019
MC 1.3.16 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường năm 2017;
MC 1.3.17 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 1.3.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (kèm Quy chế) năm 2019;
MC 1.3.20 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường năm 2019;
MC 1.3.21 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc Trường năm 2019;
MC 1.3.22 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành quy định rà soát tổ chức và cơ chế quản lý năm 2019;
MC 1.3.23 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy chế bổ nhiệm và đánh giá cán bộ quản lý cấp phòng, khoa của Trường năm 2019;
***MC 1.4.01** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành quy định công tác học sinh, sinh viên trong Trường năm 2017;*
***MC 1.4.02** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành khung xử lý kỷ luật học sinh của Trường năm 2017;*
***MC 1.4.03** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành Nội quy học sinh năm 2016)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện công tác rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường, quy chế làm việc, các qui chế, qui định quản lý định kỳ hàng năm, cụ thể về các nội dung:

+ Về công tác tổ chức và quản lý: điều lệ; quy chế làm việc; thi đua – khen thưởng; tuyển dụng.

+ Về qui chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ theo qui định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH.

+ Về công tác học sinh, sinh viên: Quy định về công tác học sinh, sinh viên; nội quy học sinh; khung xử lý vi phạm kỷ luật học sinh.

+ Về công tác bảo đảm chất lượng: Quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng; Tự đánh giá chất lượng.

+ Về công tác kế toán: Quy định về quản lý tài sản như mua sắm, kiểm kê, thanh lý tài sản, qui chế chi tiêu nội bộ.

*(**MC 1.4.04** – các Biên bản họp rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 1.4.05** – các Danh mục các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường TCN KTCN Hùng Vương được rà soát năm 2019, năm 2020, năm 2021);*

Căn cứ kết quả rà soát, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành văn bản điều chỉnh quy định về tổ chức và quản lý của trường.

*(**MC 1.4.06** - Tờ trình của Phòng Đào tạo về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2019;*
***MC 1.4.07** – Quyết định về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2019;*
***MC 1.4.08** – Tờ trình của Phòng Công tác học sinh, sinh viên về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh năm 2020;*
MC 1.3.19 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020;
***MC 1.4.09** – Tờ trình của Phòng Công tác học sinh, sinh viên về việc hiệu chỉnh nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020;*
***MC 1.4.10** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020)*

Các Quy chế về tổ chức và quản lý của trường cũng được rà soát và điều chỉnh hàng năm, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và sự phát triển của trường

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.5
Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích:

* Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với mục tiêu của Trường.

Trên cơ sở quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành năm 2019, nhà trường đã xây dựng lại cơ cấu tổ chức, nhân sự, phân công, phân cấp về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm. Cụ thể qua các quyết định thành lập:

(MC 1.1.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2019;
MC 1.3.01 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Tổ chức, Hành chính - Quản trị năm 2019;
MC 1.3.02 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Đào tạo năm 2019;
MC 1.3.03 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Công tác học sinh - sinh viên năm 2019;
MC 1.3.04 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Kế toán năm 2019;
MC 1.3.05 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm 2019;
MC 1.3.06 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019;
MC 1.3.07 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Công nghệ thông tin năm 2019;
MC 1.3.08 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ điện tử năm 2019;
MC 1.3.09 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ khí chính xác năm 2019;
MC 1.3.10 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Cơ khí động lực năm 2019;
MC 1.3.11 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Điện năm 2019;
MC 1.3.12 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Điện tử năm 2019;
MC 1.3.13 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019;
MC 1.3.14 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019;
MC 1.3.15 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Trung tâm đào tạo lái xe năm 2019)

Nhằm củng cố quy chế tổ chức và hoạt động của các bộ phận, Nhà trường ban hành qui định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm rõ ràng, cụ thể hơn.

(MC 1.3.21 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc Trường năm 2019)

* Các khoa, bộ môn, trung tâm được thành lập phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo theo các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp; Gồm Khoa Bảo trì cơ khí, Khoa Công nghệ ô tô,

Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Cơ khí chính xác, Khoa Cơ điện tử, Khoa Điện, Khoa Điện tử, Khoa Kỹ thuật lạnh, Bộ môn Kỹ thuật nữ công và Trung tâm đào tạo lái xe.
(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.05 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 18/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp số 19/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp)

Mỗi đơn vị có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy đáp ứng qui mô đào tạo các nghề trình độ trung cấp, sơ cấp và các khóa đào tạo thường xuyên; Đảm bảo được hiệu quả công tác của các đơn vị trong trường. Hàng năm, các đơn vị đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*(**MC 1.5.01** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Tổ chức, Hành chính – Quản trị;*
***MC 1.5.02** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;*
***MC 1.5.03** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;*
***MC 1.5.04** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Đào tạo;*
***MC 1.5.05** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Kế toán;*
***MC 1.5.06** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Bảo trì cơ khí;*
***MC 1.5.07** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Công nghệ thông tin;*
***MC 1.5.08** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ điện tử;*
***MC 1.5.09** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí chính xác;*
***MC 1.5.10** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí động lực;*

***MC 1.5.11** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện;*
***MC 1.5.12** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện tử;*
***MC 1.5.13** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Kỹ thuật lạnh;*
***MC 1.5.14** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của BM Kỹ thuật nữ công;*
***MC 1.5.15** – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Trung tâm Đào tạo lái xe Hùng Vương)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.6
Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, phân tích:

* Hội đồng Trường và các Hội đồng tư vấn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Năm 2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành Quyết định thành lập Hội đồng trường TCN KTCN Hùng Vương. Hội đồng Trường được kiện toàn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định khi có sự thay đổi về nhân sự qua các năm tiếp theo.

*(**MC 1.6.01 –** các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 về việc thành lập, kiện toàn thành viên Hội đồng trường TCN KTCN Hùng Vương Quận 5;*
***MC 1.6.02** - Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 về thành lập Hội đồng trường TCN KTCN Hùng Vương Quận 5 năm 2021)*

Hội đồng Trường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định và có hiệu quả với những thành tích rất cụ thể.

*(**MC 1.6.03** – Giấy khen "Vì đã có thành tích tham gia tích cực các hoạt động phong trào tại địa phương năm 2018" do Ủy ban nhân dân phường 12 tặng năm 2019;*
***MC 1.6.04** – Giấy khen "Vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh và giải quyết việc làm năm 2018" do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh tặng năm 2019;*
***MC 1.6.05** – Giấy khen "Vì đã tích cực tham gia và thực hiện tốt công tác hiến máu tình nguyện năm 2018" do Ủy ban nhân dân Quận 5 tặng năm 2019;*

MC 1.6.06 *– Giấy khen vì đã có thành tích trong công tác tuyên truyền, phối hợp, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 – 2019 do Bảo hiểm xã hội TP.HCM tặng năm 2019;*
MC 1.6.07 *– Giấy khen "Vì đã thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 – 2019" do Bảo hiểm xã hội Việt Nam tặng năm 2019;*
MC 1.6.08 *– Bằng khen "Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc" - Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố do Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng năm 2019;*
MC 1.6.09 *– Bằng khen trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm học liên tục (2017-2018, 2018-2019) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố do Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng năm 2019;*
MC 1.6.10 *– Giấy khen "Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành mục tiêu không còn hộ cận nghèo tiêu chuẩn Thành phố giai đoạn 2019 – 2020 trên địa bàn Quận 5" do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 tặng năm 2020;*
MC 1.6.11 *– Giấy khen Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là đơn vị Văn hóa tiêu biểu trong thực hiện phong tào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa "Giai đoạn 2000 – 2020" do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 tặng năm 2020;*
MC 1.6.12 *– Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2019-2020 do Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng năm 2020;*
MC 1.6.13 *– các Báo cáo của Hội đồng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về tổng kết công tác năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Ngoài ra, Trường TCN KTCN Hùng Vương còn thành lập các Hội đồng tư vấn như Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường; Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Hội đồng thi tốt nghiệp; Hội đồng xét tốt nghiệp; Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo; …

*(**MC 1.6.14** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ trung cấp khóa 19K13 năm học 2019-2020;*
MC 1.6.15 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ trung cấp khóa 20k14 năm học 2020-2021;*
MC 1.6.16 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ trung cấp khóa 21k15 năm học 2021-2022;*
MC 1.6.17 *– các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
MC 1.6.18 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2017;*
MC 1.6.19 *- Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của các nghề trình độ trung cấp năm 2019;*

***MC 1.6.20** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2020;*
***MC 1.6.21** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 1.6.22** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 1.6.23** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa XI, niên khóa 2017 – 2019;*
***MC 1.6.24** - Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 – 2020;*
***MC 1.6.25** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021 (đợt 1))*

- Các Hội đồng tư vấn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và có hiệu quả; được thể hiện qua các báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

*(**MC 1.6.26** – các Báo cáo của Hội đồng tuyển sinh về công tác tuyển sinh hệ trung cấp khóa 19K13 năm học 2019-2020, khóa 20K14 năm học 2020-2021;*
***MC 1.6.27** – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề năm 2017, năm 2018;*
***MC 1.6.28** - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp hiệu chỉnh năm 2019;*
***MC 1.6.29** - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2020;*
***MC 1.6.30** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019, năm 2020;*
***MC 1.6.31** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 07 nghề trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020;*
***MC 1.6.32** – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả xét tốt nghiệp khóa 17K11-1 niên khóa 2017 – 2019;*
***MC 1.6.33** - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 – 2020;*
***MC 1.6.34** - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021)*

- Năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm trực thuộc Trường. Qua đánh giá tổng kết cuối năm, các đơn vị đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

(*MC 1.3.21 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc Trường*;
MC 1.5.01 - các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Tổ chức, Hành chính – Quản trị;
MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.5.03 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
MC 1.5.04 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Đào tạo;
MC 1.5.05 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Kế toán;
MC 1.5.06 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Bảo trì cơ khí;
MC 1.5.07 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Công nghệ thông tin;
MC 1.5.08 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ điện tử;
MC 1.5.09 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí chính xác;
MC 1.5.10 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí động lực;
MC 1.5.11 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện;
MC 1.5.12 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện tử;
MC 1.5.13 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Kỹ thuật lạnh;
MC 1.5.14 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của BM Kỹ thuật nữ công;
MC 1.5.15 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Trung tâm Đào tạo lái xe Hùng Vương;
***MC 1.6.35** – Các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 1.6.36** – các Quyết định khen thưởng của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khen thưởng thành tích của các đơn vị của Trường năm học 2019-2020, 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 6 tiêu chí 1.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.7
Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích:

- Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng qua các giai đoạn theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 (từ năm 2006 đến 2008) và theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (từ 2009 đến 2017). Trường đã thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của Trường.

*(**MC 1.7.01** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng năm 2009;*
***MC 1.7.02** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc đổi tên Phòng Đảm bảo chất lượng thành Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm 2016;*
MC 1.3.05 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm 2019)

- Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường theo tiêu chuẩn ISO từ năm 2000 đến năm 2017 gồm Chính sách chất lượng, Sổ tay chất lượng, mục tiêu chất lượng hàng năm và các quy trình – thủ tục.

*(**MC 1.7.03** – Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008*)

- Thực hiện quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Quy định về xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường.

*(**MC 1.7.04** - Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định về việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường năm 2018)*

- Trường TCN KTCN Hùng Vương đã lập, triển khai Kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường theo quy định. Đến tháng 12/2018, Trường đã xây dựng hoàn chỉnh và ban hành hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, đưa vào vận hành từ 20/12/2018 gồm:

  + Chính sách chất lượng;
  + Mục tiêu chất lượng năm học 2018-2019;
  + Sổ tay chất lượng;
  + Các qui trình – thủ tục: Thủ tục kiểm soát tài liệu; Thủ tục kiểm soát hồ sơ chất lượng; Thủ tục đánh giá nội bộ; Thủ tục kiểm soát thiết bị; Qui trình mua sắm trang thiết bị; Qui trình xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo hệ trung cấp; Qui trình biên soạn, lựa chọn, hiệu chỉnh giáo trình hệ trung cấp; Qui trình chuẩn bị giảng dạy; Qui trình quản lý hoạt động giảng dạy; Qui trình thi kết thúc mô đun, môn học hệ trung cấp; Qui trình thực tập tốt nghiệp.

*(**MC 1.7.05** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường năm 2018;*
***MC 1.7.06** - Email ngày 17/8/2018 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về triển khai Kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường;*
***MC 1.7.07** – Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2018;*
***MC 1.7.08** - Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm chất lượng Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường năm 2018)*

Trong năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương tiếp tục xây dựng bổ sung và đưa vào vận hành hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng theo quy định gồm:

+ Thủ tục tạm dừng và bảo lưu kết quả học tập, học tiếp và tự thôi học;

+ Thủ tục cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận cho học sinh, học viên;

+ Qui trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh hệ trung cấp;

+ Qui trình xét công nhận tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp;

+ Qui trình thanh lý tài sản công.

*(**MC 1.7.09** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc xây dựng bổ sung hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng của Trường năm 2019;*
***MC 1.7.10** – Biên bản họp về triển khai kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường năm 2019;*
***MC 1.7.11** – Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2019;*
***MC 1.7.12** - Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường năm 2019;*
***MC 1.7.13** - Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường năm 2020)*

Năm 2021, Trường tiếp tục xây dựng bổ sung hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng gồm tuyển sinh, nhân sự, dịch vụ đào tạo, tự đánh giá chất lượng trường.

*(**MC 1.7.14** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xây dựng bổ sung hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng của Trường năm 2021;*
***MC 1.7.15** – Biên bản họp về triển khai công tác xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường năm 2021;*
***MC 1.7.16** – Tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2021)*

Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương, của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và cũng như trên 90% ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên định kỳ hàng năm đồng ý về việc Trường đã xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng đúng theo quy định.

*(**MC 1.7.17** – các Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên về hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 1.5.03 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.8
Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã thành lập phòng Đảm bảo chất lượng từ năm 2009. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Phòng đã đạt nhiều thành tích góp phần nâng cao vị thế, thương hiệu và sự phát triển của nhà trường. Đến nay, phòng Đảm bảo chất lượng được đổi tên thành phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức triển khai, quản lý công tác khảo thí và công tác bảo đảm chất lượng; kiểm tra giám sát quá trình đào tạo, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng, tự kiểm định và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

(MC 1.7.01 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng năm 2009;
MC 1.7.02 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc đổi tên Phòng Đảm bảo chất lượng thành Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm 2016;
MC 1.3.05 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm 2019)

Theo kết quả đánh giá, xếp loại thi đua của Trường, phòng Đào tạo và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Trường hoàn thành nhiệm vụ được giao từ năm học 2019-2020 đến nay.

(MC 1.5.03 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 6 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
MC 1.5.04 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Đào tạo;
MC 1.6.35 – Các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 1.6.36 – các Quyết định khen thưởng của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khen thưởng thành tích của các đơn vị của trường năm học 2019-2020, 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.9
Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, phân tích:

Ngày 28/6/2010, Quận uỷ Quận 5 ban hành quyết định chuẩn y nhân sự cấp uỷ của Chi bộ Trường TCN KTCN Hùng Vương gồm Bí thư, Phó Bí thư, Chi ủy viên.

*(**MC 1.9.01** – Quyết định của Quận ủy Quận 5 về chuẩn y cấp ủy cơ sở Đảng nhiệm kỳ X (2015-2020);*
***MC 1.9.02** – Quyết định của Quận ủy Quận 5 về chuẩn y Cấp ủy, Phó Bí thư chi bộ Trường TCN KTCN Hùng Vương nhiệm kỳ XI (2020-2025))*

Chi bộ Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Nghị quyết Đại hội Chi bộ Trường lần thứ X (2015-2020), lần thứ XI (2020-2025) và nghị quyết Chi bộ Trường hàng năm. Chi bộ ban hành Quy chế làm việc, trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ làm việc giữa cấp ủy chi bộ với chính quyền.

Trên cơ sở các qui định trên, Chi bộ Trường TCN KTCN Hùng Vương đã phát huy được vai trò lãnh đạo trong hoạt động chung của trường.

Hiện tại, Chi bộ có 12 đảng viên. Trong đó: 02 nữ;

- Về trình độ: 03 thạc sỹ, 09 đại học.
- Về trình độ lý luận chính trị: 02 cao cấp; 04 trung cấp; 02 sơ cấp

Cấp uỷ và Chi bộ duy trì họp định kỳ hàng tháng một lần, kịp thời ban hành kế hoạch, chương trình hành động, chương trình công tác tháng; Qua đó, Chi bộ lãnh đạo nhà trường thực hiện đường lối, chính sách, chủ trương của đảng, pháp luật của Nhà nước, định hướng phát triển của ngành giáo dục nghề nghiệp về thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường.

*(**MC 1.9.03** – Nghị quyết Đại hội Chi bộ Trường lần thứ X (2015-2020);*
***MC 1.9.04** – Chương trình công tác của Chi bộ Trường năm học 2019-2020;*
***MC 1.9.05** – Nghị quyết số 02-NQ/CB ngày 04/7/2020 Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ xi nhiệm kỳ 2020 – 2025;*
***MC 1.9.06** – Chương trình công tác của Chi bộ Trường năm học 2020-2021;*
***MC 1.9.07** – Quy chế làm việc của Chi uỷ Chi bộ về Quy chế làm việc của Chi bộ nhiệm kỳ 2015-2020;*
***MC 1.9.08** – Quy chế làm việc của Chi bộ Trường TCN KTCN Hùng Vương nhiệm kỳ 2020-2025)*

Từ năm 2019 đến nay, Chi bộ trường đều được Quận uỷ Quận 5 đánh giá xếp loại Chi bộ đạt tiêu chuẩn Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*(**MC 1.9.09** – các Báo cáo của Chi bộ Trường về tổng kết công tác năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 1.9.10** - Quyết định của Ban Thường vụ Quận ủy Quận 5 về kết quả đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên năm 2019;*
***MC 1.9.11** - Quyết định của Quận ủy Quận 5 về xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 2020*)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 9 tiêu chí 1

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 9 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.10
Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích:

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường TCN KTCN Hùng Vương được thành lập cùng với sự hình thành và phát triển của Trường. Năm 2018, BCH Đoàn Thanh niên Trường được sự chuẩn y của Quận Đoàn Quận 5 với 05 thành viên.

  *(**MC 1.10.01** - Quyết định năm 2018 của BCH Đoàn Quận 5 về kiện toàn nhân sự Ban chấp hành Đoàn trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương nhiệm kỳ 2012-2017)*

- Năm 2020, Quận Đoàn Quận 5 ban hành quyết định công nhận BCH Đoàn Trường lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2022.

  *(**MC 1.10.02** – Quyết định năm 2020 của BCH Đoàn Quận 5 về việc công nhận Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Đoàn trường TCN KTCN Hùng Vương lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2022)*

- Đoàn Cơ sở Trường TCN KTCN Hùng Vương hoạt động đúng theo qui định Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và theo chỉ đạo, hướng dẫn của Thành Đoàn Tp. Hồ Chí Minh, Quận đoàn Quận 5.

  *(**MC 1.10.03** – Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh)*

- Đoàn TNCS HCM Trường TCN KTCN Hùng Vương cũng tổ chức nhiều hoạt động gắn với đặc điểm tâm lý học sinh tập hợp được đông đảo thanh niên học sinh tham gia Hội thi tay nghề trẻ các cấp, các hoạt động phong trào văn – thể – mỹ, hoạt động "Về nguồn", Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, Hiến máu Nhân Đạo, Chăm lo Tết Nguyên đán ... tạo hưng phấn, sự tự tin trong học tập và rèn luyện.

*(**MC 1.10.04** – các Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác năm học 2019-2020; năm 2020-2021;*
***MC 1.10.05** – Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019;*

MC 1.10.06 *– Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019;*
MC 1.10.07 *– Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức hiến máu nhân đạo năm 2019;*
MC 1.10.08 *– Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hiến máu nhân đạo năm 2019;*
MC 1.10.09 *– Kế hoạch của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về vận động kinh phí chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020;*
MC 1.10.10 *– Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả vận động kinh phí chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020;*
MC 1.10.11 *– Kế hoạch của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về vận động đóng góp Vì đàn em Hè năm 2020;*
MC 1.10.12 *– Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả vận động đóng góp Vì đàn em Hè năm 2020;*
MC 1.10.13 *– Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2020;*
MC 1.10.14 *– Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về hưởng ứng tuần lễ học tập suốt đời năm 2020;*
MC 1.10.15 *- Kế hoạch về hoạt động chào mừng 35 năm ngày thành lập Trường và Kỷ niệm 38 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020;*
MC 1.10.16 *- Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động chào mừng 35 năm ngày thành lập Trường và kỷ niệm 38 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020;*
MC 1.10.17 *- Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2019-2020;*
MC 1.10.18 *- Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2020-2021;*
MC 1.10.19 *– Thông báo của BCH Quận Đoàn Quận 5 về đánh giá kết quả thi đua công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2019-2020)*

Bên cạnh Đoàn Thanh niên Trường, Công đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương cũng được thành lập cùng với sự hình thành và phát triển của Trường. Năm 2017, Liên đoàn Lao động Quận 5 ban hành quyết định công nhận BCH Công đoàn cơ sở, Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở của Trường.

*(**MC 1.10.20** - Quyết định của Liên đoàn Lao động Quận 5 về việc công nhận Ban chấp hành Công đoàn cơ sở trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương nhiệm kỳ XII (2017-2022);*
MC 1.10.21 *- Quyết định của Liên đoàn Lao động Quận 5 về việc công nhận Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương nhiệm kỳ XII (2017-2022))*

Công đoàn cơ sở Trường TCN KTCN Hùng Vương hoạt động đúng theo qui định Điều lệ Công đoàn Việt Nam và theo chỉ đạo, hướng dẫn của Liên đoàn Lao động Thành phố, Liên đoàn Lao động Quận 5. Hàng năm, Công đoàn nhà trường đã tổ chức được nhiều hoạt động thiết thực như phong trào văn hóa, văn nghệ, xây dựng văn hóa công sở văn minh sạch đẹp...có tác dụng tích cực đối với đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ cán bộ, viên chức, giáo viên góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo sự đoàn kết gắn bó trong quan hệ đồng nghiệp.

*(**MC 1.10.22** – Quy chế làm việc của Ban chấp hành Công đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương nhiệm kỳ 2012-2017, nhiệm kỳ 2017-2022*)
***MC 1.10.23** – Các Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 1.10.24** – các Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 1.10.25** - Biên bản đánh giá/Quyết định công nhận danh hiệu của Công đoàn trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Các tổ chức đoàn thể trong trường đã có những hoạt động hiệu quả, được đánh giá tốt. Kết quả xếp loại hàng năm đều xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*(**MC 1.6.35** – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 10 tiêu chí 1
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 10 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.11
Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quy định về nội dung, phương pháp và công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo của Trường; Bên cạnh đó, ban hành hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng gồm các quy trình, thủ tục về kiểm tra, kiểm soát.

*(**MC 1.11.01** – Quyết định của Hiệu trưởng TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định về nội dung, phương pháp và công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo; về quản lý, sử dụng dữ liệu các hoạt động đào tạo trình độ trung cấp năm 2017;*
***MC 1.7.07** – Qui trình quản lý hoạt động giảng dạy, Qui trình thi kết thúc mô đun, môn học hệ trung cấp, Thủ tục kiểm soát thiết bị trong Tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2018)*

Theo Quy định và các quy trình, thủ tục đã được phê duyệt, Trường đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy; kiểm tra định kỳ về thực hiện hồ sơ giảng dạy; dự giám sát thi; kiểm soát thiết bị; kiểm tra công tác tuyển sinh; kiểm tra công tác in ấn, cấp, phát bằng tốt nghiệp, chứng chỉ; xét, cấp học bổng. Cụ thể:

1. Về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy: Trường xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy hệ trung cấp theo từng học kỳ; lịch kiểm tra hàng tuần đối với hệ sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

(MC 1.11.02 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy hệ trung cấp năm học 2019-2020 (kèm Lịch kiểm tra, giám sát học kỳ I);
MC 1.11.03 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.04 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.05 – Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.06 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.07 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.08 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ II năm học 2019-2020);
MC 1.11.09 – Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.10 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.11 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.12 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.13 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.14 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ I năm học 2020-2021);
MC 1.11.15 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.16 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.17 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.18 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.19 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021)

2. Về công tác giám sát thi: Trường xây dựng kế hoạch thi học kỳ hệ trung cấp theo từng học kỳ, năm học; trong đó, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện giám sát thi theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

(MC 1.11.20 – Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ I năm học 2019-2020 (kèm theo

biên bản giám sát thi);
MC 1.11.21 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.22 – Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ II năm học 2019-2020 (kèm theo biên bản giám sát thi);
MC 1.11.23 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.24 – Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ I năm học 2020-2021 (kèm theo biên bản giám sát thi);
MC 1.11.25 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.26 - *Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ II năm học 2020-2021 (kèm theo biên bản giám sát thi);*
MC 1.11.27 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ I năm học 2020-2021)

3. Về kiểm soát thiết bị: Trường định kỳ kiểm tra việc thực hiện và duy trì thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn theo kế hoạch.

(MC 1.11.28 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.29 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.30 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.31 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.32 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.33 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.34 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021;
MC 1.11.35 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021;
MC 1.11.36 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021)

4. Về kiểm tra công tác tuyển sinh: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra định kỳ công tác tuyển sinh các cấp trình độ hàng năm, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, công bằng theo quy chế tuyển sinh đã phê duyệt.

(MC 1.11.37 – các Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công tác tuyển sinh trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

5. Về kiểm tra công tác in ấn, cấp phát bằng tốt nghiệp, chứng chỉ: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra công tác in ấn, cấp phát bằng tốt nghiệp, chứng chỉ

định kỳ hàng năm theo quy định, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời.

(MC 1.11.38 – các Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công tác in ấn, cấp phát bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020;
MC 1.11.39 – các Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công tác in ấn, cấp phát chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo năm 2019, năm 2020; 9 tháng đầu năm 2021)

6. Về xét, cấp học bổng cho học sinh hệ trung cấp: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra định kỳ công tác xét, cấp học bổng cho học sinh trình độ trung cấp hàng năm theo quy định, đảm bảo tính đầy đủ, công khai, minh bạch, công bằng, chính xác, khách quan.

(MC 1.11.40 – Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công tác xét, cấp học bổng cho học sinh trình độ trung cấp học kỳ I năm học 2020-2021)

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý và tổ chức họp về các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo.

(MC 1.11.41 – các Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 1.11.42 – các Biên bản họp về rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát năm 2019, năm 2020;
MC 1.7.11 - Qui trình quản lý hoạt động giảng dạy (hiệu chỉnh lần 1), Qui trình thi kết thúc mô đun, môn học hệ trung cấp (hiệu chỉnh lần 1) trong Tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2019)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 11 Tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.12
Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Từ khi thành lập đến nay, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện cơ chế tự chủ tài chính; Trường thực hiện giao kết hợp đồng lao động với giáo viên của Trường hình thức lương khoán theo thỏa thuận, do đó Trường không quy định và thực hiện các nội dung về phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo theo quy định tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – TBXH.

Tuy nhiên, định kỳ hàng năm Trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, giáo viên, người lao động nhằm báo cáo kết quả thực hiện và ban hành nghị quyết, trong đó thể hiện

việc thực hiện chế độ, chính sách, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động, chăm lo cải thiện đời sống về tinh thần, vật chất cho công đoàn viên.

(MC 1.12.01 – các Văn kiện Hội nghị cán bộ, viên chức, giáo viên, người lao động năm 2018, năm 2019; năm 2020;
MC 1.3.17 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 1.12.02 – các Danh sách chăm lo đời sống vật chất – tinh thần cho cán bộ, viên chức, giáo viên, người lao động năm 2019; năm 2020; 9 tháng đầu năm 2021)

Bên cạnh việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. Thông qua việc ban hành các bản mô tả vị trí việc làm, thông báo và thực hiện công tác tuyển dụng, thể hiện việc bảo đảm cho nam, nữ bình đẳng về được tuyển dụng, được bố trí công việc phù hợp, bảo đảm trách nhiệm và quyền lợi đối với vị trí việc làm được giao.

(MC 1.12.03 – Bộ Bản mô tả công việc theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2016;
MC 1.12.04 – Bộ Bản mô tả công việc của giáo viên năm 2019;
MC 1.12.05 – Bộ Bản mô tả vị trí việc làm theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2021;
MC 1.12.06 – các Giấy đề xuất tuyển dụng nhân sự năm 2019;
MC 1.12.07 – các Giấy đề xuất tuyển dụng nhân sự năm 2020;
MC 1.12.08 – các Giấy đề xuất tuyển dụng nhân sự năm 2021;
MC 1.12.09 – Các hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng các vị trí việc làm trên internet năm 2019;
MC 1.12.10 – Các hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng các vị trí việc làm trên internet năm 2020;
MC 1.12.11 – Các hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng các vị trí việc làm trên internet năm 2021)

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi; thực hiện chính sách bình đẳng giới trong Trường. Qua khảo sát, trên 90% ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý hài lòng về việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi cũng như chính sách bình đẳng giới trong Trường.

(MC 1.12.12 – các Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác thực hiện chế độ, chính sách và bình đẳng giới tại Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện được đầy đủ, đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 12 Tiêu chí 1: 01 điểm

3.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 2:

Mở đầu: Trường TCN KTCN Hùng Vương cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp đa ngành, nghề, đa cấp đào tạo và có chất lượng đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời của người học. Hiện nay, trường đào tạo các cấp trình độ: Trung cấp, Sơ cấp và các khoá đào tạo thường xuyên.

Trong quá trình thực hiện tuyển sinh, nhà trường đảm bảo thực hiện tốt các quy định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH. Việc đa dạng hoá các phương thức đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động và yêu cầu của thực tế sản xuất. Vì vậy, trường đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ hệ sơ cấp lên trung cấp tạo điều kiện thuận lợi cho các học sinh có nhu cầu nâng cao trình độ. Để bảo đảm chất lượng của các cấp độ đào tạo, Nhà trường đặc biệt chú trọng đến cải tiến công tác quản lý tại các phòng, khoa, bộ môn. Với những nỗ lực của lãnh đạo nhà trường và đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đã đem lại hiệu quả cao cho mọi hoạt động đào tạo trước, trong và sau đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

- Nhà trường thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH. Hàng năm, đều có hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh đảm bảo thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan.
- Nhà trường đã thực hiện đa dạng hoá phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; có mối liên kết chặt chẽ với các công ty, doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.
- Nhà trường đã áp dụng các hình thức, phương pháp dạy học tích cực, khuyến khích phát triển năng lực tự học và tinh thần hợp tác của người học.

** Những tồn tại:*

– Hiện nay, Trường TCN KTCN Hùng Vương chỉ tổ chức lớp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

– Số lượng học sinh đăng ký học liên thông từ hệ sơ cấp lên hệ trung cấp còn thấp, chưa đủ số lượng để mở lớp.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

– Bổ sung quy chế đào tạo theo niên chế; bổ sung nội dung tư vấn tuyển sinh đào tạo theo niên chế.

– Tăng cường công tác tuyển sinh đào tạo liên thông từ hệ sơ cấp lên trung cấp.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	**16/17**
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	01 điểm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	00 điểm
Tiêu chuẩn 5	01 điểm
Tiêu chuẩn 6	01 điểm
Tiêu chuẩn 7	01 điểm
Tiêu chuẩn 8	01 điểm
Tiêu chuẩn 9	01 điểm
Tiêu chuẩn 10	01 điểm
Tiêu chuẩn 11	01 điểm
Tiêu chuẩn 12	01 điểm
Tiêu chuẩn 13	01 điểm
Tiêu chuẩn 14	01 điểm
Tiêu chuẩn 15	01 điểm
Tiêu chuẩn 16	01 điểm
Tiêu chuẩn 17	01 điểm

Tiêu chuẩn 2.1

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực lân cận, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật như cơ khí – ô tô, điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin…. Đã được Sở Lao động – Thương binh Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với 11 nghề trình độ trung cấp năm 2017, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với 04 nghề trình độ trung cấp năm 2018, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với 16 nghề trình độ sơ cấp.

(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp)

Hiện nay, Trường đang tổ chức tuyển sinh đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, 16 nghề trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên.

*(**MC 2.1.01** – các Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;*

***MC 2.1.02** – các Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021;*

***MC 2.1.03** – các Danh mục các khóa đào tạo thường xuyên của Trường TCN KTCN Hùng Vương của năm 2019, năm 2020, năm 2021*)

Sau khi thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương hiệu chỉnh và ban hành chuẩn đầu ra đối với chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp, sơ cấp và thực hiện công bố công khai trên bảng thông báo và trên trang web của trường hàng năm.

*(**MC 2.1.04** – các Danh sách chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của 15 chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020;*

***MC 2.1.05** – các Danh sách chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của 36 chương trình đào tạo các nghề trình độ sơ cấp năm 2019, năm 2020;*

***MC 2.1.06** – các Danh sách chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của 16 chương trình đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, năm 2021;*

***MC 2.1.07** – các Thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công khai chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp, sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*

***MC 2.1.08** - Hình ảnh các chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra đăng trên website của Trường)*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

***(MC 2.1.09** - các Bản tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo được ban hành và công bố công khai để người học và xã hội biết năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.2
Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Thực hiện qui định tại các Thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017, số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019, 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện tổ chức xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh các cấp trình độ hàng năm đúng theo qui định.

*(**MC 2.2.01** – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế tuyển sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.3
Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích:

Dựa trên Báo cáo định kỳ của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động Tp. Hồ Chí Minh, kết quả tổng hợp thông tin đăng ký tuyển dụng của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, báo cáo kết quả tuyển sinh – đào tạo định kỳ tháng 12 hàng năm cũng như điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên hiện có để làm căn cứ xây dựng và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm tiếp theo.

* Đối với trình độ trung cấp:

Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện tuyển sinh trình độ trung cấp theo hình thức xét tuyển. Từ năm học 2019-2020 đến nay, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, ban hành Quy chế tuyển sinh đúng theo nội dung qui định tại Thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017 và Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng. Quy chế tuyển sinh hàng năm đảm bảo đúng, đủ nội dung, công bằng cho các đối tượng.

* Đối với trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên:

Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện tuyển sinh trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên đúng theo qui định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

*(**MC 2.3.01** – Bảng đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh từng nghề năm 2019;*
***MC 2.3.02** – Bảng đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh từng nghề năm 2020;*
***MC 2.3.03** - Bảng đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh từng nghề năm 2021;*

***MC 2.3.04** - Kế hoạch của phòng Đào tạo, Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh hệ trung cấp năm học 2019-2020;*
***MC 2.3.05** - Kế hoạch của Phòng Đào tạo Trường TCN KTCN Hùng Vương về chiêu sinh hệ sơ cấp và đào tạo thường xuyên năm 2019;*
***MC 2.3.06** - Kế hoạch của Phòng Đào tạo, Trưởng TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh hệ trung cấp năm học 2020-2021;*
***MC 2.3.07** - Kế hoạch của phòng Đào tạo, Trưởng TCN KTCN Hùng Vương về chiêu sinh hệ sơ cấp và Đào tạo thường xuyên năm 2020;*
***MC 2.3.08** - Kế hoạch của phòng Đào tạo, Trưởng TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh hệ trung cấp năm học 2021-2022;*
***MC 2.3.09** - Kế hoạch của phòng Đào tạo, Trưởng TCN KTCN Hùng Vương về chiêu sinh hệ Sơ cấp và Đào tạo thường xuyên năm 2021;*
MC 2.2.01 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế tuyển sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022)

Trên cơ sở quy chế tuyển sinh, Trường ban hành thông báo tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh; phương thức, tiêu chí xét tuyển được cụ thể hóa trong thông báo tuyển sinh; thực hiện công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng như trang web của trường, facebook của Trường.

*(**MC 2.3.10** – Các Thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh hệ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022;*
***MC 2.3.11** – các Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về chiêu sinh hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Hàng năm, Hiệu trưởng trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đối với trình độ trung cấp, trong đó quy định cụ thể số lượng, nhiệm vụ và quyền hạn, để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh. Đối với tuyển sinh hệ sơ cấp, Trưởng phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện công tác xét tuyển.

(MC 1.6.14 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ trung cấp khóa 19K13 năm học 2019-2020;
MC 1.6.15 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ trung cấp khóa 20k14 năm học 2020-2021;
MC 1.6.16 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ trung cấp khóa 21k15 năm học 2021-2022)

Bộ phận tuyển sinh – thuộc Phòng Đào tạo của Trường thực hiện công tác tư vấn, chiêu sinh, tiếp nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh các cấp trình độ đào tạo của Trường.

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh đã ban hành, Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp xét tuyển theo từng đợt tuyển sinh. Theo biên bản họp Hội đồng tuyển sinh, bộ phận tuyển sinh thực hiện thông báo, in danh sách và niêm yết công khai kết quả xét tuyển trên trang web, bảng thông báo của Trường.

*(**MC 2.3.12** – các Danh sách học sinh đăng ký xét tuyển hệ trung cấp khóa 19K13 (NK 2019-2021; 2019-2022); khóa 20K14 (NK 2020 -2022; 2020-2023); khóa 21K15 (NK 2021 -2023; 2021-2024);*
***MC 2.3.13** – các Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh về việc xét tuyển trình độ trung cấp khóa 19K13;*
***MC 2.3.14** – các Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh về việc xét tuyển trình độ trung cấp khóa 20K14;*
***MC 2.3.15** - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh về việc xét tuyển trình độ trung cấp khóa 21K15;*
***MC 2.3.16** – các Thông báo của Phòng Đào tạo về việc công bố và phúc tra kết quả xét tuyển hệ trung cấp khóa 19K13; khóa 20K14; khóa 21K15)*

Sau khi hết thời gian công bố kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh thực hiện lập Quyết định và danh sách học sinh trúng tuyển từng khóa trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt.

Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển, Bộ phận tuyển sinh của Trường lập, gửi giấy báo trúng tuyển cho học sinh trúng tuyển.

*(**MC 2.3.17** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận trúng tuyển hệ trung cấp khóa 19K13;*
***MC 2.3.18** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận trúng tuyển hệ trung cấp khóa 20K14;*
***MC 2.3.19** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận trúng tuyển hệ trung cấp khóa 21K15;*
***MC 2.3.20** – Danh sách học viên hệ sơ cấp năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh tổng hợp và lập báo cáo công tác tuyển sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt gửi các cơ quan quản lý theo qui định, trong đó nêu rõ những kết quả đạt được so với chỉ tiêu tuyển sinh, những khó khăn, thuận lợi và đề xuất giải pháp cho năm tuyển sinh kế tiếp.

*(**MC 2.3.21** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác tuyển sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Công tác tuyển sinh hệ trung cấp của Trường được tổ chức nghiêm túc, công bằng, khách quan, không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào.

Sau khi kết thúc tuyển sinh hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra công tác tuyển sinh thể hiện Trường luôn đảm bảo nghiêm túc, công bằng và khách quan trong công tác tuyển sinh.

(MC 1.11.37 – các Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công tác tuyển sinh trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Trên cơ sở kết quả học sinh thực hiện thủ tục nhập học đầy đủ, đúng qui định, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành các quyết định mở lớp và danh sách phân lớp, nhóm cho từng ngành, nghề cụ thể.

*(**MC 2.3.22** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 19K13 kèm các Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo;*
***MC 2.3.23** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 20K14 kèm Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo;*
***MC 2.3.24** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 21K15 kèm Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo)*

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc thực hiện công tác tuyển sinh. Trên 90% ý kiến đồng ý với nội dung công tác tuyển sinh thực hiện đúng theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

*(**MC 2.3.25** – Các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc thực hiện công tác tuyển sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.4
Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả, phân tích:

Hiện nay, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện tuyển sinh và đào tạo hệ trung cấp cho các đối tượng người học tốt nghiệp THCS, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thực hiện quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, từ năm học 2017-2018, Trường đã ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp chính quy theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ. Trường thực hiện công tác tuyển sinh và xây dựng kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề theo quy định Quy chế.

(MC 1.3.16 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường năm 2017;
MC 1.4.07 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp)

Qua kết quả tuyển sinh hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương đang tổ chức thực hiện đào tạo 12/15 ngành, nghề trình độ trung cấp, trong đó 12/12 ngành nghề đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

(MC 2.4.01 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 17K11;
MC 2.4.02 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 18K12;
MC 2.4.03 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 19K13;
MC 2.4.04 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 20K14;
MC 2.4.05 - các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 21K15;
MC 2.4.06 – các Danh sách học sinh trình độ trung cấp tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ tất cả các ngành nghề khóa 17K11, 18K12, khóa 19K13, khóa 20K14, 21K15)

Bên cạnh đó, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc phương thức tổ chức đào tạo theo quy định. Khoảng 90% ý kiến đồng ý phương thức tổ chức đào tạo tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là phù hợp.

(MC 2.4.07 – các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý của Trường TCN KTCN Hùng Vương về phương thức tổ chức đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên chưa đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 00 điểm

Tiêu chuẩn 2.5
Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích:

*** <u>Đối với trình độ trung cấp</u>:**

Trên cơ sở kết quả học sinh thực hiện thủ tục nhập học đầy đủ, đúng qui định, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành các quyết định mở lớp và danh sách phân lớp, nhóm cho từng ngành, nghề cụ thể.

(MC 2.3.22 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 19K13 kèm các Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo;
MC 2.3.23 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 20K14 kèm Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo;
MC 2.3.24 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 21K15 kèm Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo)

Tháng 8 hàng năm, Trường xây dựng tiến độ đào tạo cả năm học cho từng lớp của tất cả ngành, nghề đào tạo. Căn cứ kết quả tuyển sinh khóa mới, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa của mỗi ngành, nghề theo từng học kỳ, năm học; trong đó, kế hoạch đào tạo chi tiết cụ thể đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức tổ chức đào tạo trực tiếp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ đã ban hành.

Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành đầy đủ, kịp thời và đăng trên bảng thông báo, qua email và trên trang web của Trường.

*(**MC 2.5.01** – các Tiến độ đào tạo hệ trung cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022;*
MC 2.4.01 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 17K11;
MC 2.4.02 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 18K12;
MC 2.4.03 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 19K13;
MC 2.4.04 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 20K14;
MC 2.4.05 - các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 21K15)

Từ năm 2017 đến năm 2018, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng và ban hành chương trình đào tạo của 15 ngành, nghề trình độ trung cấp; Năm 2019, Trường đã thực hiện hiệu chỉnh và ban hành chương trình đào tạo của 12 ngành, nghề trình độ trung cấp, đảm bảo 100% ngành, nghề tổ chức đào tạo có đủ chương trình đào tạo theo quy định.

*(**MC 2.5.02** – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 2.5.03** – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019)*

Căn cứ Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo đã được phê duyệt và kết quả đăng ký mô-đun, môn học của học sinh các khoa, Phòng Đào tạo thông báo triển khai các khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch phân công giáo viên và thời khóa biểu của từng lớp theo từng học kỳ, năm học.

*(**MC 2.5.04** – Kế hoạch giáo viên của 09 khoa, bộ môn năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.05** – Thời khóa biểu môn học chung năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.06** - Thời khóa biểu môn học, mô-đun chuyên ngành năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Trên cơ sở kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu được phê duyệt, Trưởng Khoa/Bộ môn giao nhiệm vụ giáo viên của đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy, cụ thể đến từng giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập theo quy định, phù hợp với phương thức đào tạo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

*(**MC 2.5.07** - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;*

***MC 2.5.08** - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.09** - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.10** - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.11** - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.12** - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.13** - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.14** - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2020-2021)*

Giáo viên chuẩn bị hồ sơ và tổ chức giảng dạy các mô-đun, môn học trên cơ sở kế hoạch giảng dạy được phê duyệt theo tiến độ đào tạo, gồm các nội dung như Sổ lên lớp, Giáo án, Sổ tay giáo viên.

*(**MC 2.5.15** – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.16** – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.17** – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.18** – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.19** – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.20** – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.21** – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.22** – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.23** – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.24** – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.25** – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.26** – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.27** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.28** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.29** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.30** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.5.31** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;*

***MC 2.5.32** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.33** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chung học kỳ II năm học 2020-2021;*
***MC 2.5.34** - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021)*

*** <u>Đối với trình độ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên:</u>**

Căn cứ kết quả tuyển sinh, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo của từng ngành, nghề theo từng năm; trong đó, kế hoạch đào tạo chi tiết cụ thể đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức tổ chức đào tạo trực tiếp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ theo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – TBXH.

*(**MC 2.5.35** – Danh sách học viên các ngành, nghề sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.5.36** - Kế hoạch đào tạo các ngành, nghề hệ sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.5.37** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020)*

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo được phê duyệt, Trưởng Khoa/Bộ môn/Trung tâm giao nhiệm vụ giáo viên của đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy, hồ sơ giảng dạy cụ thể đến từng giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập theo quy định.

*(**MC 2.5.38** – Kế hoạch giảng dạy từng môn học, mô đun của các nghề/khóa học năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.5.39** – Sổ tay giáo viên từng môn học, mô đun của các nghề/khóa học năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.5.40** – Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp từng môn học, mô đun của các nghề sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.6
Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo đã được phê duyệt, các khoa, bộ môn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo gồm các nội dung xây dựng kế hoạch giáo viên và thời khóa biểu.

(MC 2.5.01 – các Tiến độ đào tạo hệ trung cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;

MC 2.4.01 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 17K11;
MC 2.4.02 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 18K12;
MC 2.4.03 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 19K13;
MC 2.4.04 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 20K14;
MC 2.4.05 - các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 21K15;
MC 2.5.04 – Kế hoạch giáo viên của 09 khoa, bộ môn năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 2.5.05 – Thời khóa biểu môn học chung năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 2.5.06 - Thời khóa biểu môn học, mô-đun chuyên ngành năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Giáo viên các khoa, bộ môn thực hiện chuẩn bị hồ sơ và tổ chức giảng dạy các mô-đun, môn học trên cơ sở kế hoạch giảng dạy được phê duyệt theo Tiến độ đào tạo, gồm các nội dung như Sổ lên lớp, Giáo án, Sổ tay giáo viên.

(MC 2.5.07 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.08 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.09 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.10 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.11 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.12 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.13 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.14 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.15 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.16 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.17 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.18 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.19 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.20 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.21 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.22 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.23 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.24 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.25 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.26 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021;

MC 2.5.27 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.28 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.29 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.20 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.31 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.32 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.33 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.34 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021)

Nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo theo Mục tiêu chất lượng hàng năm, Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch, tiến độ đào tạo tại các khoa, bộ môn, trung tâm và công tác quản lý đào tạo tại Phòng Đào tạo. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ theo quy định.

(MC 1.11.02 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy hệ trung cấp năm học 2019-2020 (kèm Lịch kiểm tra, giám sát học kỳ I);
MC 1.11.03 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.04 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.05 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.06 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.07 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.08 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ II năm học 2019-2020);
MC 1.11.09 – Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.10 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.11 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.12 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.13 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.14 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ I năm học 2020-2021);

MC 1.11.15 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.16 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.17 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.18 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.19 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 Tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.7
Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích:

Theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trường tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo cụ thể như xây dựng kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên của từng khoa, bộ môn; kế hoạch giảng dạy, giáo án chi tiết của từng môn học, mô đun.

Nhằm đảm bảo nguyên tắc "học đi đôi với hành", giúp học sinh hệ thống hoá và củng cố kiến thức, kỹ năng đã học tại trường; tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với thực tiễn, áp dụng các kiến thức đã học vào công việc thực tế; rèn luyện phong cách làm việc, tinh thần tập thể, tính kỷ luật trong lao động và các ứng xử trong các mối quan hệ công tác tại đơn vị sử dụng lao động, Trường có sự phối hợp với doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề trước khi tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cửa hàng dịch vụ.

Căn cứ kế hoạch đào tạo từng khóa, tiến độ đào tạo đã phê duyệt, Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập tốt nghiệp cho học sinh định kỳ hàng năm. Thông qua biên bản ghi nhớ giữa Trường và doanh nghiệp về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị, nhà trường gửi các nhóm học sinh đi thực tập sản xuất theo đề cương, nội quy, quy định của trường và tại doanh nghiệp mà học sinh thực tập.

*(**MC 2.7.01** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức thực tập tốt nghiệp cho học sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 2.7.02** – các Danh sách học sinh, giáo viên hướng dẫn và doanh nghiệp TTTN năm 2019;*
***MC 2.7.03** – các Danh sách học sinh, giáo viên hướng dẫn và doanh nghiệp TTTN năm 2020;*
***MC 2.7.04** – các Danh sách học sinh, giáo viên hướng dẫn và doanh nghiệp TTTN năm 2021;*

MC 2.7.05 *– các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công giáo viên hướng dẫn và cử học sinh thực tập tốt nghiệp năm 2019;*
MC 2.7.06 *– các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công giáo viên hướng dẫn và cử học sinh thực tập tốt nghiệp năm 2020;*
MC 2.7.07 *– các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công giáo viên hướng dẫn và cử học sinh thực tập tốt nghiệp năm 2021;*
MC 2.7.08 *– các Đề cương thực tập tốt nghiệp năm 2019;*
MC 2.7.09 *– các Đề cương thực tập tốt nghiệp năm 2020;*
MC 2.7.10 *– các Đề cương thực tập tốt nghiệp năm 2021;*
MC 2.7.11 *– các Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác đào tạo giữa (tên doanh nghiệp) với Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019;*
MC 2.7.12 *– các Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác đào tạo giữa (tên doanh nghiệp) với Trường TCN KTCN Hùng Vương, năm 2020;*
MC 2.7.13 *– các Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác đào tạo giữa (tên doanh nghiệp) với Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021;*
MC 2.7.14 *– Công văn về thực tập tốt nghiệp của học sinh tại doanh nghiệp năm 2019;*
MC 2.7.15 *– Công văn về thực tập tốt nghiệp của học sinh tại doanh nghiệp năm 2020;*
MC 2.7.16 *– Công văn về thực tập tốt nghiệp của học sinh tại doanh nghiệp, năm 2021;*
MC 2.7.17 *– Nội quy thực tập tốt nghiệp của học sinh;*
MC 2.7.18 - *Quy định đối với giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp)*

Trong quá trình thực tập, các giáo viên được phân công thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình, đảm bảo học sinh tham gia đầy đủ, đúng nội dung, thời gian quy định.

*(**MC 2.7.19** – các Phiếu kiểm tra tình hình thực tập tốt nghiệp năm 2019;*
MC 2.7.20 *– các Phiếu kiểm tra tình hình thực tập tốt nghiệp năm 2020;*
MC 2.7.21 *– các Phiếu kiểm tra tình hình thực tập tốt nghiệp năm 2021)*

Kết thúc đợt thực tập, học sinh được các doanh nghiệp xác nhận nội dung, thời gian làm việc tại doanh nghiệp và có báo cáo kết quả thực tập theo quy định. 100% học sinh được doanh nghiệp đánh giá đạt đối với các nội dung thực tập tại đơn vị.

*(**MC 2.7.22** – các Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp năm 2019;*
MC 2.7.23 *– các Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp năm 2020;*
MC 2.7.24 *– các Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp, năm 2021;*
MC 2.7.25 *– Báo cáo của giáo viên hướng dẫn về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2019;*
MC 2.7.26 *– Báo cáo của giáo viên hướng dẫn về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2020;*
MC 2.7.27 *– Báo cáo của giáo viên hướng dẫn về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh, năm 2021;*
MC 2.7.28 *– Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2019;*
MC 2.7.29 *– Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2020;*

***MC 2.7.30** – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2021;*
***MC 2.7.31** - Danh sách tổng hợp học sinh đã thực tập tốt nghiệp năm 2019;*
***MC 2.7.32** - Danh sách tổng hợp học sinh đã thực tập tốt nghiệp năm 2020;*
***MC 2.7.33** - Danh sách tổng hợp học sinh đã thực tập tốt nghiệp năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7 Tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.8
Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả, phân tích:

Hiện nay, môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề đang đào tạo tại Trường được tổ chức thực hiện kết hợp song song việc trang bị kiến thức chuyên môn với rèn luyện năng lực thực hành. Với số giờ lý thuyết – thực hành từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề được phân bổ theo tỷ lệ lý thuyết 25%-30% và thực hành 70%-75%, phần lớn môn học, mô đun được tổ chức giảng dạy theo phương pháp tích hợp theo năng lực thực hiện; một số môn học, mô đun được tổ chức giảng dạy theo phương pháp truyền đạt lý thuyết chuyên môn trước để nắm nguyên lý, sau đó tổ chức hướng dẫn thực hành để hình thành kỹ năng; hoặc tổ chức thực hành trước để thành thục kỹ năng, sau đó giải đáp những kiến thức lý thuyết chưa rõ nhằm hoàn thiện năng lực người học.

Các phương pháp giảng dạy trên giúp giáo viên phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

(MC 2.5.07 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.08 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.09 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.10 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.11 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.12 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.13 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.14 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.15 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.16 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2019-2020;

MC 2.5.17 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.18 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.19 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.20 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.21 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.22 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.23 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.24 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.25 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.26 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.27 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.28 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.29 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.20 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.31 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.32 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.33 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.34 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021)

Hàng năm, phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ nhằm tăng cường và làm tốt hơn nữa việc quản lý dạy và học, thúc đẩy phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt", nâng cao chất lượng đào tạo; kết thúc các buổi dự giờ, nội dung biên bản dự giờ có thể hiện sự đánh giá năng lực sư phạm với các nội dung phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

*(**MC 2.8.01** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020 kèm theo Lịch dự giờ;*
***MC 2.8.02** – Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;*
***MC 2.8.03** – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;*

***MC 2.8.04** – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;*
***MC 2.8.05** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020 kèm theo Lịch dự giờ;*
***MC 2.8.06** – Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;*
***MC 2.8.07** – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;*
***MC 2.8.08** – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;*
***MC 2.8.09** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021 kèm theo Lịch dự giờ;*
***MC 2.8.10** - Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;*
***MC 2.8.11** – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;*
***MC 2.8.12** – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;*
***MC 2.8.13** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021 kèm theo Lịch dự giờ;*
***MC 2.8.14** - Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021;*
***MC 2.8.15** – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021;*
***MC 2.8.16** – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021)*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý về phương pháp đào tạo. Trên 95% ý kiến đồng ý về phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

*(**MC 2.8.17** – các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý về phương pháp đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 Tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.9
Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích:

* Đối với trình độ trung cấp:

Năm 2017, Trường TCN KTCN Hùng Vương ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Công nghệ Phần mềm Tri thức ROBOT – KBT về xây dựng Phần mềm quản lý điểm số trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Trường ban hành quy định và đưa vào áp dụng phần mềm từ năm 2018, trong đó giao tất cả các đơn vị liên quan thuộc Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ gồm Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác học sinh, sinh viên, Khoa/Bộ môn; tất cả giáo viên, học sinh của Trường được cấp tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin trên phần mềm.

*(**MC 2.9.01** – Hợp đồng giữa Trường TCN KTCN Hùng Vương và Công ty TNHH Công nghệ Phần mềm Tri thức ROBOT – KBT về cung cấp dịch vụ phần mềm quản lý điểm số năm 2017;*
***MC 2.9.02** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đưa vào áp dụng Phần mềm quản lý đào tạo trình độ trung cấp năm 2017;*
***MC 2.9.03** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy định sử dụng Phần mềm tra cứu điểm online;*
***MC 2.9.04** – Hướng dẫn sử dụng Phần mềm tra cứu điểm online)*

Đồng thời, cán bộ, nhân viên, giáo viên, học sinh có thể truy cập các trang web hungvuongtech.edu.vn, tuyensinhhungvuongtech.edu.vn để tra cứu những điều cần biết, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, khảo sát ý kiến, đánh giá rèn luyện và các thông báo khác.

* Đối với trình độ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên:

Phần mềm quản lý kết quả học tập hệ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên do khoa Công nghệ thông tin biên soạn; Trường đã đưa vào áp dụng từ năm 2008, trong đó giao nhiệm vụ quản lý phần mềm đối với Phòng Đào tạo, lãnh đạo và giáo viên tại Khoa, Bộ môn.
*(**MC 2.9.05** – Hình ảnh phần mềm quản lý kết quả học tập hệ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy đảm bảo 80% các ngành, nghề có ít nhất 50% mô đun/môn học chuyên môn có sử dụng phần mềm mô phỏng, thiết bị mô phỏng hoặc sử dụng các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử và các phần mềm dựng phim, nhạc.
*(**MC 2.9.06** – Danh mục mô đun/môn học chuyên môn ngành, nghề trình độ trung cấp có sử dụng phần mềm mô phỏng/phần mềm trình chiếu clip mô phỏng)*

Ngoài ra, các Khoa, Bộ môn đều được trang bị máy vi tính để phục vụ cho giáo viên soạn bài giảng, tài liệu giảng dạy. Tất cả các thiết bị máy tính toàn trường (kể cả ở các phòng chức năng, nghiệp vụ) đều được nối mạng internet đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và làm việc trong nhà trường. Nhà trường có hợp đồng bộ phận chuyên trách quản trị mạng đảm bảo hệ thống máy tính, hệ thống mạng internet của Trường hoạt động thông suốt.
*(**MC 2.9.07** – Danh mục thiết bị máy tính tại các khoa, bộ môn;*
***MC 2.9.08** – Danh sách bộ phận chuyên trách quản trị hệ thống mạng của Trường;*

Công tác học tập của học sinh cũng được quan tâm. Đặc biệt hệ thống wifi của nhà trường được nâng cấp hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý về thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học tại Trường với kết quả 100% ý kiến đồng ý.

*(**MC 2.9.09** – các Bản tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo về việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học tại Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 9 Tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.10
Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích:

Nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo theo Mục tiêu chất lượng hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đào tạo, dự giờ giáo viên giảng dạy tại các khoa, bộ môn.

(MC 1.11.02 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy hệ trung cấp năm học 2019-2020 (kèm Lịch kiểm tra, giám sát học kỳ I);
MC 1.11.05 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.08 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ II năm học 2019-2020);
MC 1.11.11 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.14 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ I năm học 2020-2021);
MC 1.11.17 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.8.01 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020 kèm theo Lịch dự giờ;
MC 2.8.05 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020 kèm theo Lịch dự giờ;
MC 2.8.09 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021 kèm theo Lịch dự giờ;
MC 2.8.13 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021 kèm theo Lịch dự giờ)

Căn cứ kế hoạch, Trường cử các tổ công tác tiến hành kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất hoạt động giảng dạy, học tập. Thông qua phiếu kiểm tra, giám sát tình hình

giảng dạy, biên bản dự giờ, các tổ công tác tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra và nhắc nhở thực hiện các nội dung còn tồn đọng, khắc phục các thiếu sót theo định kỳ.

(MC 1.11.03 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.04 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.06 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.07 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.09 – Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.10 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.12 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.13 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.15 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.16 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.18 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.19 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.8.02 – Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;
MC 2.8.03 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;
MC 2.8.04 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;
MC 2.8.06 – Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;
MC 2.8.07 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;
MC 2.8.08 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;
MC 2.8.10 - Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;
MC 2.8.11 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;
MC 2.8.12 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;
MC 2.8.14 - Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021;
MC 2.8.15 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021;

MC 2.8.16 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021)

Bên cạnh đó, Phòng Công tác học sinh, sinh viên thực hiện giám sát thường xuyên chuyên cần của học sinh hàng ngày qua dữ liệu điểm danh online do giáo viên bộ môn thực hiện. Phòng Công tác học sinh, sinh viên thực hiện tổng hợp dữ liệu, thông tin đến giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh hàng tuần để nhắc nhở, đôn đốc hoạt động học tập của học sinh.

*(**MC 2.10.01** – File dữ liệu chuyên cần của học sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 2.10.02** – các báo cáo tình hình chuyên cần của học sinh hàng tuần học kỳ II năm học 2019-2020, học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.10.03** – Hình ảnh tin nhắn gửi dữ liệu chuyên cần của học sinh cho giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh học sinh năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 10 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.11
Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát, Trường cử các tổ công tác thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất hoạt động giảng dạy, học tập. Qua báo cáo kết quả kiểm tra, Trường thực hiện nhắc nhở các nội dung còn tồn đọng hàng tuần, hàng tháng; đề xuất và kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất trực tiếp trong các họp giao ban hoặc qua các kênh liên lạc trực tuyến (email nội bộ, zalo). Các đơn vị thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học định kỳ theo học kỳ hàng năm.

(MC 1.11.04 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.07 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.10 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.13 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.16 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.19 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;

MC 2.8.04 – Báo các của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;
MC 2.8.08 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;
MC 2.8.12 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;
MC 2.8.16 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021
MC 2.10.02 – các báo cáo tình hình chuyên cần của học sinh hàng tuần học kỳ II năm học 2019-2020, học kỳ I năm học 2020-2021)

Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Trường và các tổ chức đoàn thể đều thể hiện kết quả điều chỉnh các hoạt động đào tạo đã thực hiện và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng trong năm tiếp theo.

(MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.5.03 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
MC 1.5.04 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Đào tạo;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 1.10.24 – các Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
***MC 2.11.01** – các Báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2018-2019, năm học 2019-2020;*
***MC 2.11.02** – Danh sách các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo và cán bộ quản lý về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất.

*(**MC 2.11.03** – các Bản tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 11 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.12
Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy định. Cụ thể:

Theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường đã ban hành quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp của Trường; đã thực hiện rà soát và sửa đổi, bổ sung quy định năm 2019.

(MC 1.3.16 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường năm 2017;
MC 1.4.07 – Quyết định về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2019;
***MC 2.12.01** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy chế thi học kỳ hệ trung cấp năm 2020)*

Đồng thời, theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội, Trường ban hành quy định công tác học sinh, trong đó nêu cụ thể trình tự, thủ tục đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh; đã thực hiện rà soát và sửa đổi, bổ sung quy định năm 2020.

(MC 1.4.01 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành quy định công tác học sinh, sinh viên trong Trường năm 2017;
MC 1.4.02 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành khung xử lý kỷ luật học sinh của Trường năm 2017;
MC 1.4.03 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành Nội quy học sinh năm 2016;
MC 1.4.10 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020;
MC 1.3.19 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020)

Bên cạnh đó, Trường ban hành quy trình, thủ tục kèm theo các biểu mẫu để tổ chức thực hiện như: quy trình thi, đánh giá kết quả học tập học kỳ; quy trình xét công nhận tốt nghiệp; quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh hệ trung cấp.

(MC 1.7.11 – Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2019)

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội, Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành đầy đủ các quy định về văn bằng, chứng chỉ theo quy định. Cụ thể: Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp; Quy định về ghi số hiệu, số vào sổ cấp bằng tốt nghiệp và chứng chỉ.

*(**MC 2.12.02** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2018;*
***MC 2.12.03** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về điều chỉnh, bổ sung quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019;*
***MC 2.12.04** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2019;*
***MC 2.12.05** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành biểu mẫu giấy chứng nhận, bảng điểm năm 2019;*
***MC 2.12.06** – Quy định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ghi số hiệu, số vào sổ cấp bằng tốt nghiệp và chứng chỉ năm 2019)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 12 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.13
Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích:

Nhằm giúp học sinh hệ thống hoá và củng cố kiến thức, kỹ năng đã học tại trường; tạo điều kiện tiếp cận với thực tiễn của đơn vị sử dụng lao động, các ngành, nghề Trường TCN KTCN Hùng Vương được xây dựng theo định hướng có ít nhất 01 mô đun về thực tập sản xuất/thực tập tốt nghiệp hoặc bài tập tốt nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

(MC 2.1.01 – Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

MC 2.7.14 – Công văn về thực tập tốt nghiệp của học sinh tại doanh nghiệp năm 2019;
MC 2.7.15 – Công văn về thực tập tốt nghiệp của học sinh tại doanh nghiệp năm 2020;
MC 2.7.16 – Công văn về thực tập tốt nghiệp của học sinh tại doanh nghiệp, năm 2021);
MC 2.7.22 – các Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp năm 2019;
MC 2.7.23 – các Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp năm 2020;
MC 2.7.24 – các Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp, năm 2021;
MC 2.7.28 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2019;
MC 2.7.29 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2020;
MC 2.7.30 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác hướng dẫn và kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh năm 2021)

Đối với 100% các ngành, nghề Trường đang đào tạo, Trường đảm bảo có ít nhất 01 đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của mỗi ngành, nghề hàng năm.

(MC 2.13.01 – các Danh sách đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của người học năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 13 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.14
Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích:

Từ năm 2017 đến nay, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các quy định, quy chế về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ đầy đủ và sửa đổi, bổ sung kịp thời theo quy định.

(MC 1.4.07 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2019;
MC 2.12.01 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy chế thi học kỳ hệ trung cấp năm 2020;
MC 1.3.19 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020;
MC 1.4.10 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020;

MC 1.7.11 – Quy trình, thủ tục trong Tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2019;
MC 2.12.02 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2018;
MC 2.12.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về điều chỉnh, bổ sung quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019;
MC 2.12.04 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2019;
MC 2.12.05 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành biểu mẫu giấy chứng nhận, bảng điểm năm 2019;
MC 2.12.06 – Quy định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ghi số hiệu, số vào sổ cấp bằng tốt nghiệp và chứng chỉ năm 2019)

* Đối với trình độ trung cấp:

Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, thi kết thúc mô đun, môn học đúng quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Căn cứ tiến độ đào tạo năm học, Trường xây dựng kế hoạch thi kết thúc mô đun, môn học theo từng học kỳ; trong đó, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện nhiệm vụ giám sát tất cả các buổi thi theo Quy chế quy định.

*(**MC 2.14.01** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thi học kỳ I năm học 2019-2020;*
MC 1.11.20 – Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ I năm học 2019-2020 (kèm theo biên bản giám sát thi);
MC 1.11.21 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ I năm học 2019-2020;
***MC 2.14.02** – Báo cáo của Hội đồng thi về tổng kết thi học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.03** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thi học kỳ II năm học 2019-2020 (kèm theo Lịch thi học kỳ II);*
MC 1.11.22 – Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ II năm học 2019-2020 (kèm theo biên bản giám sát thi);
MC 1.11.23 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ II năm học 2019-2020;
***MC 2.14.04** – Báo cáo của Hội đồng thi về tổng kết thi học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.05** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thi học kỳ I năm học 2020-2021 (kèm theo Lịch thi học kỳ I);*
MC 1.11.24 – Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ I năm học 2020-2021 (kèm theo biên bản giám sát thi);

MC 1.11.25 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ I năm học 2020-2021;
***MC 2.14.06** – Báo cáo của Hội đồng thi về tổng kết thi học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.14.07** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thi học kỳ II năm học 2020-2021 (kèm theo Lịch thi học kỳ II);*
MC 1.11.26 - Danh mục Biên bản giám sát thi học kỳ II năm học 2020-2021 (kèm theo biên bản giám sát thi);
MC 1.11.27 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát thi học kỳ I năm học 2020-2021)

Căn cứ quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh đã được phê duyệt, Trường thực hiện đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện của học sinh đúng quy định đảm bảo công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

*(**MC 2.14.08** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả học tập học kỳ I năm học 2019-2020 (kèm theo Danh sách học sinh);*
***MC 2.14.09** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác đánh giá kết quả học tập học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.10** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả học tập học kỳ II năm học 2019-2020 (kèm theo Danh sách học sinh);*
***MC 2.14.11** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác đánh giá kết quả học tập học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.12** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả học tập học kỳ I năm học 2020-2021 (kèm theo Danh sách học sinh);*
***MC 2.14.13** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác đánh giá kết quả học tập học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.14.14** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh hệ trung cấp học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.15** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện học sinh hệ trung cấp năm hoc 2019-2020;*
***MC 2.14.16** – Hồ sơ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.17** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh hệ trung cấp học kỳ I năm học 2019-2020 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
***MC 2.14.18** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.19** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh hệ trung cấp học kỳ II năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.20** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện học sinh hệ trung cấp;*
***MC 2.14.21** – Hồ sơ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2019-2020;*

***MC 2.14.22** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh học kỳ II năm học 2019-2020 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
***MC 2.14.23** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2019-2020 và của năm học 2019-2020;*
***MC 2.14.24** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh trung cấp học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.14.25** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện học sinh hệ trung cấp năm học 2020-2021;*
***MC 2.14.26** – Hồ sơ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.14.27** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả rèn luyện của học sinh học kỳ I năm học 2020-2021 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
***MC 2.14.28** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2020-2021;*
***MC 2.14.29** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh trung cấp học kỳ II năm học 2020-2021;*
***MC 2.14.30** – Hồ sơ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2020-2021 (đợt 1);*
***MC 2.14.31** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả rèn luyện của học sinh học kỳ II năm học 2020-2021 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
***MC 2.14.32** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2020-2021)*

Căn cứ kế hoạch hoạt động đào tạo hàng năm, Trường lập kế hoạch và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho học sinh đúng quy trình, đúng tiến độ, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng và khách quan theo quy định. Cụ thể:

TT	Năm tốt nghiệp	Số lượng học sinh tốt nghiệp
1	Năm 2019	164
2	Năm 2020	107
3	Năm 2021	131 (đợt 1)

*(**MC 2.14.33** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xét công nhận tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp khóa XI, niên khóa 2017-2019;*
MC 1.6.23 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa XI, niên khóa 2017 – 2019;
***MC 2.14.34** – Hồ sơ xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa XI, niên khóa 2017 – 2019;*

MC 2.14.35 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp khóa XI, niên khóa 2017 -2019 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
MC 2.14.36 *– Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác xét tốt nghiệp khóa 17K11-1 niên khóa 2017 – 2019;*
MC 2.14.37 *– Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xét công nhận tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 – 2020;*
MC 1.6.24 - Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 – 2020;
MC 2.14.38 *– Hồ sơ xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 – 2020 (đợt 1);*
MC 2.14.39 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 - 2020 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
MC 2.14.40 *– Hồ sơ xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 – 2020 (đợt 2);*
MC 2.14.41 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 - 2020 (đợt 2) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
MC 2.14.42 *- Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về giám sát công tác xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 – 2020;*
MC 2.14.43 *– Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021;*
MC 1.6.25 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021 (đợt 1);
MC 2.14.44 *– Hồ sơ xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021 (đợt 1);*
MC 2.14.45 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);*
MC 2.14.46 *- Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác xét tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021 (đợt 1);*

Căn cứ quyết định và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp, Trường tổ chức in ấn, cấp phát bằng tốt nghiệp đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra công tác in ấn, cấp phát bằng tốt nghiệp định kỳ hàng năm.
*(**MC 2.14.47** - Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về phát bằng tốt nghiệp trung cấp của học sinh năm 2019, năm 2020;*
MC 2.14.48 *- Sổ cấp bằng tốt nghiệp trung cấp của học sinh năm 2019;*

***MC 2.14.49** - Sổ cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp của học sinh năm 2019;*
***MC 2.14.50** - Sổ cấp bằng tốt nghiệp trung cấp của học sinh năm 2020;*
***MC 2.14.51** - Sổ cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp của học sinh năm 2020;*
***MC 2.14.52** - Sổ cấp bằng tốt nghiệp trung cấp của học sinh năm 2021;*
MC 1.11.38 – các Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công tác in ấn, cấp phát bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020)

* Đối với trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên:

Căn cứ kế hoạch đào tạo từng nghề, Trường lập lịch kiểm tra kết thúc mô đun, môn học theo từng nghề trong năm; trong đó, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện nhiệm vụ giám sát các buổi kiểm tra theo lịch đã phê duyệt.

*(**MC 2.14.53** – các Biên bản giám sát kiểm tra kết thúc MĐ hệ sơ cấp/ĐTTX năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 2.14.54** – các Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác giám sát kiểm tra kết thúc MĐ hệ sơ cấp/ĐTTX năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 2.14.55** – các Báo cáo của Phòng Đào tạo về tổng kết công tác kiểm tra kết thúc MĐ hệ sơ cấp/ĐTTX năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*

Đồng thời, thực hiện đánh giá kết quả học tập và xét công nhận tốt nghiệp, xét hoàn thành chương trình cho học viên đúng quy định, đảm bảo công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

*(**MC 2.14.56** – các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp hệ sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.14.57** – Các Biên bản họp xét tốt nghiệp hệ sơ cấp, xét hoàn thành chương trình năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.14.58** – Các Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ sơ cấp cho học viên năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.14.59** – các Quyết định công nhận hoàn thành chương trình và cấp chứng chỉ đào tạo cho học viên năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Căn cứ quyết định và danh sách học viên được công nhận tốt nghiệp/hoàn thành chương trình, Trường tổ chức in ấn, cấp phát chứng chỉ đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra công tác in ấn, cấp phát chứng chỉ định kỳ hàng năm.

*(**MC 2.14.60** - Sổ cấp chứng chỉ sơ cấp năm 2019;*
***MC 2.14.61** - Sổ cấp bản sao chứng chỉ sơ cấp năm 2019;*
***MC 2.14.62** - Sổ cấp chứng chỉ sơ cấp năm 2020;*
***MC 2.14.63** - Sổ cấp bản sao chứng chỉ sơ cấp năm 2020;*
***MC 2.14.64** - Sổ cấp chứng chỉ sơ cấp năm 2021;*
***MC 2.14.65** - Sổ cấp bản sao chứng chỉ sơ cấp năm 2021;*
***MC 2.14.66** - Sổ cấp chứng chỉ đào tạo năm 2019;*
***MC 2.14.67** - Sổ cấp chứng chỉ đào tạo năm 2020;*
***MC 2.14.68** - Sổ cấp chứng chỉ đào tạo năm 2021;*
MC 1.11.39 – các Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công

tác in ấn, cấp phát chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo năm 2019, năm 2020; 9 tháng đầu năm 2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 14 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.15

Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng kế hoạch và thực hiện rà soát quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ định kỳ hàng năm.

*(**MC 2.15.01** – các Kế hoạch của Phòng KT&ĐBCL về việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ năm 2019, năm 2020;*
***MC 2.15.02** – các Biên bản về rà soát quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ năm 2019, năm 2020;*
***MC 2.15.03** – Báo cáo của Phòng KT&ĐBCL về kết quả rà soát quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ năm 2019, năm 2020)*

Căn cứ kết quả rà soát, Trường thực hiện điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi kết thúc mô đun, môn học, đánh giá kết quả học tập, đánh giá kết quả rèn luyện, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ kịp thời. Cụ thể:

- Năm 2019: Điều chỉnh quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp; điều chỉnh, bổ sung quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên; hiệu chỉnh mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp.

(MC 1.4.06 - Tờ trình của Phòng Đào tạo về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2019;
MC 1.4.07 – Quyết định về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2019;
***MC 2.15.04** – Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về điều chỉnh, bổ sung quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019;*
MC 2.12.05 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về điều chỉnh, bổ sung quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường

xuyên; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019;
***MC 2.15.06** – Tờ trình của Phòng Công tác học sinh, sinh viên về hiệu chỉnh mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2019;*
***MC 2.15.07** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2019)*

- Năm 2020: Hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh; hiệu chỉnh nội quy và khung xử lý kỷ luật học sinh; hiệu chỉnh mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp.

(MC 1.4.08 – Tờ trình của Phòng Công tác học sinh, sinh viên về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh năm 2020;
MC 1.3.19 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020;
MC 1.4.09 – Tờ trình của Phòng Công tác học sinh, sinh viên về việc hiệu chỉnh nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020;
MC 1.4.10 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020;
***MC 2.15.08** – Tờ trình của Phòng Công tác học sinh, sinh viên về hiệu chỉnh mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2020;*
***MC 2.15.09** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2020)*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. Trên 95% ý kiến đồng ý trường có thực hiện và có thông báo về kết quả rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ định kỳ hàng năm.

*(**MC 2.15.10** – các Bản tổng hợp ý kiến khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 15 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.16
Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Quy định về đào tạo liên thông từ trình sơ cấp lên trình độ trung cấp tại Trường theo quy định.

*(**MC 2.16.01** - Quyết định của Hiệu trưởng trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Qui định về tổ chức đào tạo liên thông các cấp đào tạo năm 2017)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình sơ cấp lên trình độ trung cấp đối với các nghề đang đào tạo tại trường.

*(MC 1.2.03 **-** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;*
*MC 1.2.04 **-** Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;*
MC 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp số 19/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 2.1.01 – các Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 2.1.02 – các Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021;
***MC 2.16.02** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo liên thông các ngành, nghề đào tạo từ trình độ sơ cấp lên trung cấp năm 2017 (kèm các Chương trình đào tạo liên thông);*
***MC 2.16.03** – Danh mục các ngành, nghề đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp)*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành quyết định tuyển sinh và tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên, chưa có người học đăng ký học các chương trình đào tạo liên thông.

*(**MC 2.16.04** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 2.16.05** – các Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*

***MC 2.16.06** – các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả tuyển sinh đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hướng dẫn và thực hiện đào tạo liên thông theo quy định. 100% nhà giáo, cán bộ quản lý quan tâm đến đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp; chương trình, thời gian đào tạo liên thông là phù hợp.

*(**MC 2.16.07** – các Bản tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hướng dẫn và thực hiện đào tạo liên thông theo quy định năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 16 Tiêu chí 2: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2.17
Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ, chức năng – nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành văn bản quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo.

(MC 1.11.01 – Quyết định của Hiệu trưởng TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định về nội dung, phương pháp và công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo; về quản lý, sử dụng dữ liệu các hoạt động đào tạo năm 2017)

1. Trường tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo trung cấp, được tích hợp dữ liệu trên web https://tracuudiem.tuyensinhhungvuongtech.edu.vn/ bao gồm: dữ liệu chương trình đào tạo; dữ liệu thông tin học sinh; dữ liệu kết quả học tập học sinh trình độ trung cấp. Cụ thể:

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: phụ trách quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về nội dung chương trình đào tạo; cơ sở dữ liệu về điểm kiểm tra, thi trình độ trung cấp.

*(**MC 2.17.01** – Hình ảnh nội dung chương trình đào tạo từng nghề;*
***MC 2.17.02** – Hình ảnh dữ liệu điểm kiểm tra, thi trình độ trung cấp)*

- Phòng Đào tạo: phụ trách quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về khóa học, khoa, BM, nghề; cơ sở dữ liệu mô-đun, môn học từng chương trình đào tạo; cơ sở dữ liệu thông tin kết quả tuyển sinh; cơ sở dữ liệu kết quả học tập trình độ trung cấp.

*(**MC 2.17.03** – Hình ảnh dữ liệu danh sách các khóa học;*
***MC 2.17.04** – Hình ảnh dữ liệu danh sách các khoa, bộ môn;*
***MC 2.17.05** – Hình ảnh dữ liệu danh sách các nghề đào tạo;*
***MC 2.17.06** – Hình ảnh dữ liệu danh sách các mô đun, môn học từng ngành, nghề;*

***MC 2.17.07** – Hình ảnh dữ liệu danh sách các lớp;*
***MC 2.17.08** – Hình ảnh dữ liệu danh sách giáo viên)*

- Phòng Công tác học sinh, sinh viên: phụ trách quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin học sinh đang học.

*(**MC 2.17.09** – Hình ảnh dữ liệu danh sách học sinh từng lớp)*

2. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo; biên soạn, lựa chọn, hiệu chỉnh giáo trình đào tạo; xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả rèn luyện; cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện.

2.1 Dữ liệu về hoạt động xây dựng, hiệu chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo; biên soạn, lựa chọn, hiệu chỉnh giáo trình đào tạo

Do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng quản lý, sử dụng; bản gốc được lưu trữ trong tủ hồ sơ; file mềm được lưu trữ trên máy tính của Phòng.

*(**MC 2.17.10** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020)*

*(**MC 2.17.11** – Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo các ngành, nghề đào tạo;*
***MC 2.17.12** - Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về giáo trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo)*

2.2 Dữ liệu về hoạt động xét, công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, sơ cấp:

Do Phòng Đào tạo quản lý, sử dụng; bản gốc được lưu trữ trong bìa hồ sơ từng khóa học đối với trình độ trung cấp, từng năm đối với trình độ sơ cấp. File mềm được lưu trữ trên máy tính của Phòng.

*(**MC 2.17.13** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.17.14** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về xét công nhận tốt nghiệp trình độ sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

2.3 Dữ liệu về hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện học sinh trình độ trung cấp:

Do Phòng Công tác học sinh, sinh viên quản lý, sử dụng; bản gốc được lưu trữ trong bìa hồ sơ từng khóa học; file mềm được lưu trữ trên máy tính của Phòng.

*(**MC 2.17.15** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về đánh giá kết quả rèn luyện học sinh trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

2.4 Dữ liệu cấp văn bằng, chứng chỉ

- Phòng Công tác học sinh, sinh viên: phụ trách quản lý, cập nhật dữ liệu cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và đăng dữ liệu tốt nghiệp lên trang web của Tổng cục Giáo

dục nghề nghiệp https://vanbang.gdnn.gov.vn/, trang web của Cổng thông tin giáo dục nghề nghiệp Tp. Hồ Chí Minh http://gdnn.tphcm.gov.vn/tra-cuu-van-bang.

*(**MC 2.17.16** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về cấp bằng tốt nghiệp học sinh trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 2.17.17** – Hình ảnh dữ liệu cấp bằng tốt nghiệp trung cấp trên trang web https://vanbang.gdnn.gov.vn/;*
***MC 2.17.18** – Hình ảnh dữ liệu cấp bằng tốt nghiệp trung cấp trên trang web http://gdnn.tphcm.gov.vn/tra-cuu-van-bang)*

- Phòng Đào tạo: phụ trách quản lý, cập nhật dữ liệu cấp chứng chỉ.

*(**MC 2.17.19** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về cấp chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

2.5 Dữ liệu khảo sát ý kiến học sinh tốt nghiệp

Do Phòng Công tác học sinh, sinh viên quản lý, sử dụng, gồm bản gốc được lưu trữ trong bìa hồ sơ; file mềm được lưu trữ trong máy tính Phòng

*(**MC 2.17.20** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về công tác khảo sát ý kiến học sinh tốt nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

2.6 Dữ liệu khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động

Do Phòng Đào tạo quản lý, sử dụng, gồm bản gốc được lưu trữ trong bìa hồ sơ; file mềm được lưu trữ trong máy tính bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và Giải quyết việc làm.

*(**MC 2.17.21** – Hình ảnh cây thư mục dữ liệu về khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

2.7 Dữ liệu về nhà giáo

Do Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị quản lý, sử dụng, gồm bản gốc được lưu trữ trong tủ hồ sơ và trên phần mềm quản lý CBGVNV.

*(**MC 2.17.22** – Hình ảnh phần mềm quản lý CBGVNV của Trường; Hình ảnh phần mềm quản lý Cơ sở giáo dục nghề nghiệp – Cổng thông tin điện tử Giáo dục nghề nghiệp Tp. Hồ Chí Minh)*

2.8 Dữ liệu về cơ sở vật chất, thiết bị

Do Phòng Kế toán quản lý, sử dụng, gồm bản gốc được lưu trữ trong bìa hồ sơ và trên phần mềm IMAS.

*(**MC 2.17.23** – Hình ảnh phần mềm quản lý IMAS)*

2.9 Dữ liệu về thư viện:

Do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng quản lý, sử dụng. Chương trình, giáo trình đào tạo được lưu trữ trên thư viện của Trường; file mềm giáo trình, tài liệu tham khảo được lưu trữ trong máy tính của thư viện Trường, trong máy tính tại phòng LAB và trên thư viện điện tử

*(**MC 2.17.24 -** Hình ảnh các kệ sách trong Thư viện Trường;*
***MC 2.17.25** – Hình ảnh Thư viện điện tử của Trường)*

2.10 Cơ sở dữ liệu thông tin học viên; cơ sở dữ liệu về kết quả học tập của học viên trình độ sơ cấp.

Do Phòng Đào tạo phụ trách quản lý, sử dụng trên phần mềm MES1.0 do Khoa Công nghệ thông tin của Trường xây dựng

*(**MC 2.17.26** – Hình ảnh dữ liệu về thông tin học viên;*
***MC 2.17.27** – Hình ảnh dữ liệu về kết quả học tập trình độ sơ cấp)*

Căn cứ quy định, Trường tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo trên qua báo cáo tổng kết công tác định kỳ hàng năm của các đơn vị trực thuộc và của Trường.

(MC 1.5.01 - các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Tổ chức, Hành chính – Quản trị;
MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.5.03 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
MC 1.5.04 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Đào tạo;
MC 1.5.05 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Kế toán;
MC 1.5.06 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Bảo trì cơ khí;
MC 1.5.07 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Công nghệ thông tin;
MC 1.5.08 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ điện tử;
MC 1.5.09 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí chính xác;
MC 1.5.10 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí động lực;
MC 1.5.11 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện;
MC 1.5.12 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện tử;
MC 1.5.13 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Kỹ thuật lạnh;
MC 1.5.14 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của BM Kỹ thuật nữ công;
MC 1.5.15 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Trung tâm Đào tạo lái xe Hùng Vương;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo.

*(**MC 2.17.28** – các Bản tổng hợp ý kiến khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 17 Tiêu chí 2: 01 điểm

3.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 3:

Mở đầu:

Qua từng giai đoạn phát triển, trường đã xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm và có trình độ quản lý tốt. Đặc biệt, Ban Giám hiệu nhà trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, trường cũng chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, bộ môn. Việc đề bạt cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng Qui trình Thủ tục hiện hành và có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu công việc của trường. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp nhà trường ngày càng phát triển chất lượng đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

Đội ngũ giáo viên của trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ và tin học theo quy định, tỷ lệ học sinh/giáo viên đảm bảo theo quy định, trong đó giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành chiếm tỷ lệ trên 65%; Cán bộ, giáo viên của trường tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về chuyên môn, tham gia nghiên cứu khoa học; Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng của trường có kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hiện tại của trường và được cán bộ, giáo viên, công nhân viên tín nhiệm cao.

** Những tồn tại:*

- Giáo viên chưa đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học theo quy định.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Lập kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nhằm chuẩn hóa về trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	**14/15**
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	00 điểm
Tiêu chuẩn 4	01 điểm
Tiêu chuẩn 5	01 điểm
Tiêu chuẩn 6	01 điểm
Tiêu chuẩn 7	01 điểm
Tiêu chuẩn 8	01 điểm
Tiêu chuẩn 9	01 điểm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	01 điểm
Tiêu chuẩn 11	01 điểm
Tiêu chuẩn 12	01 điểm
Tiêu chuẩn 13	01 điểm
Tiêu chuẩn 14	01 điểm
Tiêu chuẩn 15	01 điểm

Tiêu chuẩn 3.1
Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các quy định về quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý của Trường.

*(**MC 3.1.01** – Quy hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý của Trường giai đoạn 2015-2020;*
***MC 3.1.02** - Quy hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên của Trường giai đoạn 2015-2020;*
***MC 3.1.05** - Báo cáo của Chi bộ Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Quận ủy quản lý năm 2020;)*

Trường ban hành quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.

(MC 3.1.03** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của Trường năm 2017**;
***MC 3.1.06** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy trình tuyển dụng nhân sự tại Trường năm 2020;*
***MC 3.1.07** – Quy trình tuyển dụng và đào tạo nhân sự trong Tài liệu ISO 9001-2008 của Trường;*
MC 1.12.03 – Bộ Bản mô tả công việc theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2016;
MC 1.12.04 – Bộ Bản mô tả công việc của giáo viên năm 2019;
MC 1.12.05 – Bộ Bản mô tả vị trí việc làm theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2021)

Đồng thời, Trường ban hành quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.

*(**MC 3.1.04** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá, xếp loại nhà giáo của Trường năm 2017)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.2
Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Trên cơ sở các quy định đã ban hành, Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý; tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan. Cụ thể:

1. Về tổ chức thực hiện quy hoạch:

Năm 2013, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, ban hành kế hoạch về quy hoạch nguồn nhân sự cấp ủy và cán bộ lãnh đạo. Danh sách cán bộ đưa vào diện quy hoạch được thông báo công khai trong nội bộ.

*(**MC 3.2.01** - Kế hoạch về Quy hoạch nguồn nhân sự cấp ủy và cán bộ lãnh đạo từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo;*
***MC 3.2.02** – Danh sách cán bộ được đưa vào diện quy hoạch giai đoạn 2016-2020)*

Năm 2020, Trường đã thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch đúng nội dung, quy trình theo Kế hoạch, Hướng dẫn của Quận ủy Quận 5. Kết quả thực hiện được thông báo công khai theo quy định.

*(**MC 3.2.03** – Kế hoạch của Ban Thường vụ Quận ủy Quận 5 về thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Quận ủy quản lý năm 2019;*
***MC 3.2.04** – Biên bản họp của Hội nghị cán bộ chủ chốt và đảng viên Chi bộ Trường để giới thiệu bổ sung quy hoạch năm 2020;*
***MC 3.2.05** – Báo cáo của Chi bộ Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Quận ủy quản lý năm 2020)*

2. Về tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng nhân sự:

Căn cứ các quy định đã ban hành, Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự theo đúng nội dung, trình tự quy định.

(MC 3.1.07 – Quy trình tuyển dụng và đào tạo nhân sự trong Tài liệu ISO 9001-2008 của Trường;

MC 1.12.03 – Bộ Bản mô tả công việc theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2016;
MC 3.1.06 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Quy trình tuyển dụng nhân sự tại Trường năm 2020;
MC 1.12.04 – Bộ Bản mô tả công việc của giáo viên năm 2019;
MC 1.12.05 – Bộ Bản mô tả vị trí việc làm theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2021;

Khi có nhu cầu, các đơn vị của Trường lập đề xuất tuyển dụng nhân sự chuyển Phòng Tổ chức Hành chính – Quản trị tổng hợp, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Sau đó, thực hiện đăng thông tin tuyển dụng lên website Trường, trang web tuyển dụng đầy đủ.

MC 1.12.06 – các Giấy đề xuất tuyển dụng nhân sự năm 2019;
MC 1.12.07 – các Giấy đề xuất tuyển dụng nhân sự năm 2020;
MC 1.12.08 – các Giấy đề xuất tuyển dụng nhân sự năm 2021;
MC 1.12.09 – Các hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng các vị trí việc làm trên internet năm 2019;
MC 1.12.10 – Các hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng các vị trí việc làm trên internet năm 2020;
MC 1.12.11 – Các hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng các vị trí việc làm trên internet năm 2021
***MC 3.2.06** – Danh sách nhân sự đã tuyển dụng năm 2019;*
***MC 3.2.07** – Danh sách nhân sự đã tuyển dụng năm 2020;*
***MC 3.2.08** – Danh sách nhân sự đã tuyển dụng 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 3.2.09** – Báo cáo của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về tình hình nhân sự của Trường năm 2019;*
***MC 3.2.10** – Báo cáo của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về tình hình nhân sự của Trường năm 2020;*
***MC 3.2.11** – Báo cáo của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về tình hình nhân sự của Trường năm 2021)*

Nhân sự đáp ứng yêu cầu tuyển dụng sẽ thực hiện thử việc từ 01 tháng đến 02 tháng. Khi đánh giá kết quả thử việc đạt yêu cầu và có đề xuất của Trưởng bộ phận, nhân sự sẽ được ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định.

*(**MC 3.2.12** – các Giấy đề nghị khoán thử việc nhân sự năm 2019;*
***MC 3.2.13** – các Giấy đề nghị khoán thử việc nhân sự năm 2020;*
***MC 3.2.14** – các Giấy đề nghị khoán thử việc nhân sự năm 2021;*
***MC 3.2.15**– các Bản tự nhận xét kết quả thử việc năm 2019;*
***MC 3.2.16**– các Bản tự nhận xét kết quả thử việc năm 2020;*
***MC 3.2.17** – các Bản tự nhận xét kết quả thử việc năm 2021;*
***MC 3.2.18** – Các Giấy đề nghị ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc năm 2019;*
***MC 3.2.19** – Các Giấy đề nghị ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc năm 2020;*
***MC 3.2.20** – Các Giấy đề nghị ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc năm 2021;*

***MC 3.2.21** – Hồ sơ nhân sự đang làm việc tại Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021;*
***MC 3.2.22** – Hồ sơ nhân sự đã nghỉ việc tại Trường TCN KTCN Hùng Vương từ năm 2019 đến đến hết tháng 9/2021)*

3. Về tổ chức thực hiện bồi dưỡng nhân sự:

Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành quy định và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng nhân sự của Trường theo quy định hàng năm.

(MC 3.1.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của Trường năm 2017)

Trên cơ sở kết quả rà soát trình độ chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ hàng năm, Trường đã cử nhân sự tham dự tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ theo quy định.

***(MC 3.2.23** – các Danh sách cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp, khóa tập huấn bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 3.2.24** – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cử tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 3.2.25** – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*

4. Về tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại và xét thi đua:

Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng kế hoạch, thông báo triển khai đăng ký danh hiệu thi đua cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo từng năm học.

*(**MC 3.2.26** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;*
***MC 3.2.27** – Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về triển khai kế hoạch, biểu mẫu, quy trình đăng ký và xét thi đua năm học 2019-2020; Email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về triển khai Kế hoạch đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;*
***MC 3.2.28** – Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;*

Căn cứ kế hoạch đã triển khai, Trường tổ chức đánh giá xếp loại, xét và công nhận danh hiệu thi đua cho cán bộ, giáo viên, nhân viên vào cuối mỗi năm học.

***(MC 3.2.29** – Email ngày 14/8/2020 của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;*
***MC 3.2.30** – Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2019-2020);*

MC 3.2.31 *– Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2019-2020 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;*
MC 3.2.32 *– Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2020-2021;*
MC 3.2.33 *– Email ngày 15/9/2020 của của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về triển khai Kế hoạch đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2020-2021;*
MC 3.2.34 *- Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2020-2021;*
MC 3.2.35 *- Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2020-2021);*
MC 3.2.36 *– Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2020-2021 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021)*

Bên cạnh đó, Trường TCN KTCN Hùng Vương triển khai thực hiện công tác đánh giá, xếp hạng nhà giáo định kỳ hàng năm theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 và số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

*(**MC 3.2.37** - Email ngày 29/7/2020 của Trường TCN KTCN Hùng Vương triển khai Công văn số 19734/SLĐTBXH-GDNN ngày 23/7/2020 của Sở Lao động – TBXH Thành phố về đánh giá, xếp hạng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ năm 2020;*
MC 3.2.38 *– Bộ Phiếu Đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên năm học 2019-2020;*
MC 3.2.39 *- Bộ Phiếu Tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của khoa, bộ môn, trung tâm năm học 2019-2020;*
MC 3.2.40 *- Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của trường năm học 2019-2020;*
MC 3.2.41 *- Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019-2020 (kèm Phụ lục);*
MC 3.2.42 *- Email ngày 05/7/2021 của Trường TCN KTCN Hùng Vương triển khai Công văn số 22003/SLĐTBXH-GDNN ngày 01/7/2021 của Sở Lao động – TBXH Thành phố về đánh giá, xếp hạng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ năm 2021;*
MC 3.2.43 *– Bộ Phiếu Đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên năm học 2020-2021;*
MC 3.2.44 *- Bộ Phiếu Tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của khoa, bộ môn, trung tâm năm học 2020-2021;*
MC 3.2.45 *- Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của trường năm học 2020-2021;*

***MC 3.2.46** - Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2020-2021 (kèm Phụ lục))*

Theo Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức, giáo viên, người lao động, Quy chế chi tiêu nội bộ định kỳ hàng năm, Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

(MC 1.12.01 – các Văn kiện Hội nghị cán bộ, viên chức, giáo viên, người lao động năm 2018, 2019; năm 2020;
MC 1.3.17 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 1.12.02 – các Danh sách chăm lo đời sống vật chất – tinh thần cho cán bộ, viên chức, giáo viên, người lao động năm 2019; năm 2020; 6 tháng đầu năm 2021)

Nhằm hỗ trợ và khuyến khích thu hút học viên, đồng thời quảng bá thương hiệu của Trường, Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các thông báo về miễn giảm học phí các đối tượng thuộc diện chính sách, cán bộ, giáo viên, nhân viên và người thân của cán bộ, giáo viên, nhân viên đang công tác tại Trường. Theo kết quả tổng hợp đã có cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được miễn, giảm học phí trong 03 năm 2019, 2020, 2021 cho các lớp sát hạch lái xe B2.

*(**MC 3.2.47** – các Thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về miễn, giảm học phí cho các đối tượng chính sách, viên chức – giáo viên và người thân của viên chức – giáo viên đang công tác tại Trường;*
***MC 3.2.48** – các Danh sách học viên được miễn, giảm học phí năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*

Ban Thanh tra nhân dân của Trường có nội dung thể hiện việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hàng năm đúng quy định, không xảy ra khiếu nại.

*(**MC 3.2.49** – các Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân về tổng kết hoạt động năm 2019, năm 2020)*

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại và chế độ, chính sách. Kết quả: trên 95% ý kiến hài lòng về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên; các nội dung được thực hiện đúng theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đảm bảo công bằng, bình đẳng; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên theo quy định.

*(**MC 3.2.50** – Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại và chế độ, chính sách năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3
Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích:

Theo quy định chuẩn của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường TCN KTCN Hùng Vương có đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy các cấp trình độ đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề theo quy định; chưa đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định.

(MC 3.1.04 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá, xếp loại nhà giáo của Trường năm 2017;
***MC 3.3.01** – các Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; mô-đun, môn học đang giảng dạy) giảng dạy trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 3.3.02** – các Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; tên nghề giảng dạy) giảng dạy trình độ sơ cấp năm học 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
MC 3.2.21 – Hồ sơ nhân sự đang làm việc tại Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021;
MC 3.2.22 – Hồ sơ nhân sự đã nghỉ việc tại Trường TCN KTCN Hùng Vương từ năm 2019 đến đến hết tháng 9/2021
***MC 3.3.03** – các Biên bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự kiểm tra, rà soát trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 3.3.04**– Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả tự kiểm tra, rà soát trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên chưa đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 3: 00 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4
Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các Quy chế, Nội quy, Quy định, Bản mô tả công việc – vị trí việc làm trong đó quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Trường.

(MC 1.1.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2019;
MC 1.12.03 – Bộ Bản mô tả công việc theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2016;

MC 1.12.04 – Bộ Bản mô tả công việc của giáo viên năm 2019;
MC 1.12.05 – Bộ Bản mô tả vị trí việc làm theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2021;
***MC 3.4.01** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành Nội quy cơ quan năm 2019;*
***MC 3.4.02** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về ban hành Quy chế làm việc của giáo viên tại Trường năm 2018)*

Trường cụ thể hóa nhiệm vụ của mỗi người trong kế hoạch giáo viên, phiếu đăng ký thi đua cá nhân từng năm học. Căn cứ nhiệm vụ được giao, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Trường triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng chức năng, quyền hạn theo quy định.

(MC 3.3.01 - Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; mô-đun, môn học đang giảng dạy) giảng dạy trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 3.3.02 – các Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; tên nghề giảng dạy) giảng dạy trình độ sơ cấp năm học 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 3.4.03** – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, nhân viên các phòng chuyên môn (họ và tên; năm sinh; chức danh; đơn vị; trình độ học vấn; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ) năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
MC 3.2.21 – Hồ sơ nhân sự đang làm việc tại Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021;
MC 3.2.28 – Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;
MC 3.2.34 - Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2020-2021)

Trường thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo hướng dẫn của pháp luật lao động định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá thể hiện cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường

(MC 3.2.26 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;
MC 3.2.27 – Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về triển khai kế hoạch, biểu mẫu, quy trình đăng ký và xét thi đua năm học 2019-2020; Email ngày 14/10/2019 của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về triển khai Kế hoạch đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;
MC 3.2.28 – Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;
MC 3.2.29 – Email ngày 14/8/2020 của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;

MC 3.2.30 – Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2019-2020);
MC 3.2.31 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2019-2020 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;
MC 3.2.32 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2020-2021;
MC 3.2.33 – Email ngày 15/9/2020 của của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về triển khai Kế hoạch đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2020-2021;
MC 3.2.34 - Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2020-2021;
MC 3.2.35 - Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2020-2021);
MC 3.2.36 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2020-2021 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.5
Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý khoa, bộ môn của Trường TCN KTCN Hùng Vương được tuyển dụng, bổ nhiệm phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo tại Trường; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình đào tạo với số lượng giáo viên cơ hữu đảm bảo đảm nhận tối thiểu là 60% chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo.

(MC 3.3.01 - Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; mô-đun, môn học đang giảng dạy) giảng dạy trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 3.3.02 – các Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; tên nghề giảng dạy) giảng dạy trình độ sơ cấp năm học 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 3.2.21 – Hồ sơ nhân sự đang làm việc tại Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021;

MC 3.2.22 – Hồ sơ nhân sự đã nghỉ việc tại Trường TCN KTCN Hùng Vương từ năm 2019 đến đến hết tháng 9/2021;
MC 3.4.02 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về ban hành Quy chế làm việc của giáo viên tại Trường năm 2018;
MC 2.4.01 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 17K11;
MC 2.4.02 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 18K12;
MC 2.4.03 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 19K13;
MC 2.4.04 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 20K14;
MC 2.5.36 – Kế hoạch đào tạo các ngành, nghề hệ sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 2.5.04 – Kế hoạch giáo viên của 09 khoa, bộ môn năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 2.5.07 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.08 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.09 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.10 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.11 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.12 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.13 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.14 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2020-2021)

Danh sách học sinh học từng lớp, từng nhóm thể hiện số học sinh học lý thuyết, học thực hành hoặc tích hợp cụ thể cho từng mô đun, môn học theo học kỳ, năm học.

(MC 2.3.22 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 19K13 kèm các Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo;
MC 2.3.23 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc phân lớp, phân nhóm học sinh hệ trung cấp khoá 20K14 kèm Danh sách phân lớp, phân nhóm học sinh kèm theo;
MC 2.5.19 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.20 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.21 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.22 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.23 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.24 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.25 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;

MC 2.5.26 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021)

Theo Tiến độ đào tạo hàng năm, Trường thực hiện thống kê giờ giảng của nhà giáo định kỳ hàng tháng và thống kê tổng kết vào cuối mỗi học kỳ, năm học.

*(**MC 3.5.01**- Bảng thống kê giờ giảng của giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp năm học 2019-2020;*
***MC 3.5.02**- Bảng thống kê giờ giảng của giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp năm học 2020-2021)*

Trường thực hiện thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ đầy đủ, kịp thời theo quy định.

*(**MC 3.5.03** – các Bảng lương của CBGVNV năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*
***MC 3.5.04** – các Bảng thống kê tỷ lệ giáo viên cơ hữu đảm nhận chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề năm 2019; năm 2020; năm 2021)*

Trường có số lượng giáo viên đảm bảo tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên tối đa là 25.

*(**MC 3.5.05** – Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên từ năm 2019 đến năm 2021)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương luôn đảm bảo tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học lớn hơn 15% tổng số giáo viên của trường theo quy định. Cụ thể: năm 2019: 21,1%; năm 2020: 19%; năm 2021: 15,7%.

*(**MC 3.5.06** – Bảng thống kê tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học từ năm 2019 đến nay*)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.6
Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích:

100% nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng thực hiện giảng dạy các môn học chung hoặc các môn chuyên môn đầy đủ và đúng theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo từng ngành, nghề như đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, kết quả đánh giá giờ giảng đạt chuẩn, kiểm tra đầy đủ theo quy định.

*** Đối với trình độ trung cấp:**
- Chương trình đào tạo của 12 ngành, nghề trình độ trung cấp được ban hành đầy đủ.

(MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

MC 3.6.01 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);*

MC 3.6.02 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);*

MC 3.6.03 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);*

MC 3.6.04 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);*

MC 3.6.05 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);*

MC 3.6.06 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);*

MC 3.6.07 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);*

MC 3.6.08 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);*

MC 3.6.09 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);*

MC 3.6.10 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);*

MC 3.6.11 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);*

MC 3.6.12 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);*

MC 3.6.13 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);*

MC 3.6.14 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);*

MC 3.6.15 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);*

MC 3.6.16 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);*

MC 3.6.17 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);*

MC 3.6.18 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);*

MC 3.6.19 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);*

MC 3.6.20 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);*

MC 3.6.21 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);*

MC 3.6.22 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);*
MC 3.6.23 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);*
MC 3.6.24 *– Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019)*

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề của từng khóa học đầy đủ, kịp thời. Các đơn vị lập kế hoạch, thời khóa biểu phân công giáo viên giảng dạy các mô đun, môn học đầy đủ.

(MC 2.4.01 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 17K11;
MC 2.4.02 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 18K12;
MC 2.4.03 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 19K13;
MC 2.4.04 – các Kế hoạch đào tạo từng ngành, nghề hệ trung cấp khóa 20K14;
MC 2.5.04 – Kế hoạch giáo viên của 09 khoa, bộ môn năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 2.5.05 – Thời khóa biểu môn học chung năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 2.5.06 - Thời khóa biểu môn học, mô-đun chuyên ngành năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 3.3.01 – các Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; mô-đun, môn học đang giảng dạy) giảng dạy trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Giáo viên giảng dạy xây dựng kế hoạch giảng dạy, giáo án, lập Sổ tay giáo viên đầy đủ cho từng mô đun, môn học được phân công.

(MC 2.5.07 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.08 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.09 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.10 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.11 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.12 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.13 - Kế hoạch giảng dạy các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.14 - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành của 12 nghề học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.15 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.16 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.17 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.18 – Sổ lên lớp của các lớp học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.19 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;

MC 2.5.20 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.21 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.22 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.23 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.24 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.25 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.26 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.27 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.28 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.29 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.30 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.31 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.32 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.33 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.34 - Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021)

*** Đối với hệ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên:**

(MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020, năm 2021;
***MC 3.6.25** - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019, năm 2020;*
MC 2.5.36 - Kế hoạch đào tạo các ngành, nghề hệ sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;
***MC 3.6.26** - Kế hoạch giảng dạy các môn học, mô đun của các nghề sơ cấp/khóa học năm 2019; năm 2020; năm 2021;*
MC 3.3.02 – các Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; tên nghề giảng dạy) giảng dạy trình độ sơ cấp năm học 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 3.6.27** – Sổ tay giáo viên các môn học, mô đun của các nghề/khóa học năm 2019; năm 2020; năm 2021;*

***MC 3.6.28** – Sổ giáo án lý thuyết/thực hành/tích hợp các môn học, mô đun của các nghề sơ cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Trường tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động giảng dạy nhằm đảm bảo các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt như:

- Kiểm tra, giám sát định kỳ đối với 100% mô đun, môn học theo kế hoạch giáo viên đã phân công.

(MC 1.11.02 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy hệ trung cấp năm học 2019-2020 (kèm Lịch kiểm tra, giám sát học kỳ I);
MC 1.11.03 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.04 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.05 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.06 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.07 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 1.11.08 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ II năm học 2019-2020);
MC 1.11.09 – Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.10 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.11 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.12 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.13 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 1.11.14 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của Trường (kèm Lịch kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy) học kỳ I năm học 2020-2021);
MC 1.11.15 - Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.16 - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy của khoa, bộ môn học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.17 – Thông báo về kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.18 – các Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 1.11.19 – Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy học kỳ I năm học 2020-2021)

- Dự giờ 100% giáo viên cơ hữu giảng dạy hệ trung cấp theo từng học kỳ, năm học.

(MC 2.8.01 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020 kèm theo Lịch dự giờ năm 2019;

MC 2.8.02 – Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;
MC 2.8.03 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;
MC 2.8.04 – Báo các của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2019-2020;
MC 2.8.05 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020 kèm theo Lịch dự giờ;
MC 2.8.06 – Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;
MC 2.8.07 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;
MC 2.8.08 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2019-2020;
MC 2.8.09 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021 kèm theo Lịch dự giờ;
MC 2.8.10 - Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;
MC 2.8.11 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;
MC 2.8.12 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 1 năm học 2020-2021;
MC 2.8.13 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021 kèm theo Lịch dự giờ;
MC 2.8.14 - Các Biên bản kèm theo phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021;
MC 2.8.15 – Các bản thống kê phiếu dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021;
MC 2.8.16 – Báo cáo của Tổ Dự giờ về kết quả dự giờ giáo viên giảng dạy hệ trung cấp đợt 2 năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7
Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quy định chính sách, biện pháp khuyến khích giáo viên học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

*(**MC 3.7.01** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng nhân sự của Trường theo quy định hàng năm. Trên cơ sở rà soát trình độ chuyên môn nghiệp vụ định kỳ hàng năm, Trường đã lập kế hoạch/danh sách cử nhân sự tham dự đánh giá kỹ năng nghề, bồi dưỡng sư phạm nhằm chuẩn hóa giáo viên, nhân viên theo quy định.

(MC 3.2.23 – các Danh sách cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp, khóa tập huấn bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 3.2.24 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cử tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 3.2.25 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Nhằm hỗ trợ và khuyến khích thu hút học viên, đồng thời quảng bá thương hiệu của Trường, Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các thông báo về miễn giảm học phí các đối tượng thuộc diện chính sách, cán bộ, giáo viên, nhân viên và người thân của cán bộ, giáo viên, nhân viên đang công tác tại Trường.

(MC 3.2.47 – các Thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về miễn, giảm học phí cho các đối tượng chính sách, viên chức – giáo viên và người thân của viên chức – giáo viên đang công tác tại Trường)

Hàng năm, nhà trường tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách, biện pháp khuyến khích giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

(MC 3.2.48 – các Danh sách học viên được miễn, giảm học phí năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 3.7.02** – Danh sách giáo viên được hỗ trợ trong tham gia các lớp, khóa tập huấn bồi dưỡng năm 2019; năm 2020; năm 2021*
***MC 3.7.03** – Báo cáo của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về hỗ trợ chính sách cho giáo viên tham gia các lớp, khóa tập huấn bồi dưỡng năm 2019; năm 2020; năm 2021)*

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

*(**MC 3.7.04** – Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.8
Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích:

Trên cơ sở rà soát trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã lập và triển khai kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo của Trường.

*(**MC 3.8.01** – Các Kế hoạch của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo cơ hữu năm học 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 3.8.02** – các Biên bản họp triển khai kế hoạch về bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo cơ hữu năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Trường lập danh sách cử nhà giáo tham gia các lớp, khóa học bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy theo kế hoạch.

(MC 3.2.23 – các Danh sách cử cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên tham gia các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 3.8.03** – Tài liệu, hình ảnh các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của nhà giáo năm 2019;*
***MC 3.8.04** – Tài liệu, hình ảnh các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của nhà giáo năm 2020;*
***MC 3.8.05** – Tài liệu, hình ảnh các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của nhà giáo năm 2021)*

Trường thực hiện tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo cơ hữu định kỳ hàng năm.

(MC 3.2.24 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên được cử tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 3.2.25 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên đã tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 3.8.06** – các Báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo cơ hữu năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.9
Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích:

Thực hiện quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, nhằm giúp giáo viên cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất và rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, sản xuất, Trường TCN KTCN Hùng Vương cử giáo viên tham gia thực tập tại đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch về cử giáo viên tham gia thực tập tại các doanh nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ với trường trong hoạt động đào tạo, giới thiệu việc làm.

(MC 3.3.01 – các Danh sách trích ngang giáo viên (họ và tên; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học; mô-đun, môn học đang giảng dạy) giảng dạy trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
***MC 3.9.01** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về cử giáo viên cơ hữu thực tập tại thực tế tại doanh nghiệp năm 2019;*
***MC 3.9.02** – Danh sách giáo viên cơ hữu được cử đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2019)*

Sau khi kết thúc thời gian thực tập, Trường thực hiện tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực tập của giáo viên đầy đủ, kịp thời.

*(**MC 3.9.03** – Các tài liệu/hình ảnh về việc giáo viên cơ hữu đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2019;*
***MC 3.9.04** – các Báo cáo của giáo viên về kết quả thực tập tại doanh nghiệp năm 2019;*
***MC 3.9.05** – Báo cáo của Trường về tổng kết, đánh giá kết quả thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo năm 2019)*

Năm 2020 và 2021, Trường không cử giáo viên cơ hữu dạy các môn chuyên môn đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp do tình hình dịch Covid 19 tại TP HCM và các tỉnh lân cận diễn biến phức tạp.

*(**MC 3.9.06** – các Biên bản họp của Trường TCN KTCN Hùng Vương về không cử giáo viên cơ hữu thực tập thực tế tại doanh nghiệp năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 9 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.10
Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích:

Hàng năm, căn cứ kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho nhà giáo cơ hữu, cử giáo viên tham gia thực tập tại các doanh nghiệp, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ giáo viên định kỳ hàng năm theo quy định.

*(**MC 3.10.01** – Các Phiếu đánh giá kết quả sau đào tạo của từng nhà giáo được cử bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
MC 3.8.06 – các Báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo cơ hữu năm 2019, năm 2020, năm 2021
MC 3.9.05 – Báo cáo của Trường về tổng kết, đánh giá kết quả thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo năm 2019)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 10 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.11
Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích:

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng của Trường TCN KTCN Hùng Vương đáp ứng các tiêu chuẩn, được bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Cụ thể:

- Có phẩm chất, đạo đức tốt, đã có ít nhất là 05 năm làm công tác giảng dạy hoặc tham gia quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;
- Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- Có đủ sức khỏe; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ hiệu trưởng đối với việc bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng công lập

*(**MC 3.11.01** - Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 phê duyệt Điều lệ của trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương năm 2009;*

MC 1.1.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2019;

***MC 3.11.02** – các Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng (họ và tên; năm sinh; chức danh; đơn vị; trình độ học vấn; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ) năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 3.11.03** – Hồ sơ của Hiệu trưởng;*
***MC 3.11.04** – Hồ sơ của Phó Hiệu trưởng;*

***MC 3.11.05** – Quyết định năm 2014 của UBND Quận 5 về bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương;*
***MC 3.11.06** – Quyết định năm 2019 của UBND Quận 5 về bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương;*
***MC 3.11.07** – các Quyết định của UBND Quận 5 về bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2007;*
***MC 3.11.08** – các Quyết định của UBND Quận 5 về bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2017)*

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động, Trường ban hành thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể Ban Giám hiệu. Kết quả đánh giá, xếp loại, công nhân danh hiệu thi đua định kỳ hàng năm của Trường minh chứng việc Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng của Trường thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

*(**MC 3.11.09** – các Thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu;*
MC 3.2.30 – Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2019-2020);
MC 3.2.31 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2019-2020 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;
MC 3.2.35 - Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2020-2021);
MC 3.2.36 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2020-2021 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 11 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.12
Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ quy định tại Điều lệ trường trung cấp, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế bổ nhiệm và đánh giá cán bộ quản lý cấp phòng, khoa của Trường.

(MC 1.1.03 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2019;

MC 1.3.23 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy chế bổ nhiệm và đánh giá cán bộ quản lý cấp phòng, khoa của Trường;

Đội ngũ cán bộ quản lý của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm được bổ nhiệm, miễn nhiệm đúng quy định. Trường đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 12 cán bộ quản lý từ năm 2018 đến nay.

(***MC 3.12.01*** *– các Danh sách trích ngang Trưởng, phó P/K/TT/BM (họ và tên; năm sinh; chức danh; đơn vị; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học) năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
MC 3.12.02 *– các Hồ sơ bổ nhiệm Trưởng, phó P/K/TT/BM của Trường;*
MC 3.12.03 *- các Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trưởng, phó P/K/TT/BM;*
MC 3.12.04*– các Biên bản của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về tự kiểm tra, rà soát hồ sơ bổ nhiệm cán bộ quản lý năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
MC 3.12.05 *– các Báo cáo của Trường về rà soát hồ sơ cán bộ quản lý năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 12 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.13
Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích:

100% đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

(MC 1.12.03 – các Bản mô tả công việc theo chức danh Trưởng, phó phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2016;
MC 1.12.05 – các Bản mô tả vị trí việc làm của Trưởng, Phó phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2021;
MC 3.12.01 – các Danh sách trích ngang Trưởng, phó phòng, khoa, bộ môn, trung tâm (họ và tên; năm sinh; chức danh; đơn vị; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng; ngoại ngữ; tin học) năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 3.2.21 – Hồ sơ cán bộ của Trưởng, Phó phòng, khoa, bộ môn, trung tâm trong Hồ sơ nhân sự Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021)

Hàng năm, 100% đội ngũ cán bộ quản lý của trường có kết quả nhận xét, đánh giá hoàn thành, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

(MC 3.2.30 – Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2019-2020);
MC 3.2.31 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2019-2020 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;

MC 3.2.35 - Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2020-2021);
MC 3.2.36 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2020-2021 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 1.5.01 - các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Tổ chức, Hành chính – Quản trị;
MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.5.03 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
MC 1.5.04 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Đào tạo;
MC 1.5.05 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Kế toán;
MC 1.5.06 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Bảo trì cơ khí;
MC 1.5.07 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Công nghệ thông tin;
MC 1.5.08 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ điện tử;
MC 1.5.09 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí chính xác;
MC 1.5.10 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí động lực;
MC 1.5.11 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện;
MC 1.5.12 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện tử;
MC 1.5.13 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Kỹ thuật lạnh;
MC 1.5.14 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của BM Kỹ thuật nữ công;
MC 1.5.15 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Trung tâm Đào tạo lái xe Hùng Vương)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 13 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.14
Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích:

Trên cơ sở rà soát trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã lập và triển khai kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý của Trường.

*(**MC 3.14.01** – Các Kế hoạch của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 3.14.02** – các Biên bản họp triển khai kế hoạch về bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Trường lập danh sách cử cán bộ quản lý tham gia các lớp, khóa học bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ theo kế hoạch.

(MC 3.2.23 – các Danh sách cử cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên tham gia các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 3.14.03** – Tài liệu, hình ảnh các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của cán bộ quản lý năm 2019;*
***MC 3.14.04** – Tài liệu, hình ảnh các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của cán bộ quản lý năm 2020;*
***MC 3.14.05** – Tài liệu, hình ảnh các lớp, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của cán bộ quản lý năm 2021)*

Trường thực hiện tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý định kỳ hàng năm.

(MC 3.2.24 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên được cử tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 3.2.25 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên đã tham gia bồi dưỡng năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 3.14.06** – các Báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Trường thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý về công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ định kỳ hàng năm. 100% cán bộ quản lý hài lòng về công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của Trường.

*(**MC 3.14.07** – Bản tổng hợp ý kiến của cán bộ quản lý về công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 14 Tiêu chí 3: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3.15
Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, phân tích:

Đội ngũ nhân viên các phòng chuyên môn của Trường có số lượng, năng lực chuyên môn đủ đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

(MC 1.12.03 – Bộ Bản mô tả công việc theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2016;
MC 1.12.05 – Bộ Bản mô tả vị trí việc làm theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2021;
***MC 3.15.01** - Danh sách trích ngang nhân viên các phòng chuyên môn của trường (họ và tên; năm sinh; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ, tin học; thời gian công tác, vị trí công việc);*
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 1.5.01 - các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Tổ chức, Hành chính – Quản trị;
MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.5.03 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
MC 1.5.04 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Đào tạo;
MC 1.5.05 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Kế toán;
MC 1.5.06 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Bảo trì cơ khí;
MC 1.5.07 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Công nghệ thông tin;
MC 1.5.08 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ điện tử;
MC 1.5.09 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí chính xác;
MC 1.5.10 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Cơ khí động lực;
MC 1.5.11 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện;
MC 1.5.12 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Điện tử;

MC 1.5.13 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của khoa Kỹ thuật lạnh;
MC 1.5.14 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của BM Kỹ thuật nữ công;
MC 1.5.15 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Trung tâm Đào tạo lái xe Hùng Vương)

Đội ngũ nhân viên các phòng chuyên môn của Trường được cử tham gia bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ theo đề xuất; đảm bảo 80% đội ngũ nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 1 lần trong 3 năm.

*(**MC 3.15.02** – các Danh sách cử nhân viên tham gia bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 3.2.24 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên được cử tham gia bồi dưỡng năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 3.2.25 – các Bản tổng hợp danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên đã tham gia bồi dưỡng năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
***MC 3.15.03** – các Giấy chứng nhận bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của nhân viên tham gia bồi dưỡng;*
***MC 3.15.04** – các Báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 15 Tiêu chí 3: 01 điểm

3.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo hệ Sơ cấp và Trung cấp của trường được xây dựng dựa vào quá trình phân tích nghề; Chương trình đào tạo của các trường Cao đẳng, Đại học trong và ngoài nước; Các bộ đề thi tay nghề khu vực và quốc tế; Các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề gắn kết với sứ mạng và mục tiêu phát triển nhà trường, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao cho các ngành kinh tế trọng điểm khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Trong quá trình biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo trường đã nhận được sự góp ý của doanh nghiệp và của học sinh sau đào tạo để tiến hành điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Chương trình đào tạo của trường đã được xây dựng theo hướng liên thông từ Sơ cấp lên Trung cấp. Bên cạnh đó việc biên soạn giáo trình (*tài liệu giảng dạy*) thích ứng với phương pháp dạy học tích cực, trên cơ sở các tài liệu tham khảo trong và ngoài nước và kết hợp thêm phần kinh nghiệm thực tiễn của giáo viên và cũng được các chuyên gia từ các doanh nghiệp góp ý khi thẩm định giáo trình.

** Những điểm mạnh:*

- Chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp của trường được hiệu chỉnh định kỳ 02 năm/lần đúng theo quy định, thực hiện cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ. Điều chỉnh chương trình phù hợp với thực tiễn sản xuất.
- Giáo trình giảng dạy của trường đã được biên soạn, thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định. Giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học; cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Được định kỳ rà soát, hiệu chỉnh theo quy định.

** Những tồn tại :* Không có.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng: Không.*

<u>Điểm đánh giá tiêu chí 4:</u>

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	**15/15**
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	01 điểm
Tiêu chuẩn 4	01 điểm
Tiêu chuẩn 5	01 điểm
Tiêu chuẩn 6	01 điểm
Tiêu chuẩn 7	01 điểm
Tiêu chuẩn 8	01 điểm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	01 điểm
Tiêu chuẩn 10	01 điểm
Tiêu chuẩn 11	01 điểm
Tiêu chuẩn 12	01 điểm
Tiêu chuẩn 13	01 điểm
Tiêu chuẩn 14	01 điểm
Tiêu chuẩn 15	01 điểm

Tiêu chuẩn 4.1
Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích:

Hiện nay, Trường TCN KTCN Hùng Vương đang tổ chức đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, 16 nghề trình độ sơ cấp.

(MC 2.1.01 – các Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;

MC 2.1.02 – các Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng và ban hành 15 ngành, nghề trình độ trung cấp, 16 ngành, nghề trình độ sơ cấp.

(MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;

MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);

MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);

MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);

MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);

MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);

MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);

MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
***MC 4.1.01** – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);*
***MC 4.1.02** – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);*
***MC 4.1.03** – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);*

MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020;
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019, năm 2020)

Trường đã được Sở Lao động – Thương binh Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định, đảm bảo 100% các ngành, nghề trường được phép đào tạo đều có đủ chương trình đào tạo theo quy định.

(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp số 19/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.2
100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích:

*** <u>Đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp</u>:**

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ trung cấp.

*(**MC 4.2.01** - Quyết định của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ Trung cấp năm 2017)*

100% chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp được xây dựng, ban hành đúng theo quy định. Cụ thể:

1. Năm 2017, Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng và ban hành chương trình đào tạo 11 nghề trình độ trung cấp; năm 2018, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo 04 nghề trình độ trung cấp.

Trường ban hành kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo quy định.

*(**MC 4.2.02** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 4.2.03** – các Tờ trình của Khoa, Bộ môn về xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 4.2.04** – các Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018)*

Các Ban chủ nhiệm tổ chức họp phân công nhà giáo dự thảo chương trình đào tạo; thực hiện lấy ý kiến góp ý, tổ chức hội thảo góp ý.
*(**MC 4.2.05** – các Biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 4.2.06** – các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 4.2.07** – các Kế hoạch tổ chức Hội thảo góp ý chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 4.2.08** – các Biên bản của Hội thảo về góp ý chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018)*

Sau khi hoàn thiện dự thảo, Trường tổ chức thực hiện công tác thẩm định chương trình đào tạo đúng theo quy định; báo cáo kết quả thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo đưa vào giảng dạy.

*(**MC 4.2.09** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
MC 1.6.17 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
***MC 4.2.10** – các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 4.2.11** – các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018)*

Trên cơ sở các báo cáo kết quả chương trình đào tạo được thẩm định đạt yêu cầu, Hội đồng thẩm định lập Tờ trình đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo theo quy định.

(MC 1.6.27 – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề năm 2017, năm 2018;
***MC 4.2.12** – các Tờ trình của Hội đồng thẩm định về đề nghị phê duyệt chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);

MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);
MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);
MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);
MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018))

2. Năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo 12 nghề trình độ trung cấp.

Căn cứ tình hình thực tế trong quá trình đào tạo và căn cứ các nội dung thay đổi trong quy định mới, Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng và triển khai kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo quy định.

*(**MC 4.2.13** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.2.14** – các Tờ trình của Khoa, Bộ môn về hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.2.15** - Tờ trình của Phòng Đào tạo về hiệu chỉnh chương trình môn học chung trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.2.16** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019;*

***MC 4.2.17** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình môn học chung trình độ trung cấp năm 2019)*

Các Ban chủ nhiệm tổ chức họp phân công dự thảo, thực hiện lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo hiệu chỉnh các nghề trình độ trung cấp.

*(**MC 4.2.18** – các Biên bản họp Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.2.19** – các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học năm 2019)*

Sau khi hoàn thiện dự thảo, Trường tổ chức thực hiện công tác thẩm định chương trình đào tạo đúng theo quy định; báo cáo kết quả thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp đưa vào giảng dạy từ năm học 2019-2020.

*(**MC 4.2.20** – Kế hoạch của Hội đồng thẩm định CTĐT hệ trung cấp năm 2019 của Trường về thẩm định chương trình đào tạo của 12 nghề trình độ trung cấp năm 2019;*
MC 1.6.19 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của các nghề trình độ trung cấp năm 2019;
***MC 4.2.21** – các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.2.22** – các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ trung cấp năm 2019)*

Trên cơ sở các báo cáo kết quả chương trình đào tạo hiệu chỉnh được thẩm định đạt yêu cầu, Hội đồng thẩm định lập Tờ trình đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo hiệu chỉnh theo quy định.

(MC 1.6.28 - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp hiệu chỉnh năm 2019;
***MC 4.2.23** - Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng Chương trình môn học của các môn học thuộc khối môn học chung các nghề trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.2.24** – Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo của 12 ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2019;*
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

*** <u>Đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, các khóa đào tạo thường xuyên:</u>**

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện xây dựng, ban hành chương trình đào tạo các nghề trình độ sơ cấp theo quy định.

*(**MC 4.2.25** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.26** – các Tờ trình về xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.27** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập các Ban hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.28** - các Biên bản họp của Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.29** - các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.30** - Kế hoạch của Hội đồng thẩm định CTĐT hệ sơ cấp năm 2019 của Trường về thẩm định chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.31** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của các nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.32** - các Biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.33** - các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.2.34** - Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;*
MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp năm 2019;
MC 1.6.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2017;
***MC 4.2.35** – Biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2017;*
MC 1.6.27 – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề năm 2017, năm 2018;
***MC 4.2.36** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo lái xe B2….)*

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp.

*(**MC 4.2.37** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xây dựng chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.38** – các Tờ trình về xây dựng chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.39** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập các Ban chủ nhiệm xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp;*
***MC 4.2.40** - các Biên bản họp Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*

***MC 4.2.41** - các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.42** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của các nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.43** - Kế hoạch của Hội đồng thẩm định CTĐT hệ sơ cấp của Trường về thẩm định chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.44** - các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.45** - các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.46** - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.2.47** - Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp năm 2020;
MC 1.6.20 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2020;
MC 1.6.29 - Biên bản họp ngày 26/12/2020 của Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo nghề Đào tạo lái xe hạng B2, trình độ sơ cấp;
***MC 4.2.48** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo nghề lái xe năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.3
Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích:

100% chương trình đào tạo của Trường được xây dựng, ban hành đúng theo quy định gồm 15 chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ trung cấp, 16 chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp.

1. Chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo trình độ trung cấp; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập chung toàn chương trình theo quy định.

(MC 2.1.04 – các Danh sách chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của 15 chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020;
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);

Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của từng ngành, nghề quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau hoàn thành, cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học.

*(**MC 4.3.01** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);*
***MC 4.3.02** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);*

MC 4.3.03 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);*

MC 4.3.04 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);*

MC 4.3.05 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);*

MC 4.3.06 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);*

MC 4.3.07 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);*

MC 4.3.08 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);*

MC 4.3.09 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);*

MC 4.3.10 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);*

MC 4.3.11 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);*

MC 4.3.12 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019);*

MC 4.3.13 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);*

MC 4.3.14 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);*

MC 4.3.15 *– Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);*

MC 4.3.16 *– Bản tổng hợp về phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2019;*

MC 4.3.17 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);*

MC 4.3.18 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);*

MC 4.3.19 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);*

MC 4.3.20 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);*

MC 4.3.21 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);*
MC 4.3.22 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);*
MC 4.3.23 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);*
MC 4.3.24 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);*
MC 4.3.25 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);*
MC 4.3.26 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);*
MC 4.3.27 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);*
MC 4.3.28 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);*
MC 4.3.29 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019);*
MC 4.3.30 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);*
MC 4.3.31 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);*
MC 4.3.32 *– Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);*

2. Chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học theo quy định.

(MC 2.1.06 – các Danh sách chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của 16 chương trình đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, năm 2020;
MC 2.5.37 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp năm 2020;
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
***MC 4.3.33** – các Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp 16 ngành, nghề năm 2020;*
***MC 4.3.34** – Bản tổng hợp về phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;*
***MC 4.3.35** – Bản tổng hợp về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp ngành, nghề năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.4
Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích:

Chương trình đào tạo nghề các cấp trình độ của Trường TCN KTCN Hùng Vương được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung đã được xây dựng, ban hành theo quy định.

*** Đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp:**

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ trung cấp.

(MC 4.2.01 - Quyết định của Hiệu trưởng trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ Trung cấp năm 2017)

100% chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp được xây dựng, ban hành đúng theo quy định. Cụ thể:

2. Năm 2017, Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng và ban hành chương trình đào tạo 11 nghề trình độ trung cấp; năm 2018, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo 04 nghề trình độ trung cấp.

Trường ban hành kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo quy định.

(MC 4.2.02 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;

MC 4.2.03 – các Tờ trình của Khoa, Bộ môn về xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.04 – các Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018)

Các Ban chủ nhiệm tổ chức họp phân công nhà giáo dự thảo chương trình đào tạo; thực hiện lấy ý kiến góp ý, tổ chức hội thảo góp ý.
(MC 4.2.05 – các Biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.06 – các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.07 – các Kế hoạch tổ chức Hội thảo góp ý chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.08 – các Biên bản của Hội thảo về góp ý chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018)

Sau khi hoàn thiện dự thảo, Trường tổ chức thực hiện công tác thẩm định chương trình đào tạo đúng theo quy định; báo cáo kết quả thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo đưa vào giảng dạy.

(MC 4.2.09 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 1.6.17 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.10 – các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.11 – các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018)

Trên cơ sở các báo cáo kết quả chương trình đào tạo được thẩm định đạt yêu cầu, Hội đồng thẩm định lập Tờ trình đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo theo quy định.

(MC 1.6.27 – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.12 – các Tờ trình của Hội đồng thẩm định về đề nghị phê duyệt chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);
MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);

MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);
MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);
MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018))

2. Năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo 12 nghề trình độ trung cấp.

Căn cứ tình hình thực tế trong quá trình đào tạo và căn cứ các nội dung thay đổi trong quy định mới, Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng và triển khai kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo quy định.

(MC 4.2.13 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.14 – các Tờ trình của Khoa, Bộ môn về hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.15 - Tờ trình của Phòng Đào tạo về hiệu chỉnh chương trình môn học chung trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.16 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.17 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình môn học chung trình độ trung cấp năm 2019)

Các Ban chủ nhiệm tổ chức họp phân công dự thảo, thực hiện lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo hiệu chỉnh các nghề trình độ trung cấp.

(MC 4.2.18 – các Biên bản họp Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.19 – các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học năm 2019)

Sau khi hoàn thiện dự thảo, Trường tổ chức thực hiện công tác thẩm định chương trình đào tạo đúng theo quy định; báo cáo kết quả thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp đưa vào giảng dạy từ năm học 2019-2020.

(MC 4.2.20 – Kế hoạch của Hội đồng thẩm định CTĐT hệ trung cấp năm 2019 của Trường về thẩm định chương trình đào tạo của 12 nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 1.6.19 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của các nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.21 – các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.22 – các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ trung cấp năm 2019)

Trên cơ sở các báo cáo kết quả chương trình đào tạo hiệu chỉnh được thẩm định đạt yêu cầu, Hội đồng thẩm định lập Tờ trình đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo hiệu chỉnh theo quy định.

(MC 1.6.28 - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp hiệu chỉnh năm 2019;
MC 4.2.23 - Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng Chương trình môn học của các môn học thuộc khối môn học chung các nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.24 – Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo của 12 ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

*** <u>Đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp:</u>**

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện xây dựng, ban hành chương trình đào tạo các nghề trình độ sơ cấp theo quy định.

(MC 4.2.25 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.26 – các Tờ trình về xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;

MC 4.2.27 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập các Ban hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.28 - các Biên bản họp của Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.29 - các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.30 - Kế hoạch của Hội đồng thẩm định CTĐT hệ sơ cấp năm 2019 của Trường về thẩm định chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.31 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của các nghề trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.32 - các Biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.33 - các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 4.2.34 - Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019;
MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp năm 2019;
MC 1.6.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2017;
MC 4.2.35 – Biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2017;
MC 1.6.27 – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các nghề năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.36 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo lái xe B2)

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp.

(MC 4.2.37 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về xây dựng chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.38 – các Tờ trình về xây dựng chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.39 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập các Ban hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.40 - các Biên bản họp Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.41 - các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.42 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của các nghề trình độ sơ cấp năm 2020;

MC 4.2.43 - Kế hoạch của Hội đồng thẩm định CTĐT hệ sơ cấp của Trường về thẩm định chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.44 - các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.45 - các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.46 - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.47 - Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt, ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp năm 2020;
MC 1.6.20 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2020;
MC 1.6.29 - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo lái xe năm 2020;
MC 4.2.48 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành và đưa vào áp dụng chương trình đào tạo nghề lái xe năm 2020)

100% chương trình đào tạo các ngành, nghề của Trường được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp. Nhà trường đã chủ động mời các chuyên gia, nhà giáo có kinh nghiệm, các doanh nghiệp có uy tín để góp ý, chỉnh sửa và tham gia xây dựng, thẩm định các chương trình đào tạo của trường nhằm rút ngắn khoảng cách về đào tạo giữa Nhà trường và doanh nghiệp. Đảm bảo mỗi chuyên ngành/nghề có ít nhất 01 cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và 01 cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng, thẩm định chương trình.

*(**MC 4.4.01** – các Danh sách trích ngang chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018, năm 2019;*
***MC 4.4.02** – các Danh sách trích ngang chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.4.03** – các Danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;*
***MC 4.4.04** – các Danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;*
***MC 4.4.05** - các Danh sách trích ngang chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2019;*
***MC 4.4.06** - các Danh sách trích ngang chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2020;*

***MC 4.4.07** – các Danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2019*
***MC 4.4.08** – các Danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2020)*

100% nhà giáo cơ hữu của Trường đã giảng dạy chuyên môn ngành/nghề ít nhất một khóa tham gia vào quá trình xây dựng hoặc góp ý hoặc thẩm định chương trình đào tạo.

*(**MC 4.4.09** – các Danh sách nhà giáo cơ hữu tham gia xây dựng/góp ý/thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018, năm 2019)*

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động. Kết quả 100% ý kiến đồng ý về chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

*(**MC 4.4.10** – Bản tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.5
Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích:

100% chương trình đào tạo các cấp trình độ của Trường được xây dựng, cập nhật theo quy định.

Nhằm đảm bảo tính thực tiễn, chương trình đào tạo của Trường được xây dựng, thẩm định luôn có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp.

(MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);
MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);
MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);
MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);

MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);
MC 4.2.07 – các Kế hoạch tổ chức Hội thảo góp ý chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.08 – các Biên bản của Hội thảo về góp ý chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.10 – các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.2.11 – các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 4.4.01 – các Danh sách trích ngang chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018, năm 2019;
MC 4.4.03 – các Danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018)

Cũng như để đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, khi thực hiện hiệu chỉnh định kỳ chương trình đào tạo các ngành, nghề, Trường luôn đảm bảo 100% chương trình đều có sự tham gia góp ý, thẩm định của cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp.

(MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
MC 4.2.21 – các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.22 – các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.4.02 – các Danh sách trích ngang chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.4.04 – các Danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019)

Đồng thời, cũng với mục đích đảm bảo tính thực tiễn, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ thực hiện công tác thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động đối với từng chương trình, giáo trình đào tạo của Trường. 100% doanh nghiệp được thu thập ý kiến đồng ý với ý kiến chương trình đào tạo của Trường đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

*(**MC 4.5.01**– Các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*

MC 4.5.02 *– các Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 4.5.03 *– các Phiếu thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 4.5.04 *– các Bản tổng hợp ý kiến đơn vị sử dụng lao động đối với chương trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 4.5.05 *– các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động đối với chương trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Và thu thập, tổng hợp và đánh giá ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm về chương trình, giáo trình đào tạo của Trường. 90% học sinh/tổng số học sinh tốt nghiệp đã đi làm được thu thập có phản hồi và đồng ý với ý kiến chương trình đào tạo của Trường đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

*(**MC 4.5.06** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 4.5.07 *– các Phiếu thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 4.5.08 *– các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 4.5.09 *– các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến học sinh tốt nghiệp đã đi làm đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.6
Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Hiện nay, Trường TCN KTCN Hùng Vương đang đào tạo trình độ trung cấp các ngành, nghề lĩnh vực công nghệ - kỹ thuật như Điện – Điện tử, Cơ điện tử - Tự động hóa, Cơ khí chính xác – Chế tạo khuôn mẫu, Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí – công nghiệp, Công nghệ thông tin.

(MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);

MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019))

Trong đó, Chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ khí ô tô, cơ khí chính xác, điện – điện tử, được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định; đã được Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long công nhận liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng, đại học của Trường.

*(**MC 4.6.01** - Nội dung liên thông của chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp – Trường TCN KTCN Hùng Vương với Chương trình đào tạo liên thông ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ đại học-Trường ĐH SPKT Vĩnh Long;*
***MC 4.6.02** – Biên bản ghi nhớ giữa Trường ĐH SPKT Vĩnh Long với Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2014 về hợp tác đào tạo;*
***MC 4.6.03** - Chương trình đào tạo liên thông ngành, nghề trình độ cao đẳng của Trường ĐH SPKT Vĩnh Long;*
***MC 4.6.04** - Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông ngành Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử, trình độ đại học đã được Trường ĐH SPKT Vĩnh Long ban hành;*
***MC 4.6.05**- Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khả năng liên thông với trình độ cao đẳng, đại học)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.7
Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích:

*** <u>Đối với trình độ trung cấp</u>:**

Căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo, qua kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp và học sinh sau đào tạo, năm 2017-2018, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành 15 chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

(MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);
MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);
MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);
MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);
MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018))

Căn cứ quy định về cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sau 02 năm tổ chức đào tạo, Trường đã xây dựng, triển khai kế hoạch hiệu chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành nhằm cập nhật, bổ sung những thay đổi trong quy định của nhà nước, những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động. Năm 2019, 12/15 chương trình đào tạo trình độ trung cấp đã ban hành được đánh giá, hiệu chỉnh.

(MC 4.2.14 – các Tờ trình của Khoa, Bộ môn về hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019;
MC 4.2.15 - Tờ trình của Phòng Đào tạo về hiệu chỉnh chương trình môn học chung trình độ trung cấp năm 2019;
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019)

*** <u>Đối với trình độ Sơ cấp:</u>**

Năm 2016, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, ban hành 36 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và được Sở Lao động – TBXH cấp Giấy chứng nhận đăng ký

hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh các chương trình đào tạo để phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động.

(MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020;
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019)

Năm 2020, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành 16 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

(MC 4.2.38 – các Tờ trình về xây dựng chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.40 - các Biên bản họp Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.41 - các phiếu góp ý chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn học các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.44 - các Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.45 - các Phiếu phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định các nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 4.2.46 - Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.8
Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương quan tâm khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên các khoa, bộ môn, trung tâm tham khảo, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo kỹ thuật cao và đặc biệt là các ngành mới có công nghệ thay đổi nhanh theo thời gian như nghề: Công nghệ thông tin, Cơ điện tử, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, Cơ khí, Tự động hoá ... Bên cạnh đó, Trường còn tham khảo nội dung các kiến thức, kỹ năng từ các bộ đề thi Khu vực và Thế giới, tiêu chuẩn đánh giá Kỹ năng nghề quốc gia khi tổ chức xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo.

*** <u>Đối với trình độ trung cấp</u>:**

Căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo, qua kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp và học sinh sau đào tạo, năm 2017-2018, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành 15 chương trình đào tạo trình độ trung cấp đào tạo.

(MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
(MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);
MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);
MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);
MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);
MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018))

Căn cứ quy định về cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sau 02 năm tổ chức đào tạo, Trường đã xây dựng, triển khai kế hoạch hiệu chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành nhằm cập nhật, bổ sung những thay đổi trong quy định của nhà nước, những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động. Năm 2019, 12/15 chương trình đào tạo trình độ trung cấp đã ban hành được đánh giá, hiệu chỉnh.

(MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
***MC 4.8.01** – Bản tổng hợp những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp được cập nhật năm 2019)*

*** <u>Đối với trình độ Sơ cấp</u>**

Năm 2016, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, ban hành 36 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và được Sở Lao động – TBXH cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh các chương trình đào tạo để phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động.

(MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019;
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019)

Thực hiện đề nghị chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo, năm 2020, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành 16 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định; có cập nhật, bổ sung những thay đổi trong quy định của nhà nước, những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động.

(MC 4.2.38 – các Tờ trình về xây dựng chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020;
MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2020;
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2020f)
***MC 4.8.02** – Bản tổng hợp những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo sơ cấp được cập nhật năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.9
Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ Quy định về đào tạo liên thông từ trình sơ cấp lên trình độ trung cấp tại Trường TCN KTCN Hùng Vương, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp đối với các nghề đang đào tạo tại trường.

(MC 2.16.01 - Quyết định của Hiệu trưởng trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Qui định về tổ chức đào tạo liên thông các cấp đào tạo năm 2017;
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);

MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);
MC 2.16.02 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo liên thông các ngành, nghề đào tạo từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp (kèm các Chương trình đào tạo liên thông);
MC 2.16.03 – Danh mục các ngành, nghề đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp)

Căn cứ chương trình đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học. Sau đó, ban hành quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông.

*(**MC 4.9.01** - Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp;*
***MC 4.9.02** – Tờ trình của Phòng Đào tạo về ban hành danh mục các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp;*
***MC 4.9.03** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Danh mục các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 9 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.10
Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng và ban hành 15 chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp; 16 chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp; đã được Sở Lao động – Thương binh Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định, đảm bảo 100% các nghề trường được phép đào tạo đều có đủ giáo trình đào tạo theo quy định.

(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp số 19/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;

MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019;

MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);

MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);

MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);

MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);

MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);

MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);

MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);

MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);

MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);

MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);

MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);
MC 4.3.01 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 4.3.02 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 4.3.03 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 4.3.04 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 4.3.05 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 4.3.06 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 4.3.07 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 4.3.08 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 4.3.09 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 4.3.10 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 4.3.11 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 4.3.12 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019);
MC 4.3.13 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.3.14 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.3.15 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019, năm 2020;

MC 4.3.33 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp 16 ngành, nghề năm 2020)

100% mô đun, môn học của các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp có giáo trình, tài liệu giảng dạy. Giáo trình, tài liệu giảng dạy được sử dụng chung cho các cấp trình độ.

*(**MC 4.10.01** - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ trung cấp;*
***MC 4.10.02** - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ sơ cấp)*

Trường có đầy đủ bản in hoặc file mềm giáo trình của các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo các cấp trình độ.

*(**MC 4.10.03** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí và nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp;*
***MC 4.10.04** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cơ điện tử và nghề Tự động hóa công nghiệp;*
***MC 4.10.05** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại và nghề Chế tạo khuôn mẫu;*
***MC 4.10.06** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;*
***MC 4.10.07** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp;*
***MC 4.10.08** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính;*
***MC 4.10.09**- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;*
***MC 4.10.10** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính;*
***MC 4.10.11** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính;*
***MC 4.10.12** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề May thời trang;*
***MC 4.10.13** - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 10 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.11
100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ Thông tư số số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo hệ trung cấp áp dụng tại trường.

*(**MC 4.11.01** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về việc ban hành Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo hệ trung cấp năm 2017)*

Từ năm 2011 đến năm 2014, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã tổ chức biên soạn, thẩm định và đưa vào sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy các ngành, nghề đào tạo ở các cấp trình độ của Trường. Căn cứ chương trình đào tạo trình độ trung cấp ban hành lần đầu năm 2017, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã tổ chức họp rà soát lại về giáo trình, tài liệu giảng dạy hiện có; lựa chọn và đưa các giáo trình, tài liệu giảng dạy vào sử dụng giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp theo quy định.

*(**MC 4.11.02** – Thông báo ngày 10/5/2017 của Trường TCN KTCN Hùng Vương về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2017;*
***MC 4.11.03** – các Biên bản họp của Trường về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2017;*
***MC 4.11.04** – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp (kèm bản tổng hợp rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy) năm 2017;*
***MC 4.11.05**– Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về lựa chọn và đưa vào sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2017;*
***MC 4.11.06** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về lựa chọn và đưa vào sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2017;*
***MC 4.11.07** – Thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về lựa chọn và đưa vào sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2017)*

Đồng thời, trên cơ sở kết quả rà soát, Trường cũng xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy còn thiếu để đảm bảo 100% mô đun, môn

học của các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp có giáo trình, tài liệu giảng dạy.

*(**MC 4.11.08** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.09** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Ban biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.10** – các Biên bản họp Ban Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.11** – các phiếu góp ý giáo trình, tài liệu giảng dạy của chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.12** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.13** – các Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.14** – các phiếu phản biện giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.15** – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.16** – các Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về ban hành và đưa vào áp dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;*
***MC 4.11.17** – các Quyết định ban hành và đưa vào áp dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018)*

Năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương phối hợp với Sở Lao động – TBXH Thành phố thực hiện biên soạn giáo trình cho các mô đun Xanh hóa đào tạo nghề đang giảng dạy tại Trường.

*(**MC 4.11.18** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương Về biên soạn giáo trình, chương trình môn học nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường;*
***MC 4.11.19** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình, chương trình môn học nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường năm 2019;*
***MC 4.11.20 -** Kế hoạch của Khoa Bảo trì cơ khí về việc tổ chức hội thảo về giáo trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp;*
***MC 4.11.21** – Biên bản về hội thảo về giáo trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp cấp theo định hướng thân thiện với môi trường;*

MC 4.11.22 *– Các phiếu góp ý giáo trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp cấp theo định hướng thân thiện với môi trường;*
MC 4.11.23 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, chương trình môn học của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường;*
MC 4.11.24 *– Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, chương trình môn học của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường;*
MC 4.11.25 *– Các phiếu phản biện giáo trình môn học bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí theo định hướng xanh hóa trình độ trung cấp;*
MC 4.11.26 - *Báo cáo của Hội đồng thẩm định giáo trình, chương trình môn học của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường 2019;*
MC 4.11.27 *– Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về đề nghị phê duyệt và ban hành, đưa vào sử dụng giáo trình đào tạo của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp năm 2019;*
MC 4.11.28 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành và đưa vào áp dụng giáo trình, chương trình môn học của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường năm 2019)*

Năm 2020-2021, Trường tiếp tục thực hiện rà soát và lựa chọn/biên soạn bổ sung, cập nhật giáo trình các mô đun/môn học mới trong CTĐT hiệu chỉnh năm 2019.

*(**MC 4.11.29** – Thông báo của Trường về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2020;*
MC 4.11.30 *– Biên bản họp của Trường về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2020;*
MC 4.11.31 *– Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2020 (kèm bản tổng hợp rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy);*
MC 4.11.32 *– các Tờ trình của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về mua giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;*
MC 4.11.33 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;*
MC 4.11.34 *– các biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;*
MC 4.11.35 *– các phiếu phản biện giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;*

MC 4.11.36 *– các báo cáo của Hội đồng về thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;*
MC 4.11.37 *– các Tờ trình về lựa chọn và đưa vào sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;*
MC 4.11.38 *– Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về lựa chọn và đưa vào sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021)*

Đến nay, 100% chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp tại Trường đều có giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức cho các mô đun, môn học.

(MC 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ trung cấp;
MC 4.10.02 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ sơ cấp)

Trường có đầy đủ bản in hoặc file mềm giáo trình của các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo các cấp trình độ.

(MC 4.10.03 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí và nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp;
MC 4.10.04 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cơ điện tử và nghề Tự động hóa công nghiệp;
MC 4.10.05 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại và nghề Chế tạo khuôn mẫu;
MC 4.10.06 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;
MC 4.10.07 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp;
MC 4.10.08- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính;
MC 4.10.09- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
MC 4.10.10 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính;
MC 4.10.11 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính;

MC 4.10.12 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề May thời trang;
MC 4.10.13 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 11 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.12
Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích:

100% chương trình đào tạo được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đều có giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức cho các mô đun, môn học.

(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp số 19/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020;
MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);
MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);
MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);

MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);
MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;

MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);
MC 4.3.01 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 4.3.02 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 4.3.03 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 4.3.04 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 4.3.05 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 4.3.06 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 4.3.07 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 4.3.08 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 4.3.09 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 4.3.10 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 4.3.11 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 4.3.12 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019);
MC 4.3.13 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.3.14 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.3.15 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);
MC 4.3.33 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp 16 ngành, nghề năm 2020;
MC 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ trung cấp;

MC 4.10.02 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ sơ cấp;
MC 4.10.03 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí và nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp;
MC 4.10.04 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cơ điện tử và nghề Tự động hóa công nghiệp;
MC 4.10.05 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại và nghề Chế tạo khuôn mẫu;
MC 4.10.06 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;
MC 4.10.07 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp;
MC 4.10.08- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính;
MC 4.10.09- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
MC 4.10.10 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính;
MC 4.10.11 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính;
MC 4.10.12 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề May thời trang;
MC 4.10.13 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp)

100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định, trong đó giáo trình được thẩm định đều có kết luận của Chủ tịch Hội đồng trước khi bỏ phiếu thông qua, các kết luận đều có nhận xét về mức độ cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

(MC 4.11.03 – các Biên bản họp của Trường về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2017;
MC 4.11.04 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp (kèm bản tổng hợp rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy) năm 2017;
MC 4.11.13 – các Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;
MC 4.11.14 – các phiếu phản biện giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;

MC 4.11.15 – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;
MC 4.11.24 – Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, chương trình môn học của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường;
MC 4.11.25 – Các phiếu phản biện giáo trình môn học bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí theo định hướng xanh hóa trình độ trung cấp;
MC 4.11.34 – các biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;
MC 4.11.35 – các phiếu phản biện giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021)

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo về mức độ cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo của các giáo trình đào tạo.

(MC 4.12.01 – Bản tổng hợp ý kiến nhà giáo về mức độ cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo của các giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.13
Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích:

100% giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định, trong đó giáo trình được thẩm định đều có kết luận của Chủ tịch Hội đồng trước khi bỏ phiếu thông qua, các kết luận đều có nhận xét về mức độ cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để giáo viên thực hiện phương pháp dạy học tích cực, kết hợp nhiều phần mềm ứng dụng, nghiên cứu biên soạn bài giảng điện tử, mô đun thực hành, thiết kế bài tập dạng dự án theo hướng tích cực hoá người học.

(MC 2.1.04 – các Danh sách chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của 15 chương trình đào tạo các nghề trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020;
MC 2.1.06 – các Danh sách chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của 16 chương trình đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, năm 2020;

MC 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ trung cấp;
MC 4.10.02 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ sơ cấp;
MC 4.11.03 – các Biên bản họp của Trường về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2017;
MC 4.11.04 – Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp(kèm bản tổng hợp rà soát giáo trình, tài liệu giảng dạy) năm 2017;
MC 4.11.13 – các Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;
MC 4.11.14 – các phiếu phản biện giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;
MC 4.11.15 – các Báo cáo của Hội đồng thẩm định về kết quả biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018;
MC 4.11.24 – Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, chương trình môn học của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường;
MC 4.11.25 – Các phiếu phản biện giáo trình môn học bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí theo định hướng xanh hóa trình độ trung cấp;
MC 4.11.34 – các biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;
MC 4.11.35 – các phiếu phản biện giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021;
MC 4.10.03 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí và nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp;
MC 4.10.04 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cơ điện tử và nghề Tự động hóa công nghiệp;
MC 4.10.05 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại và nghề Chế tạo khuôn mẫu;
MC 4.10.06 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;
MC 4.10.07 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp;
MC 4.10.08- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính;

MC 4.10.09- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
MC 4.10.10 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính;
MC 4.10.11 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính;
MC 4.10.12 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề May thời trang;
MC 4.10.13 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp)

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến người học, nhà giáo về mức độ cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo của các giáo trình đào tạo.

(MC 4.13.01 – Bản tổng hợp ý kiến người học, nhà giáo về giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.14
Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích:

1. Hàng năm, trường thực hiện việc khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ phù hợp đối với từng chương trình, giáo trình đào tạo của Trường. Theo kế hoạch hàng năm, trên 90% cán bộ quản lý, nhà giáo đã thực hiện phiếu khảo sát ý kiến đánh giá bằng hình thức khảo sát trực tiếp và/hoặc hình thức online trên trang web của Trường năm 2020, năm 2021.

*(**MC 4.14.01** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khảo sát ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021;*
***MC 4.14.02** - Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thu thập ý kiến năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 4.14.03** - Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2019 - 2020;*
***MC 4.14.04** - Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2020-2021)*

Theo kết quả ý kiến khảo sát cho thấy, giáo trình đào tạo của các mô đun, môn học từng ngành, nghề đa số các nội dung khảo sát đạt mức khá – tốt, một số nội dung ở mức đạt yêu cầu.

*(**MC 4.14.05** – các Bản tổng hợp ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên hệ trung cấp năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021;*
***MC 4.14.06** - Báo cáo của phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021)*

2. Đồng thời, Trường TCN KTCN Hùng Vương triển khai thực hiện công tác thu thập ý kiến của cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động về mức độ phù hợp của từng chương trình, giáo trình đào tạo của Trường. Hình thức khảo sát trực tiếp song song với hình thức online trên trang web của Trường.

(MC 4.5.01– Các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 4.5.02 – các Danh sách cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 4.5.03 – các Phiếu thu thập ý kiến cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Kết quả hơn 90% ý kiến *cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động* được thu thập ý kiến có đánh giá chương trình, giáo trình đào tạo các ngành, nghề của Trường phù hợp thực tiễn sản xuất và đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung.

*(**MC 4.14.07** – các Bản tổng hợp ý kiến đơn vị sử dụng lao động đối với giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 4.14.08** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động đối với giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

3. Bên cạnh đó, Trường cũng thực hiện thu thập, tổng hợp và đánh giá ý kiến của học sinh tốt nghiệp về mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo của Trường. Hình thức khảo sát trực tiếp bằng phiếu thu thập ý kiến khi học sinh nhận bằng tốt nghiệp.

MC 4.5.06 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm năm 2019, năm 2020;
MC 4.5.07 – các Phiếu thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm 2019, năm 2020)

Kết quả hơn 90% ý kiến học sinh tốt nghiệp được thu thập ý kiến có đánh giá giáo trình đào tạo từng ngành, nghề của Trường phù hợp, đáp ứng các yêu cầu cụ thể hóa nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo từng ngành, nghề.

(MC 4.5.08 – các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;

MC 4.5.09 – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến học sinh tốt nghiệp đã đi làm đối với chương trình, giáo trình đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 14 Tiêu chí 4: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4.15
Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Năm 2017-2018, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành 15 chương trình đào tạo trình độ trung cấp đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

(MC 2.5.02 – Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2017, năm 2018;
(MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);
MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);
MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);
MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);
MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);

MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018))
***MC 4.15.01** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);*
***MC 4.15.02** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);*
***MC 4.15.03** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);*
***MC 4.15.04** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);*
***MC 4.15.05** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);*
***MC 4.15.06** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);*
***MC 4.15.07** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);*
***MC 4.15.08** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);*
***MC 4.15.09** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);*
***MC 4.15.10** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);*
***MC 4.15.11** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);*
***MC 4.15.12** – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);*
MC 4.3.13 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);
MC 4.3.14 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.3.15 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018)

Định kỳ theo quy định, năm 2019, Trường đã xây dựng, triển khai kế hoạch hiệu chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành nhằm cập nhật, bổ sung những thay đổi trong quy định của nhà nước, những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động. Năm 2019, 12/15 chương trình đào tạo trình độ trung cấp đã ban hành được đánh giá, hiệu chỉnh.

(MC 2.5.03 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2019;
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
MC 4.3.01 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 4.3.02 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 4.3.03 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 4.3.04 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 4.3.05 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 4.3.06 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 4.3.07 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 4.3.08 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);

MC 4.3.09 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 4.3.10 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 4.3.11 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 4.3.12 – Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019);
***MC 4.15.13** – Danh sách chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ trung cấp có sự thay đổi năm 2019)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, ban hành 36 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và được Sở Lao động – TBXH cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh các chương trình đào tạo có tổ chức đào tạo để phù hợp với thực tiễn của thị trường lao động. Năm 2020, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành 16 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định.

(MC 2.5.37 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo nghề hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020;
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019, năm 2020)
***MC 4.15.14** – Danh sách chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp có sự thay đổi năm 2020)*

Sau khi Trường thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo, Trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. Trường TCN KTCN Hùng Vương đã tổ chức họp rà soát lại về giáo trình, tài liệu giảng dạy hiện có; lựa chọn và đưa các giáo trình, tài liệu giảng dạy vào sử dụng giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp theo quy định. Đồng thời, trên cơ sở kết quả rà soát, Trường cũng xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy còn thiếu để đảm bảo 100% mô đun, môn học của các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp có giáo trình, tài liệu giảng dạy.

(MC 4.10.03 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí và nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp;
MC 4.10.04 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cơ điện tử và nghề Tự động hóa công nghiệp;
MC 4.10.05 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại và nghề Chế tạo khuôn mẫu;
MC 4.10.06 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;
MC 4.10.07 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp;

MC 4.10.08- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính;
MC 4.10.09- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
MC 4.10.10 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính;
MC 4.10.11 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính;
MC 4.10.12 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề May thời trang;
MC 4.10.13 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp)
MC 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ trung cấp;
MC 4.10.02 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ sơ cấp)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 15 Tiêu chí 4: 01 điểm

3.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 5:

Mở đầu:

Trường TCN KTCN Hùng Vương được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Dạy nghề Quận 5. Địa chỉ Trường nằm ở mặt tiền đường Nguyễn Chí Thanh, ngay trung tâm Quận 5, nên việc đi lại, học tập, giảng dạy của người học, nhà giáo giáo, cán bộ quản lý và các hoạt động khác rất thuận tiện. Bên cạnh khuôn viên được quy hoạch tổng thể và chi tiết, cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đảm bảo các điều kiện hoạt động, đáp ứng quy mô đào tạo theo các ngành, nghề và trình độ đào tạo của trường. Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã từng bước trang bị số lượng thiết bị đáp ứng yêu cầu thực hành. Việc bảo trì, sửa chữa và bảo quản thiết bị thực hành được kiểm soát bằng thủ tục kiểm soát thiết bị. Được kiểm tra, bảo trì định kỳ hàng tháng nên các thiết bị, đồ dùng dạy học luôn trong tình trạng hoạt động tốt, quá trình đào tạo nghề được đảm bảo.

Thư viện trường TCN KTCN Hùng Vương được thành lập từ năm 2008 có chức năng tổ chức quản lý và thông tin tư liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và học sinh trong toàn trường. Ngoài việc truy cập tài liệu tại thư viện, việc truy cập còn được thực hiện ở tất cả các phòng học và trong khuôn viên trường, nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin liên quan đến chuyên môn cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên, qua hệ thống mạng dây và không dây. Hiện nay, nhà giáo và học sinh có thể truy cập, tìm kiếm thông tin hiện có của thư viện cũng như xem trực tuyến các tài liệu, giáo trình thông qua địa chỉ website thuvien.hungvuongtech.edu.vn.

**Những điểm mạnh:*

- Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước
- Khuôn viên Trường được quy hoạch thành các khu vực phù hợp với công năng quản lý, đào tạo, giao thông nội bộ, phù hợp với kiến trúc và môi trường sư phạm theo quy định
- Trường TCN KTCN Hùng Vương có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầy đủ gồm đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; hệ thống cấp, thoát nước; khu tập kết rác thải; hệ thống thông gió; hệ thống phòng cháy-chữa cháy được xây dựng, bố trí theo quy chuẩn và đáp ứng vừa đủ so với nhu cầu đào tạo, dịch vụ, sinh hoạt.
- Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó, quy định những nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, khoa cũng như quy trình thực hiện để quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng phát huy tối đa hiệu quả sử dụng trang thiết bị, tài sản nhà trường
- Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Trường TCN KTCN Hùng Vương đã được Sở Lao động – TBXH cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017, Giấy chứng nhận bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2018 đối với 15 nghề trình độ trung cấp.

- Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo
- Trường tổ chức thực hiện mua sắm vật tư thực hành đối với 100% ngành, nghề đang tổ chức đào tạo theo quy định, đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo mỗi năm học.
- Thư viện Trường có đầy đủ bản in hoặc file mềm giáo trình của các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo các cấp trình độ. Các loại sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành, những tài liệu nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, kỹ năng mềm, kỹ năng hoạt động thanh niên đáp ứng được yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của giáo viên, học sinh, sinh viên nhà trường. Thư viện tổ chức hoạt động với nhiều nội dung, hình thức phục vụ phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, giáo viên và người học. Đồng thời, Trường cũng xây dựng thư viện điện tử và bố trí phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

* *Những tồn tại:* Không có.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Không.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	**15/15**
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	01 điểm
Tiêu chuẩn 4	01 điểm
Tiêu chuẩn 5	01 điểm
Tiêu chuẩn 6	01 điểm
Tiêu chuẩn 7	01 điểm
Tiêu chuẩn 8	01 điểm
Tiêu chuẩn 9	01 điểm
Tiêu chuẩn 10	01 điểm
Tiêu chuẩn 11	01 điểm
Tiêu chuẩn 12	01 điểm
Tiêu chuẩn 13	01 điểm
Tiêu chuẩn 14	01 điểm
Tiêu chuẩn 15	01 điểm

Tiêu chuẩn 5.1
Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương là cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc UBND Quận 5, được Chủ tịch UBND TP.HCM ký quyết định thành lập và trường được quy hoạch chung theo một trong tám khu vực (khu vực miền Đông Nam bộ) đã được phê duyệt theo Quyết định số 07/2006/QĐ-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH về "Quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020" nên địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

*(**MC 5.1.01** - Công văn của UBND quận 5 về việc ý kiến quy hoạch về địa điểm cải tạo trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương năm 2006;*
***MC 5.1.02** - Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 về phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 7,8, 11, 12 Quận 5 – kèm Thông tin quy hoạch, Bản đồ quy hoạch Trường năm 2007;*
MC 1.1.01 - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2007)

Khu đất xây dựng Trường đảm bảo không gian yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học. Cụ thể:

- Vị trí khu đất của Trường nằm trong khu vực với mặt tiền là đường Nguyễn Chí Thanh và 3 mặt còn lại là khu dân cư. Các dãy phòng học mặt tiền của Trường gồm khu A và một phần khu G được cách âm bằng cửa kính dày. Trường đã được xác nhận đạt chuẩn về các chỉ tiêu như: vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi và hơi, khí thải.

*(**MC 5.1.03** – Bản đồ hiện trạng vị trí của Trường TCN KTCN Hùng Vương (thuộc Tờ 12 thửa 14 BĐĐC P12/Q5) – BVKT: HTVT ngày 23/7/2014;*
***MC 5.1.04** – các Báo cáo/Biên bản đánh giá kết quả kiểm tra môi trường tại Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2020, năm 2021)*

- Vị trí của Trường nằm trên mặt tiền đường Nguyễn Chí Thanh (cách Ngã 6 Nguyễn Tri Phương, giao lộ Ngô Gia Tự-Hồng Bàng-Ngô Quyền chưa đến 500m, cách ngã tư đường Nguyễn Chí Thanh-Lý Thường Kiệt khoảng 350m) đồng thời bãi giữ xe được bố trí trong khuôn viên Trường thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học đến Trường bằng phương tiện xe buýt hoặc các phương tiện đi lại cá nhân.

*(**MC 5.1.05** – Hình ảnh vị trí của Trường TCN KTCN Hùng Vương trên địa bàn Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh;*
***MC 5.1.06** – Mạng lưới các tuyến xe buýt Tp. Hồ Chí Minh;*

***MC 5.1.07** – Danh sách các tuyến xe buýt qua đường Nguyễn Chí Thanh năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.1.08** – Bản mô tả chi tiết các tuyến xe buýt gần khu vực Trường TCN KTCN Hùng Vương)*

Vị trí của Trường nằm trên địa bàn Quận 5, một trong các quận trung tâm của Thành phố rất thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. Từ năm 2009, Trường sử dụng hệ thống điện, nước do Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh (Điện lực Chợ Lớn) và Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn cung cấp.

*(**MC 5.1.09** - Hợp đồng mua bán điện giữa CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019;*
***MC 5.1.10** - Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước giữa Công ty CP cấp nước Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019;*
***MC 5.1.11** – các Hợp đồng mua bán nước uống giữa Công ty TNHH MTV TM XNK Ngọc Đạt và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Vị trí xây dựng của Trường đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp. Hiện tại, chỉ có Nhà máy Bia Sài Gòn; tuy nhiên, hiện nay nhà máy Bia Sài Gòn chỉ làm địa điểm đóng gói và kho hàng, không sản xuất, nên không có khí thải độc hại, không gây ô nhiễm nguồn nước.

*(**MC 5.1.12** - Thống kê khoảng cách từ trường TCN KTCN Hùng Vương đến các xí nghiệp – bệnh viện – cây xăng trong phạm vi 1000m)*

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về vị trí của Trường. Kết quả 100% ý kiến đồng ý về vị trí của Trường đảm bảo giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại.

*(**MC 5.1.13** - Bản tổng hợp ý kiến khảo sát của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý của Trường TCN KTCN Hùng Vương về vị trí của Trường đảm bảo giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.2
Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Trường hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm.

Tổng diện tích đất của Trường là 16.499,2 m^2, trong đó: Diện tích đất khuôn viên trụ sở chính của Trường là 5.379,2m^2, diện tích đất sân tập lái xe B2 là 11.120 m^2.

Tổng diện tích sử dụng là 18.161 m^2 với lưu lượng bình quân 800 - 1.500 người học/ngày (tính cả hệ trung cấp và sơ cấp). Khuôn viên Trường được quy hoạch thành các khu vực phù hợp với công năng quản lý, đào tạo, giao thông nội bộ, phù hợp với kiến trúc và môi trường sư phạm theo quy định.

- Khu hành chính quản trị và phụ trợ gồm các phòng làm việc của Ban giám hiệu, phòng nghiệp vụ, đoàn thể được bố trí tại khu A, khu F. Cụ thể:
  + Hiệu trưởng: 01 phòng
  + Phó hiệu trưởng: 01 phòng
  + Phòng Tổ chức – Hành chính: 01 phòng
  + Phòng Công tác học sinh, sinh viên: 01 phòng
  + Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: 01 phòng
  + Phòng Đào tạo: 01 phòng
  + Phòng Kế toán: 01 phòng
  + Trung tâm đào tạo lái xe: 01 phòng
  + Văn phòng chiêu sinh: 02 phòng
  + Văn phòng Đoàn Thanh niên - Công đoàn: 01 phòng
- Khu học tập bố trí các phòng học lý thuyết, thực hành của các khoa, bộ môn theo các khu riêng để thuận tiện trong việc tham gia học tập với 53 phòng học, xưởng thực hành gồm: 10 phòng lý thuyết; 41 phòng lý thuyết-thực hành và 01 xưởng thực hành; 01 phòng LAB.
  + Khoa Bảo trì cơ khí: tầng 1 khu F - 02 phòng (F1.2, F1.3)
  + Khoa Công nghệ thông tin: tầng 3 khu G, khu F – 07 phòng (G2.1, G2.3, G2.4, G2.5, G2.6, F2.1, F2.3)
  + Khoa Cơ điện tử: tầng 2, 3, 4 khu C – 05 phòng (C2.1, C2.2, C2.3, C3.2, C3.3)
  + Khoa Cơ khí chính xác: tầng 1 khu F - 01 phòng (F0.6); tầng 1 khu C - 02 phòng (C0.1, C0.2)
  + Khoa Cơ khí động lực: tầng 1 khu E – 01 xưởng thực hành (E4); tầng 1 khu B – 06 phòng (B1, B2, B3, B4, B5, B6)
  + Khoa Điện: tầng 2 khu G – 02 phòng (G1.1, G1.3).
  + Khoa Điện tử: tầng 1, khu A - 01 phòng (A1.7); tầng 2, khu A - 06 phòng (A2.2, A2.3, A2.5, A2.6, A2.7, A2.8)
  + Khoa Kỹ thuật lạnh: tầng 1 khu D – 02 phòng (D0.1, D0.2); tầng 2 khu D – 02 phòng (D1.1, D1.3); tầng 3 khu D – 03 phòng (D2.1, D2.2, D2.3)
  + BM Kỹ thuật nữ công: tầng 1 khu A – 02 phòng.
  + Các phòng học văn hóa: 10 phòng (A1.5, A1.6, A2.1, E1, E3, C1.1, C1.2, C3.1)
  + 01 phòng Lab (F2.2) dùng chung.
- Khu phục vụ học tập:
  + Thư viện: 08 phòng trong đó 01 phòng (F2.4B), 02 phòng (F2.4A, F2.1), 01 phòng Lab (F2.2) và 04 phòng máy tính dùng chung (G2.3, G2.4, G2.5, G2.6).

+ Hội trường dùng chung: 01 (phòng E2) với các chức năng: học tập chính trị - pháp luật; hội họp; văn nghệ; sinh hoạt ngoại khóa, câu lạc bộ; nghỉ trưa.
+ Phòng họp: 01 phòng (G1.2)
+ Nhà vệ sinh: được xây dựng theo từng tầng – khu vực.

- Khu rèn luyện thể chất: Khu thể dục-thể thao ngoài trời: bố trí giảng dạy môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh; Có 01 sân cầu lông.
- Khu phục vụ sinh hoạt: Trường có bố trí căn tin, phòng Y tế.

*(**MC 5.2.01** – Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương;*
***MC 5.2.02** – Trích lục bản đồ khu đất trường;*
***MC 5.2.03** – Bảng số liệu diện tích các khu của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 5.2.04** – Hình ảnh các khu trong khuôn viên của Trường)*

Ngoài ra, nhà trường còn thuê 01 bãi tập lái xe với diện tích 11.120 m^2 tại Quận 9 phục vụ nhu cầu đào tạo lái xe hạng B2, D.

*(**MC 5.2.05** – Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng giữa Trường TCN KTCN Hùng Vương và Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải;*
***MC 5.2.06** – Hình ảnh các khu vực tại mặt bằng bãi tập lái xe)*

Diện tích cây xanh chiếm 30% diện tích khu đất toàn trường theo quy định gồm cây gỗ lớn và cây, hoa kiểng trong các chậu được bố trí ở tất cả các khu trong khuôn viên Trường.

*(**MC 5.2.07** – các Bản thống kê diện tích cây xanh của Trường năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.2.08** – Sơ đồ cây xanh các khu vực trong Trường TCN KTCN Hùng Vương)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.3
Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương có các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn:

- Khu hành chính quản trị và phụ trợ gồm các phòng làm việc của Ban giám hiệu, phòng nghiệp vụ, đoàn thể được bố trí tại khu A, khu F. Cụ thể:
  + Hiệu trưởng: 01 phòng
  + Phó hiệu trưởng: 01 phòng

+ Phòng Tổ chức – Hành chính: 01 phòng
+ Phòng Công tác học sinh, sinh viên: 01 phòng
+ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: 01 phòng
+ Phòng Đào tạo: 01 phòng
+ Phòng Kế toán: 01 phòng
+ Trung tâm đào tạo lái xe: 01 phòng
+ Văn phòng chiêu sinh: 02 phòng
+ Văn phòng Đoàn Thanh niên - Công đoàn: 01 phòng

- Khu học tập bố trí các phòng học lý thuyết, thực hành của các khoa, bộ môn theo các khu riêng để thuận tiện trong việc tham gia học tập với 55 phòng học, xưởng thực hành gồm: 10 phòng lý thuyết; 41 phòng lý thuyết-thực hành và 01 xưởng thực hành; 01 Hội trường 01 phòng LAB và 01 sân tập lái xe.

+ Khoa Bảo trì cơ khí: tầng 1 khu F - 02 phòng (F1.2, F1.3)
+ Khoa Công nghệ thông tin: tầng 3 khu G, khu F – 07 phòng (G2.1, G2.3, G2.4, G2.5, G2.6, F2.1, F2.3)
+ Khoa Cơ điện tử: tầng 2, 3, 4 khu C – 05 phòng (C2.1, C2.2, C2.3, C3.2, C3.3)
+ Khoa Cơ khí chính xác: tầng 1 khu F - 01 phòng (F0.6); tầng 1 khu C - 02 phòng (C0.1, C0.2)
+ Khoa Cơ khí động lực: tầng 1 khu E – 01 xưởng thực hành (E4); tầng 1 khu B – 06 phòng (B1, B2, B3, B4, B5, B6)
+ Khoa Điện: tầng 2 khu G – 02 phòng (G1.1, G1.3).
+ Khoa Điện tử: tầng 1, khu A - 01 phòng (A1.7); tầng 2, khu A - 06 phòng (A2.2, A2.3, A2.5, A2.6, A2.7, A2.8)
+ Khoa Kỹ thuật lạnh: tầng 1 khu D – 02 phòng (D0.1, D0.2); tầng 2 khu D – 02 phòng (D1.1, D1.3); tầng 3 khu D – 03 phòng (D2.1, D2.2, D2.3)
+ BM Kỹ thuật nữ công: tầng 1 khu A – 02 phòng.
+ Các phòng học văn hóa: 10 phòng (A1.5, A1.6, A2.1, E1, E3, C1.1, C1.2, C3.1)
+ 01 phòng Lab (F2.2) dùng chung.

- Khu phục vụ học tập:

+ Thư viện: 01 phòng (F2.4B), 02 phòng (F2.4A, F2.1), 01 phòng Lab (F2.2) và 04 phòng máy tính dùng chung (G2.3, G2.4, G2.5, G2.6)
+ Hội trường dùng chung: 01 (phòng E2) với các chức năng: học tập chính trị - pháp luật; hội họp; văn nghệ; sinh hoạt ngoại khóa, câu lạc bộ; nghỉ trưa.
+ Phòng họp: 01 phòng (G1.2)
+ Nhà vệ sinh: được xây dựng theo từng tầng – khu vực.

- Khu rèn luyện thể chất: Khu thể dục-thể thao ngoài trời: bố trí giảng dạy môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh; Có 01 sân cầu lông.
- Khu phục vụ sinh hoạt: Trường có bố trí căn tin, phòng Y tế.

(MC 5.2.01 – Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương;
MC 5.2.02 – Trích lục bản đồ khu đất trường;
MC 5.2.03 – Bảng số liệu diện tích các khu của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;

MC 5.2.04 – Hình ảnh các khu trong khuôn viên của Trường)

Ngoài ra, nhà trường còn thuê 01 bãi tập lái xe với diện tích 11.120 m^2 tại Quận 09 phục vụ nhu cầu đào tạo lái xe hạng B2, D.

(MC 5.2.05 – Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng giữa Trường TCN KTCN Hùng Vương và Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải;
MC 5.2.06 – Hình ảnh các khu vực tại mặt bằng bãi tập lái xe)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.4
Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầy đủ gồm đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; hệ thống cấp, thoát nước; khu tập kết rác thải; hệ thống thông gió; hệ thống phòng cháy-chữa cháy được xây dựng, bố trí theo quy chuẩn và đáp ứng đủ so với nhu cầu đào tạo, dịch vụ, sinh hoạt.

(MC 5.2.01 – Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương;
MC 5.2.03– Bảng số liệu diện tích các khu của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 5.2.04 – Hình ảnh các khu trong khuôn viên của Trường)

Hệ thống đường giao thông nội bộ của Trường được xây dựng thông suốt từ cổng trường đến tất cả các khu nhà trong khuôn viên trường. Các khu có hành lang liên thông nhau ở từng tầng: khu A, khu G và khu F; khu C và khu D.

(MC 5.2.02 – Trích lục bản đồ khu đất trường;
***MC 5.4.01** – Hình ảnh đường giao thông nội bộ của Trường)*

Ngoài ra, nhà trường còn thuê 01 bãi tập lái xe với diện tích 11.120 m^2 tại Quận 12 phục vụ nhu cầu đào tạo lái xe hạng B2, D; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầy đủ theo quy định.

(MC 5.2.05 – Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng giữa Trường TCN KTCN Hùng Vương và Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải;
MC 5.2.06 – Hình ảnh các khu vực tại mặt bằng bãi tập lái xe)

Trường sử dụng hệ thống điện do Công ty Điện lực Chợ Lớn. Hệ thống điện được lắp đặt theo quy chuẩn, bố trí phù hợp, an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, dịch vụ và sinh hoạt. Hệ thống điện dẫn đến các phòng, khoa đảm bảo an toàn, mỹ quan và hiệu quả.

(MC 5.1.09 - Hợp đồng mua bán điện giữa CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019;

***MC 5.4.02** – Sơ đồ hệ thống cung cấp điện toàn trường;*
***MC 5.4.03** – các Sơ đồ bố trí thiết bị điện từng phòng)*

Trường sử dụng nguồn nước thuỷ cục để sinh hoạt và có hệ thống cấp, thoát nước phù hợp, đảm bảo nguồn nước sạch do Công ty cấp nước Chợ Lớn cung cấp. Các phòng học thực hành cần sử dụng nước tại chổ như phòng Thẩm mỹ, phòng Cắt uốn tóc được lắp đặt rất tiện dụng. Ngoài ra, Trường sử dụng nước uống đóng bình phục vụ cho giáo viên, nhân viên tại các phòng chuyên môn theo yêu cầu sử dụng.

(MC 5.1.10 - Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước giữa Công ty CP cấp nước Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019;
***MC 5.4.04** – Sơ đồ hệ thống cấp, thoát nước toàn trường;*
MC 5.1.11 – các Hợp đồng mua bán nước uống giữa Công ty TNHH MTV TM XNK Ngọc Đạt và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Nhà trường hợp đồng thu gom rác thải với Cơ sở thu gom rác tư nhân. Rác thải thu được từ các bộ phận được nhân viên tạp vụ phân loại, tập trung tại các thùng rác lớn có nắp đậy, có nhân viên vệ sinh đổ rác mỗi ngày.

*(**MC 5.4.05** – Hợp đồng về thu gom rác giữa trường TCN KTCN Hùng Vương và Cơ sở thu gom rác tư nhân do ông Nguyễn Văn Sáu làm đại diện;*
***MC 5.4.06** – Sơ đồ vị trí tập kết rác thải của Trường TCN KTCN Hùng Vương;*
***MC 5.4.07** – Biên bản kiểm tra y tế trường học đối với Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021 (có nội dung đánh giá về hệ thống xử lý nước thải, rác thải)*

Nhà trường trang bị, lắp đặt đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định. Khu nhà C mới xây dựng được trang bị đầy đủ hệ thống chống sét và PCCC. Trường có thành lập bộ phận quản lý, tổ chức thao dợt và kiểm tra định kỳ thiết bị PCCC.

(***MC 5.4.08** – các Bản thống kê phương tiện PCCC của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 5.4.09** - Sơ đồ bố trí phương tiện PCCC;*
***MC 5.4.10** - Hồ sơ nghiệm thu về PCCC khu C: Biên bản nghiệm thu về PCCC; Biên bản bàn giao thiết bị PCCC - Công trình nâng cấp cải tạo khu C và D, hạng mục PCCC, chống sét*);
***MC 5.4.11** - Quyết định kiện toàn Đội PCCC của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019;*
MC 1.12.03 – Bản mô tả công việc của nhân viên bảo vệ trong Bộ Bản mô tả công việc theo chức danh tại các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm năm 2016;
MC 1.12.05 – Bản mô tả vị trí việc làm của nhân viên bảo vệ trong Bộ Bản mô tả công việc của giáo viên năm 2021;
***MC 5.4.12** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, vận hành thiết bị phòng cháy, chữa cháy năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.4.13** - các Biên bản kiểm tra, vận hành hệ thống PCCC định kỳ hàng tháng của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*

***MC 5.4.14** - các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy năm 2019, năm 2020;*
***MC 5.4.15** – các Biên bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương về diễn tập phòng cháy, chữa cháy năm 2019, năm 2020)*

Ngoài ra, hàng năm Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và CNCH – Công an Quận 5 thực hiện kiểm tra theo định kỳ.

*(**MC 5.4.16** - Biên bản kiểm tra an toàn về Phòng cháy chữa cháy của Đội CSPCCC năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quy định bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Theo đó, trách nhiệm quản lý bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật được phân công cụ thể cho các bộ phận có liên quan, phòng TCHC-QT có trách nhiệm kiểm tra hàng tháng, đề xuất phương án sửa chữa đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất dịch vụ, sinh hoạt; báo cáo kết quả bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật định kỳ hàng năm.

(***MC 5.4.17** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Quy định về quản lý và bảo dưỡng vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật;*
***MC 5.4.18** - Báo cáo của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về kết quả bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý. Kết quả 100% ý kiến đồng ý về hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) đáp ứng nhu cầu đào tạo, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

(MC 5.4.19 – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.5
Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích:

Phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn của Trường bảo đảm theo quy chuẩn xây dựng đáp ứng quy mô đào tạo theo các ngành nghề, trình độ đào tạo gồm: 10 phòng học lý thuyết, 41 phòng lý thuyết – thực hành, 01 xưởng thực hành, 01 phòng LAB, 01 Hội trường và 01 bãi tập lái xe.

(MC 5.2.01 – Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương;
MC 5.2.03– Bảng số liệu diện tích các khu của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 5.2.05 – Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng giữa Trường TCN KTCN Hùng Vương và Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải;
MC 5.2.06 – Hình ảnh các khu vực tại mặt bằng bãi tập lái xe)

Hàng năm, Trường thực hiện đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo các cấp trình độ.

*(**MC 5.5.01** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng cho chương trình đào tạo các cấp trình độ năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn tại các Khoa, Trung tâm, Bộ môn của Trường bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. Trường đã được Sở Lao động – TBXH cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017, Giấy chứng nhận bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2018.

(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
***MC 5.5.02** – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017, năm 2018;*
***MC 5.5.03** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.04** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.05** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.06** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí chính xác năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.07** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí động lực năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.08** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.09** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.10** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*
***MC 5.5.11** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);*

***MC 5.5.12** – các Danh mục thiết bị đào tạo của Trung tâm đào tạo lái xe năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Hàng năm, nhà trường triển khai công tác thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, trong đó có ý kiến về trang thiết bị phục vụ giảng dạy, thực hành. Kết quả tổng hợp: Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập đầy đủ; thiết bị thực hành đáp ứng đầy đủ cho công tác dạy và học.

(MC 4.14.03 - Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2019 - 2020;
MC 4.14.04 - Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2020-2021;
MC 4.14.05 – các Bản tổng hợp ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên hệ trung cấp năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021;
MC 4.14.06 - Báo cáo của phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.6
Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó, quy định những nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, khoa cũng như quy trình thực hiện để quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng phát huy tối đa hiệu quả sử dụng trang thiết bị, tài sản nhà trường.

(MC 1.3.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (kèm Quy chế) năm 2019;

MC 1.7.07 – Thủ tục kiểm soát thiết bị trong Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2018)

Thiết bị đào tạo tại các phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn tại các Khoa, Trung tâm, Bộ môn của Trường bảo đảm bố trí đầy đủ số lượng, chủng loại, đáp ứng các yêu cầu công nghệ, quy mô đào tạo của Trường; đã được Sở Lao động – TBXH cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017, Giấy chứng nhận bổ sung hoạt động năm 2018.

(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 5.5.02 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017, năm 2018;
MC 5.5.03 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.04 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.05 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.06 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí chính xác năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.07 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí động lực năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.08 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.09 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.10 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.11 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.12 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Trung tâm đào tạo lái xe năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Các thiết bị đào tạo chính của trường được đầu tư, mua sắm từ các nguồn vốn ngân sách Trung ương trong Chương trình mục tiêu quốc gia về Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp; đều có đầy đủ Catalog hướng dẫn việc sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nhà sản xuất.

*(**MC 5.6.01** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Bảo trì cơ khí;*
***MC 5.6.02** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Công nghệ thông tin;*
***MC 5.6.03** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Cơ điện tử;*
***MC 5.6.04** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Cơ khí chính xác;*
***MC 5.6.05** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Cơ khí động lực;*
***MC 5.6.06** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Điện;*
***MC 5.6.07** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Điện tử;*
***MC 5.6.08** – Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại khoa Kỹ thuật lạnh;*

MC 5.6.09 *– Catalog, Sổ tay hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất tại BM Kỹ thuật nữ công)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.7

Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó, quy định về sử dụng phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa; đồng thời ban hành Nội quy phòng học, Nội quy xưởng thực hành áp dụng tại các Khoa, Bộ môn.

(MC 1.3.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (kèm Quy chế) năm 2019;

MC 5.7.01 *– Nội quy xưởng thực hành của Trường TCN KTCN Hùng Vương;*

MC 5.7.02 *– các Hình ảnh Nội quy xưởng thực hành tại các Khoa, Bộ môn của Trường;*

Hàng năm, phòng Tổ chức - Hành chánh - Quản trị phối hợp với phòng Đào tạo kiểm tra và báo cáo công tác sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, …. đảm bảo phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng đúng quy định, đúng công năng.

(*MC 5.2.03 – Bảng số liệu diện tích các khu của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 5.5.01 – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng cho chương trình đào tạo các cấp trình độ năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên. Kết quả 100% ý kiến đồng ý về phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của Trường được sử dụng đúng chức năng theo quy định hiện hành.

*(**MC 5.7.03** – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên về phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng đúng chức năng theo quy định hiện hành năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.8
Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích:

Hệ thống các thiết bị đào tạo chính của trường được trang bị phù hợp với chương trình đào tạo cũng như các ngành nghề đào tạo của trường. Đa số các thiết bị trang bị mới có trình độ công nghệ tương đương với công nghệ sản xuất, dịch vụ hiện tại. Nhiều loại máy móc là những trang thiết bị của các dây chuyền sản xuất hiện đại như: Trạm mô phỏng quá trình sản xuất MPS, bàn thực hành khí nén thuỷ lực, các mô hình mô phỏng quá trình, hệ thống máy tính kết hợp giảng dạy PLC, Logo của trung tâm cơ điện tử. Các thiết bị thực hành chuyên về mạng, về phần cứng máy tính, lập trình của khoa Công nghệ thông tin. Các thiết bị điều khiển quá trình trong công nghiệp, hệ thống lạnh trung tâm Inverter của khoa Điện lạnh. Máy tiện, phay CNC của khoa cơ khí, thiết bị, kit thực nghiệm thực hành của khoa Điện tử, thiết bị phun xăng điện tử của khoa Cơ khí động lực.

* Đối với trình độ trung cấp:

Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Trường TCN KTCN Hùng Vương đã được Sở Lao động – TBXH cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017, Giấy chứng nhận bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2018 đối với 15 nghề trình độ trung cấp.

(MC 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/7/2017 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 24/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 04/8/2018 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;
MC 5.5.02 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017, năm 2018;
MC 5.5.03 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.04 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.05 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.06 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí chính xác năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.07 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí động lực năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);

MC 5.5.08 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.09 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.10 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.11 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo))

Đến nay, Nhà trường đã trang bị khá đầy đủ chủng loại danh mục trang thiết bị đào tạo theo danh mục thiết bị đào tạo chính, danh mục tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ trung cấp tại Trường.

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện so sánh, đối chiếu Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của **12 nghề** trình độ trung cấp đang tổ chức đào tạo tại Trường với các Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từng nghề tương ứng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mới ban hành. Qua kết quả so sánh, đối chiếu định kỳ, Trường xác định cụ thể số lượng, danh mục các trang thiết bị đào tạo cần bổ sung, thay thế để đề xuất đầu tư, mua sắm trong dự án đầu tư hàng năm.

*(**MC 5.8.01** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.02** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Cơ điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.03**- Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Quản trị mạng máy tính năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.04** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.05** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Cắt gọt kim loại năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.06** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Công nghệ ô tô năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.07**- Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Điện công nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.08** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Điện tử công nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.09** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.10** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.11** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.8.12** - Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề May thời trang năm 2019, năm 2020, năm 2021;*

MC 5.8.13 *– các Bản tổng hợp đánh giá danh mục thiết bị đào tạo từng nghề năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Bên cạnh đó, Phòng Kế toán Trường định kỳ thực hiện kiểm kê tài sản cố định, công cụ, dụng cụ hàng năm. Báo cáo kết quả kiểm kê và đề xuất thanh lý các tài sản thuộc diện đủ điều kiện thanh lý theo quy định.

*(**MC 5.8.14** – Sổ theo dõi tài sản cố định của trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Trang thiết bị của trường được bổ sung theo ngành và theo qui mô đào tạo, số lượng thiết bị đáp ứng đủ cho các ca thực hành từ 18 đến 25 học sinh với các nghề sửa chữa lắp đặt, đảm bảo mỗi học sinh thực hành trên một máy như các ngành điện tử, điện tử công nghiệp, công nghệ thông tin, kỹ thuật lạnh. Riêng đối với thiết bị có công nghệ hiện đại, việc nhân bản hay đầu tư mới rất nhiều kinh phí nên việc thực hành trên dây chuyền công nghệ được chia ra từng nhóm nhỏ, như hệ thống mô phỏng quá trình sản xuất MPS, máy phay CNC, máy tiện CNC, các hệ thống lạnh công nghiệp và điều hòa trung tâm Inverter, mô hình và xe ô tô…của khoa Cơ khí chính xác, trung tâm cơ điện tử, khoa Kỹ thuật lạnh, khoa Cơ khí động lực.

Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa, Bộ môn xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo, Thời khóa biểu phù hợp, trong đó thể hiện rõ việc bố trí phòng học, xưởng thực hành cho các lớp trong từng học kỳ. Số lượng, chủng loại thiết bị đáp ứng quy mô đào tạo với 18 học sinh/lớp học thực hành.

(*MC 2.5.19 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2019-2020;*
MC 2.5.20 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2019-2020;
MC 2.5.21 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.22 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2019-2020;
MC 2.5.23 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.24 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.5.25 – Sổ tay giáo viên của các môn học chung học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.26 – Sổ tay giáo viên của các môn học, mô đun chuyên ngành học kỳ II năm học 2020-2021;
MC 2.5.05 – Thời khóa biểu môn học chung năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 2.5.06 - Thời khóa biểu môn học, mô-đun chuyên ngành năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

* <u>Đối với trình độ sơ cấp</u>:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã được Sở Lao động – TBXH cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp năm 2016, Giấy chứng nhận bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2021 đối với 16 nghề trình độ sơ cấp.

(MC 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp số 19/GCNHĐ-SLĐTBXH ngày 19/7/2016 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp;

MC 1.2.07 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp. Hồ Chí Minh cấp)

Trường sử dụng chung các thiết bị đào tạo trên để giảng dạy các nghề trình độ sơ cấp, các khóa đào tạo thường xuyên ngoài giờ giảng dạy trình độ trung cấp đã bố trí. Riêng đối với nghề Đào tạo lái xe hạng B2, Trường có thêm danh mục thiết bị đào tạo theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

(MC 5.5.12 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Trung tâm đào tạo lái xe năm 2019, năm 2020, năm 2021;

***MC 5.8.15** – Bảng đối chiếu thiết bị đào tạo của Trường với thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Đào tạo lái xe ô tô năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, CBQL thiết bị đào tạo về mức độ đáp ứng của thiết bị đào tạo theo yêu cầu đào tạo của từng ngành, nghề. Kết quả đánh giá: Thiết bị đào tạo đủ đáp ứng theo yêu cầu đào tạo của từng ngành, nghề đào tạo các cấp trình độ.

*(**MC 5.8.16** – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát của người học, nhà giáo, CBQL thiết bị đào tạo về mức độ đáp ứng của thiết bị đào tạo theo yêu cầu đào tạo của từng ngành, nghề năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.9
Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo trong các xưởng thực hành tại từng Khoa, Bộ môn của Trường được bố trí hợp lý theo các nhóm mô đun trong chương trình đào tạo, bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành và đảm bảo các yêu cầu sư phạm. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại từng khoa, bộ môn đều có hồ sơ quản lý rõ ràng theo quy định.

(MC 5.5.03 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.04 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.05 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.06 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí chính xác năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);

MC 5.5.07 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí động lực năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.08 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.09 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.10 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.11 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
***MC 5.9.01** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Bảo trì cơ khí;*
***MC 5.9.02** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Công nghệ thông tin;*
***MC 5.9.03** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ điện tử;*
***MC 5.9.04** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí chính xác;*
***MC 5.9.05** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí động lực;*
***MC 5.9.06** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện;*
***MC 5.9.07** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện tử;*
***MC 5.9.08** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Kỹ thuật lạnh;*
***MC 5.9.09** - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo BM Kỹ thuật nữ công;*
***MC 5.9.10** – Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Bảo trì cơ khí;*
***MC 5.9.11** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Công nghệ thông tin;*
***MC 5.9.12** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ điện tử;*
***MC 5.9.13** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí chính xác;*
***MC 5.9.14** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí động lực;*
***MC 5.9.15** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện;*
***MC 5.9.16** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện tử;*
***MC 5.9.17** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Kỹ thuật lạnh;*
***MC 5.9.18** - Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo BM Kỹ thuật nữ công;*
***MC 5.9.19** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Bảo trì cơ khí;*
***MC 5.9.20** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Công nghệ thông tin;*
***MC 5.9.21** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ điện tử;*
***MC 5.9.22** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí chính xác;*
***MC 5.9.23** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí động lực;*
***MC 5.9.24** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện;*
***MC 5.9.25** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện tử;*
***MC 5.9.26** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Kỹ thuật lạnh;*
***MC 5.9.27** – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo BM Kỹ thuật nữ công)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Thủ tục kiểm soát thiết bị. Các Khoa, Bộ môn của Trường tổ chức thực hiện thường xuyên các kế hoạch bảo trì thiết bị.

Hàng năm, nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ về công tác kiểm soát thiết bị, đánh giá về an toàn vệ sinh công nghiệp, môi trường. Kết quả kiểm tra, đánh giá: thiết

bị được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng nhỏ; các thiết bị, dụng cụ thuộc danh mục thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm định an toàn và dán tem/chứng nhận an toàn định kỳ theo quy định.

(MC 1.11.28 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.29 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.30 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.31 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.32 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.33 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.34 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021;
MC 1.11.35 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021;
MC 1.11.36 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021;
***MC 5.9.28** – Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 5.9.29** – các Danh mục các thiết bị được kiểm định năm 2020, năm 2021)*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo. Kết quả: 100% ý kiến đồng ý về các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn; thuận tiện cho việc đi lại, vận hành.

*(**MC 5.9.30** – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo về việc bố trí thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 9 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.10
Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó, quy định những nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, khoa cũng như quy trình thực hiện để quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng phát huy tối đa hiệu quả sử dụng trang thiết bị, tài sản nhà trường.

(MC 1.3.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (kèm Quy chế) năm 2019 (trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo);
MC 1.7.07 – Thủ tục kiểm soát thiết bị trong Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2018)

Trong quá trình khai thác, sử dụng thiết bị phục vụ đào tạo; các khoa, bộ môn phân công giáo viên theo dõi và quản lý trang thiết bị tại các xưởng thực hành đúng qui định; đảm bảo các thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên, kịp thời để đáp ứng hoạt động đào tạo. Ngoài ra, các khoa, bộ môn còn kết hợp thực tập với sản xuất, tổ chức bảo trì, bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị theo yêu cầu của nhà trường hoặc quy định của nhà sản xuất. Qua đó, đề xuất biện pháp quản lý để nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 10 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.11
Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất.

(MC 5.5.03 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Bảo trì cơ khí năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.04 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.05 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.06 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí chính xác năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.07 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ khí động lực năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.08 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.09 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Điện tử năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.5.10 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Kỹ thuật lạnh năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);

MC 5.5.11 – các Danh mục thiết bị đào tạo của Bộ môn Kỹ thuật nữ công năm 2019, năm 2020, năm 2021 (yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo);
MC 5.9.01 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Bảo trì cơ khí;
MC 5.9.02 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Công nghệ thông tin;
MC 5.9.03 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ điện tử;
MC 5.9.04 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí chính xác;
MC 5.9.05 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí động lực;
MC 5.9.06 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện;
MC 5.9.07 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện tử;
MC 5.9.08 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Kỹ thuật lạnh;
MC 5.9.09 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo BM Kỹ thuật nữ công;
MC 5.9.19 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Bảo trì cơ khí;
MC 5.9.20 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Công nghệ thông tin;
MC 5.9.21 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ điện tử;
MC 5.9.22 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí chính xác;
MC 5.9.23 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Cơ khí động lực;
MC 5.9.24 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện;
MC 5.9.25 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Điện tử;
MC 5.9.26 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo khoa Kỹ thuật lạnh;
MC 5.9.27 – Hồ sơ lý lịch thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo BM Kỹ thuật nữ công)

Hàng năm, Trường thực hiện đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

(MC 1.11.28 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.29 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.30 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2019;
MC 1.11.31 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.32 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.33 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2020;
MC 1.11.34 - Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021;
MC 1.11.35 - Các biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021;
MC 1.11.36 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 11 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.12

Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo;

Tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích:

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo trình độ trung cấp cho từng khóa học; ban hành Quy định về quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư chuyên môn phục vụ đào tạo; ban hành Quy định bảo quản tài sản, trang thiết bị, vật tư thực hành tại các bộ phận.

*(**MC 5.12.01** – các Bản Định mức kinh tế kỹ thuật hệ trung cấp khóa 11, khóa 18K12, khóa 19K13, khóa 20K14;*

***MC 5.12.02** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định về bảo quản tài sản, trang thiết bị, vật tư thực hành tại Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm năm 2019;*

***MC 5.12.03** – Quy định của Trường TCN KTCN Hùng Vương Quy định về thực hiện quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư, linh kiện thiết bị, công cụ, dụng cụ, nguyên phụ liệu dùng cho công tác giảng dạy năm 2018)*

Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức thực hiện mua sắm vật tư thực hành đối với 100% ngành, nghề đang tổ chức đào tạo theo quy định, đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo mỗi năm học. Hồ sơ mua sắm vật tư phục vụ đào tạo hàng năm được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp đúng trình tự theo quy trình mua sắm đã ban hành gồm: Phiếu đề xuất; Tờ trình lựa chọn đơn vị cung ứng (kèm Báo giá của 03 đơn vị, Biên bản thương thảo hợp đồng với đơn vị được chọn); Quyết định chọn đơn vị cung cấp kèm bảng kê vật tư; Hợp đồng kinh tế; Hóa đơn bán hàng; Biên bản nghiệm thu; Biên bản thanh lý hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Ủy nhiệm chi chuyển khoản thanh toán tiền mua vật tư thực hành.

*(**MC 5.12.04** – các Bảng phân bổ chi phí vật tư thực hành năm học 2019-2020 (19K13 – năm I; 18K12 – năm II; 17K11 – năm III);*

***MC 5.12.05** – các Bảng phân bổ chi phí vật tư thực hành năm học 2020-2021 (20K14 – năm I; 19K13 – năm II; 18K12 – năm III);*

***MC 5.12.06** – Hồ sơ mua sắm vật tư thực hành các ngành, nghề trình độ trung cấp năm học 2019-2020;*

***MC 5.12.07** – Hồ sơ mua sắm vật tư thực hành các ngành, nghề trình độ trung cấp năm học 2020-2021;*

MC 5.12.08 *– các Báo cáo của Phòng Kế toán Trường TCN KTCN Hùng Vương về tình hình, kết quả thực hiện mua sắm, phân bổ vật tư thực hành năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Sau khi mua sắm theo quy trình, vật tư thực hành được lưu giữ tại Khoa, Bộ môn. Khoa, Bộ môn lập sổ sách theo dõi, quản lý cấp phát, sử dụng vật tư thực hành đầy đủ hàng năm.

*(**MC 5.12.09** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.10** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Cơ điện tử năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.11** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Quản trị mạng máy tính năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.12** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.13** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Cắt gọt kim loại năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.14** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.15** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Điện công nghiệp năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.16** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Điện tử công nghiệp năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.17** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.18** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.19** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 5.12.20** - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề May thời trang năm học 2019-2020, năm 2020-2021*
***MC 5.12.21** – các Báo cáo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về công tác cấp phát, sử dụng vật tư thực hành của các Khoa, Bộ môn)*

Vật tư thực hành được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp trong từng phòng học, xưởng thực hành tại mỗi Khoa, Bộ môn thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

*(**MC 5.12.22** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Bảo trì cơ khí;*
***MC 5.12.23** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Cơ điện tử;*
***MC 5.12.24** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Công nghệ thông tin;*
***MC 5.12.25** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Cơ khí chính xác;*
***MC 5.12.26** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Cơ khí động lực;*
***MC 5.12.27** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Điện;*
***MC 5.12.28** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Điện tử;*

***MC 5.12.29**– Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành khoa Kỹ thuật lạnh;*
***MC 5.12.30** – Hình ảnh khu vực bố trí vật tư thực hành BM Kỹ thuật nữ công)*

Sau khi kết thúc năm học, Trường thực hiện báo cáo đánh giá kết quả thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo. Kết quả đánh giá: Trường thực hiện đúng định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo đã ban hành.

*(**MC 5.12.31** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Đồng thời, Trường thực hiện thu thập ý kiến của nhà giáo, người học về công tác bảo quản, sử dụng vật tư thực hành hàng năm. Kết quả trên 90% ý kiến đồng ý về việc vật tư thực hành được cấp phát đầy đủ, kịp thời đáp ứng yêu cầu học tập.

*(**MC 5.12.32** – các Bản tổng hợp khảo sát ý kiến của nhà giáo, người học về cấp phát, bảo quản, sử dụng vật tư thực hành năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 12 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.13
Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã thành lập thư viện phục vụ nhu cầu của CBGVNV và học sinh, tổng diện tích thư viện là 460,2 m^2 trong đó gồm 01 phòng lưu trữ 43,24 m^2 (Phòng F2.4), 02 phòng đọc 140,41 m^2, 05 phòng đọc điện tử 276,55 m^2; bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế quy định. Đồng thời, Trường ban hành Nội quy thư viện, trong đó quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa thư viện và quyết định phân công nhân viên phụ trách thư viện.

*(**MC 5.13.01** – Nội quy thư viện Trường năm 2016; Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Nội quy thư viện năm 2021;*
***MC 5.13.02** – Bảng thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ của thư viện Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Thư viện Trường lưu trữ đầy đủ chương trình đào tạo các cấp trình độ, giáo trình đào tạo và tài liệu tham khảo các ngành, nghề đã được Trường phê duyệt.

(MC 3.6.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2017);
MC 3.6.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2017);
MC 3.6.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2017);
MC 3.6.04 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2017);

MC 3.6.05 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2017);
MC 3.6.06 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2017);
MC 3.6.07 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.08 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2017);
MC 3.6.09 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2017);
MC 3.6.10 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2017);
MC 3.6.11 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2017);
MC 3.6.12 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2018);
MC 3.6.13 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (năm 2019);
MC 3.6.14 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cơ điện tử (năm 2019);
MC 3.6.15 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Quản trị mạng máy tính (năm 2019);
MC 3.6.16 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính (năm 2019);
MC 3.6.17 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại (năm 2019);
MC 3.6.18 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ ô tô (năm 2019);
MC 3.6.19 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.20 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Điện tử công nghiệp (năm 2019);
MC 3.6.21 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (năm 2019);
MC 3.6.22 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (năm 2019);
MC 3.6.23 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (năm 2019);
MC 3.6.24 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề May thời trang (năm 2019;
MC 4.1.01 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (năm 2018);

MC 4.1.02 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp (năm 2018);
MC 4.1.03 – Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chế tạo khuôn mẫu (năm 2018);
MC 3.6.25 - các Chương trình đào tạo ngành, nghề trình độ sơ cấp năm 2019, năm 2020)
MC 4.11.06 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về lựa chọn và đưa vào sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2017;
MC 4.11.17 – các Quyết định ban hành và đưa vào áp dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp năm 2018);
MC 4.11.28 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành và đưa vào áp dụng giáo trình, chương trình môn học của nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí trình độ trung cấp theo định hướng thân thiện với môi trường năm 2019;
MC 4.11.38 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về lựa chọn và đưa vào sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô đun, môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2021)

100% mô đun, môn học của các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp có giáo trình, tài liệu giảng dạy. Giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo được sử dụng chung cho các cấp trình độ. Mỗi loại giáo trình đào tạo đảm bảo tối thiểu 05 bản in và tài liệu tham khảo các loại được bố trí, sắp xếp trong các tủ kính.

(MC 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ trung cấp;
MC 4.10.02 - Danh sách thống kê giáo trình, tài liệu giảng dạy (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành) từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo từng ngành, nghề trình độ sơ cấp)

Trường có đầy đủ bản in hoặc file mềm giáo trình của các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo các cấp trình độ. Các loại sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, những tài liệu nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, kỹ năng mềm, kỹ năng hoạt động thanh niên đáp ứng được yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của giáo viên, học sinh, sinh viên nhà trường.

(MC 4.10.03 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí và nghề Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp;
MC 4.10.04 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cơ điện tử và nghề Tự động hóa công nghiệp;
MC 4.10.05 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại và nghề Chế tạo khuôn mẫu;
MC 4.10.06 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;

MC 4.10.07 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp;
MC 4.10.08- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính;
MC 4.10.09- Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
MC 4.10.10 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính;
MC 4.10.11 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính;
MC 4.10.12 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề May thời trang;
MC 4.10.13 - Bản in/file mềm các giáo trình, tài liệu giảng dạy các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp;
***MC 5.13.03** – các Danh mục thống kê số lượng giáo trình, tài liệu tại thư viện năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.14
Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện với nhiều nội dung, hình thức phục vụ phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, giáo viên và người học. Thời gian hoạt động, hình thức phục vụ được quy định cụ thể trong Nội quy thư viện Trường.

*(**MC 5.14.01** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về hoạt động thư viện năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 5.14.02** – các Kế hoạch của Thư viện Trường TCN KTCN Hùng Vương về quyên góp sách năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 5.13.01 – Nội quy thư viện Trường năm 2016; Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành Nội quy thư viện năm 2021;

Ngoài hình thức phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu bản in tại phòng đọc, Thư viện trường còn bố trí phòng đọc điện tử nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu một số giáo trình, tài liệu file mềm trên máy tính.

*(**MC 5.14.03** – Lịch phục vụ phòng đọc, phòng đọc điện tử của Thư viện Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

***MC 5.14.04** - Bảng thống kê nhu cầu tra cứu tài liệu tại phòng đọc của cán bộ quản lý, giáo viên, người học năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 5.14.05** - Bảng thống kê tình hình sử dụng phòng đọc điện tử của người học năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 5.14.06** – Sổ mượn tài liệu tại phòng đọc của thư viện; Sổ sử dụng phòng đọc điện tử của thư viện)*

Đồng thời, Trường đã đưa thư viện điện tử và hệ thống wifi vào hoạt động nhằm tăng cường thêm kênh tra cứu thông tin, tài liệu bản in hiện có trong thư viện trường cũng như truy cập và tra cứu trực tiếp các file mềm tài liệu trên thiết bị di động. Thư viện điện tử đã được liên kết với website của trường tạo điều kiện người dùng dễ dàng truy cập.

(MC 2.17.25 – Hình ảnh Thư viện điện tử của Trường)

Trường thực hiện đánh giá kết quả hoạt động thư viện Trường định kỳ hàng năm, trong đó các hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

*(**MC 5.14.07** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động thư viện năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về nhu cầu tra cứu, các hình thức tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường.

*(**MC 5.14.08** - Bản tổng hợp ý kiến khảo sát gười học, nhà giáo và cán bộ quản lý về nhu cầu tra cứu, các hình thức tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 14 Tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.15
Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích:

Nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học, Trường đã đưa thư viện điện tử và hệ thống wifi vào hoạt động song song với hình thức phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu bản in tại phòng đọc và tra cứu giáo trình, tài liệu tham khảo file mềm trên máy tính tại phòng đọc điện tử.

Các công tác quản lý bạn đọc, quản lý tài liệu phục vụ khai thác thông tin đã được thực hiện thống nhất trên phần mềm Quản lý thư viện TCSOFT.LIB 4.0. Phòng đọc điện tử của thư viện có hệ thống máy tính nối mạng internet gồm 01 máy chủ và 37 máy trạm. Đồng thời, toàn bộ cơ sở dữ liệu đã được đưa lên mạng internet, liên kết với website của trường tạo điều kiện cho người dùng dễ dàng truy cập tại chỗ và từ xa.

(MC 2.17.25 – Hình ảnh Thư viện điện tử của Trường;

*(**MC 5.15.01** - Danh mục thiết bị, máy tính của Thư viện năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 5.15.02** – Danh mục tài liệu điện tử tại phòng đọc điện tử năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhằm phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo các cấp trình độ, các giáo trình đào tạo, tài liệu tham khảo mà giáo viên yêu cầu người học bắt buộc phải nghiên cứu được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử. Đến nay, giáo trình đào tạo, tài liệu tham khảo được đưa lên thư viện điện tử đạt tỉ lệ đạt 100%.

*(**MC 5.15.03** - Danh mục giáo trình các ngành, nghề đào tạo của Trường được số hóa năm học 2019-2020; năm học 2020-2021 (100% giáo trình đào tạo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử);*
***MC 5.15.04** - Danh mục tài liệu tham khảo các ngành, nghề đào tạo của Trường được số hóa năm học 2019-2020; năm học 2020-2021 (100% tài liệu tham khảo mà giáo viên yêu cầu người học bắt buộc phải nghiên cứu được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử)*

Bên cạnh đó, Thư viện trường đã kết nối với thư viện của một số trường trung cấp, cao đẳng, đại học trong và ngoài Thành phố để khai thác, cập nhật trao đổi thông tin, tài liệu làm phong phú thêm nguồn tài nguyên cho thư viện điện tử.

*(**MC 5.15.05** - Các Biên bản ghi nhớ, hợp đồng giữa Trường TCN KTCN Hùng Vương với các trường/đơn vị khác về trao đổi thông tin, giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2019, năm 2020)*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo về mức độ đáp ứng của thư viện trong việc phục vụ nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin.

*(**MC 5.15.06** – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát người học, nhà giáo về về mức độ đáp ứng của thư viện trong việc phục vụ nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 15 Tiêu chí 5: 01 điểm.

3.2.6 Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 6:

Mở đầu: Trường TCN KTCN Hùng Vương có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, có những sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng đào tạo. Các nghiên cứu, sáng kiến cải tiến luôn yêu cầu tính ứng dụng thực tiễn. Đồng thời, Trường cũng khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nghiên cứu, có bài báo, ấn phẩm đăng trên các báo, tạp chí khoa học.

** Những điểm mạnh:*

- Trường có chính sách hỗ trợ, khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo trong các kế hoạch thi đua – khen thưởng, kế hoạch về sáng tạo khoa học kỹ thuật hàng năm, hội thi thiết bị định kỳ.
- Hàng năm, Trường có đề tài, sáng kiến cải tiến cấp trường được ứng dụng thực tiễn, phục vụ thiết thực các hoạt động, nhất là hoạt động đào tạo của trường.

** Những tồn tại:*

- Nhà trường chưa có nhiều bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tuyên truyền, khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và có bài báo, ấn phẩm trên các báo, tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế.
- Lập kế hoạch tăng cường triển khai công tác liên kết đào tạo hoặc các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	**04/05**
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	00 điểm
Tiêu chuẩn 4	01 điểm
Tiêu chuẩn 5	01 điểm

Tiêu chuẩn 6.1

Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích:

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có chính sách khen thưởng nhằm khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia nghiên cứu, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

(MC 1.3.17 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Định kỳ hàng năm, Trường xây dựng, triển khai kế hoạch thi đua; nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên đăng ký danh hiệu thi đua với đề tài, sáng kiến cải tiến có tính thực tiễn ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của Trường.

(MC 3.2.26 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;
MC 3.2.27 – Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về triển khai kế hoạch, biểu mẫu, quy trình đăng ký và xét thi đua năm học 2019-2020; Email ngày 14/10/2019 của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về triển khai Kế hoạch đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;
MC 3.2.28 – Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;
MC 3.2.29 – Email ngày 14/8/2020 của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về xét thi đua – khen thưởng năm học 2019-2020;
MC 3.2.30 – Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2019-2020);
MC 3.2.31 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2019-2020 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2019-2020;
MC 3.2.32 – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2020-2021;
MC 3.2.33 – Email ngày 15/9/2020 của của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về triển khai Kế hoạch đăng ký và xét thi đua – khen thưởng năm học 2020-2021;
MC 3.2.34 - Danh sách CBGVNV đăng ký xếp loại, danh hiệu thi đua năm học 2020-2021;
MC 3.2.35 - Biên bản họp của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2020-2021);
MC 3.2.36 – Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2020-2021 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021;
***MC 6.1.01** – các Danh sách đề tài, sáng kiến cải tiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2019-2020; năm học 2020-2021)*

Các đề tài, sáng kiến cải tiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên được Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu, công nhận và đưa vào ứng dụng.

***(MC 6.1.02** - Hồ sơ xét duyệt, thuyết minh các đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;*
***MC 6.1.03** – Biên bản nghiệm thu các đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;*
***MC 6.1.04** – các Quyết định công nhận và ứng dụng đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021)*

Năm 2020, Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức Hội thi Khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm Ngày Thành lập Trường.

*(**MC 6.1.05** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về Tổ chức Hội thi Khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường;*
***MC 6.1.06** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án Hội thi;*
***MC 6.1.07** – các Biên bản của Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án Hội thi về xét duyệt đề cương dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm theo Đề cương thuyết minh các Dự án);*
***MC 6.1.08** – các Tờ trình của Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án Hội thi về đề nghị phê duyệt các dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường;*
***MC 6.1.09** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phê duyệt Dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm danh muc dự án được phê duyệt);*
***MC 6.1.10** – Biên bản họp của Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án Hội thi nghiệm thu dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm phiếu đánh giá nghiệm thu);*
***MC 6.1.11** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc công nhận kết quả và khen thưởng các Dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm danh sách nhận giải thưởng Hội thi))*

Bên cạnh đó, Trường còn tạo điều kiện cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập, nâng cao chuyên môn.

*(**MC 6.1.12** – Danh sách giáo viên, nhân viên học thạc sĩ năm 2020, năm 2021;*
***MC 6.1.13** – Luận văn thạc sĩ "Nghiên cứu phương pháp chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ đốt trong" của thầy Võ Hồng Tình – giáo viên khoa Cơ khí động lực;*

***MC 6.1.14** - Luận văn thạc sĩ " Phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông đường bộ cho học sinh các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 5 Tp. Hồ Chí Minh " của cô Tống Trần Thanh Phương – nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)*

Định kỳ hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên. Kết quả 100% ý kiến đồng ý về các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

*(**MC 6.1.15** – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên về các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 6: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 6.2
Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Mô tả, phân tích:

Hàng năm, CBGVNV Trường có đề tài, sáng kiến cải tiến có tính thực tiễn ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của Trường.

(MC 6.1.01 – các Danh sách đề tài, sáng kiến cải tiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 6.1.02 - Hồ sơ xét duyệt, thuyết minh các đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 6.1.03 – Biên bản nghiệm thu các đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 6.1.04 – các Quyết định công nhận và ứng dụng đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021)

Năm 2020, Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức Hội thi Khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm Ngày Thành lập Trường với 04 đề tài có tính ứng dụng thiết thực như Máy rửa tay sát khuẩn tự động, Robot bảo vệ môi trường, Thiết kế y phục từ chất tái chế, Bảng LED quang báo.

(MC 6.1.07 – các Biên bản của Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án Hội thi về xét duyệt đề cương dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm theo Đề cương thuyết minh các Dự án);

MC 6.1.08 – các Tờ trình của Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án Hội thi về đề nghị phê duyệt các dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường;
MC 6.1.09 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phê duyệt Dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm danh muc dự án được phê duyệt);
MC 6.1.10 – Biên bản họp của Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án Hội thi nghiệm thu dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm phiếu đánh giá nghiệm thu);
MC 6.1.11 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc công nhận kết quả và khen thưởng các Dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm danh sách nhận giải thưởng Hội thi))

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 6: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 6.3
Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích

Trường TCN KTCN Hùng Vương cũng quan tâm, tạo điều kiện cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập, nâng cao chuyên môn. Tuy nhiên, Trường chưa có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

(MC 6.1.12 – Danh sách giáo viên, nhân viên học thạc sĩ năm 2020, năm 2021;
MC 6.1.13 – Luận văn thạc sĩ "Nghiên cứu phương pháp chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ đốt trong" của thầy Võ Hồng Tình – giáo viên khoa Cơ khí động lực;
MC 6.1.14 - Luận văn thạc sĩ " Phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông đường bộ cho học sinh các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 5 Tp. Hồ Chí Minh " của cô Tống Trần Thanh Phương – nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)

Nhận định: Theo quy định, các minh chứng trên chưa đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn nên Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 6 chưa đạt.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 6: 00 điểm.

Tiêu chuẩn 6.4
Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích:

Hàng năm, các đề tài, sáng kiến cải tiến của Trường được nghiệm thu theo quy định. Sau đó, Trường ban hành quyết định công nhận và ứng dụng đối với 100% đề tài, sáng kiến cải tiến vào công tác đào tạo của Trường.

(MC 6.1.01 – các Danh sách đề tài, sáng kiến cải tiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 6.1.02 - Hồ sơ xét duyệt, thuyết minh các đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 6.1.03 – Biên bản nghiệm thu các đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 6.1.04 – các Quyết định công nhận và ứng dụng đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020; năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 Tiêu chí 6: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 6.5
Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích:

Từ năm 2019 đến nay, Trường TCN KTCN Hùng Vương hợp tác đào tạo với các trường học, doanh nghiệp về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, xuất khẩu lao động, hợp tác đào tạo liên thông.

(MC 6.5.01 - Biên bản ghi nhớ ngày 22/02/2019 giữa Công ty TNHH Nhật Huy Khang và Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về hợp tác đào tạo và giới thiệu học viên có nhu cầu đi làm việc nước ngoài;
MC 6.5.02 - Biên bản ghi nhớ ngày 07/5/2020 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ xuất khẩu lao động Fimexco và Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về hợp tác đào tạo;
MC 6.5.03 - Biên bản ghi nhớ ngày 03/12/2020 giữa Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương và Trường Cao đẳng Bách Khoa Sài Gòn về hợp tác đào tạo;
MC 6.5.04 - Biên bản ghi nhớ ngày 04/12/2020 giữa Công ty TNHH Aichi Việt Nam và Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về hợp tác đào tạo;
MC 6.5.05 - Biên bản ghi nhớ ngày 01/4/2021 giữa Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương và ông Trịnh Văn Tường về hợp tác liên kết dịch vụ photo và in ấn tại phòng A07;
MC 6.5.06 - Biên bản ghi nhớ ngày 14/4/2021 giữa Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương và Công ty Cổ phần Dệt Đông Quang về hợp tác đào tạo)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 6: 01 điểm.

3.2.7 Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Trường TCN KTCN Hùng Vương luôn chú trọng vào công tác đầu tư trang thiết bị đào tạo nghề theo 03 cấp độ hiện hành, từ năm 2011 từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, Nhà trường đã đầu tư bổ sung nhiều trang thiết bị mới, hiện đại của các nước trong khu vực và thế giới, bên cạnh nguồn kinh phí đầu tư hàng năm hơn một tỷ đồng. Nhằm nghiên cứu mở các lớp chuyên đề kỹ thuật cao, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đón đầu công nghệ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đa dạng của thị trường lao động.

Thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ v/v Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, nhà trường luôn đảm bảo các nguồn thu hợp pháp từ đào tạo, nguồn thu khác đáp ứng được nhu cầu kinh phí hoạt động chung cho hoạt động sự nghiệp của trường.

Nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch nhằm tạo nguồn vốn và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của trường phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, thực hiện công khai minh bạch, kinh phí phân bổ cho các hoạt động của nhà trường, đảm bảo công khai, hợp lý và sử dụng hiệu quả cao.

** Những điểm mạnh:*

- Trường đã ban hành và công bố công khai các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định.
- Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo đúng quy định; Trường thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán định kỳ 01 lần/năm, trong đó công tác quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo được đánh giá thực hiện đúng theo quy định.
- Nhà trường có đủ nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ; có kế hoạch thực hiện việc huy động, phát triển các nguồn lực tài chính, các hoạt động tạo nguồn thu hợp pháp.

** Những tồn tại:* không

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Không.

<u>Điểm đánh giá Tiêu chí 7:</u>

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	06/06
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	01 điểm
Tiêu chuẩn 4	01 điểm
Tiêu chuẩn 5	01 điểm
Tiêu chuẩn 6	01 điểm

Tiêu chuẩn 7.1
Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ v/v Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, ban hành các quy chế quản lý tài chính theo quy định.

(MC 1.3.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (kèm Quy chế) năm 2019;
MC 1.3.20 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường năm 2019;
MC 5.12.03 – Quy định của Trường TCN KTCN Hùng Vương Quy định về thực hiện quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư, linh kiện thiết bị, công cụ, dụng cụ, nguyên phụ liệu dùng cho công tác giảng dạy năm 2018)

Đồng thời, Trường đã xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ quy định về chế độ, tiêu chuẩn và định mức chi tiêu, áp dụng thống nhất trong toàn Trường. Định kỳ hàng năm, thực hiện lấy ý kiến góp ý nhằm sửa đổi, cập nhật cho phù hợp.

(MC 1.3.17 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Bên cạnh đó, Trường còn ban hành các quy trình làm việc chuyên môn của phòng Kế toán như:
- Quy trình mua sắm trang thiết bị;
- Quy trình thanh lý tài sản công;
- Quy trình thu học phí;
- Quy trình chuyển lương;
- Quy trình mua sắm tài sản, vật tư chuyên môn;
- Quy trình chuyển lương cho giáo viên thỉnh giảng;
- Quy trình thu học phí hộ cho các đơn vị liên kết;
- Quy trình quyết toán thu phí theo phiếu thu chi cục thuế;
- Quy trình phát học bổng học sinh;
- Quy trình đối chiếu tiền gửi TK với Kho bạc Nhà nước.

(MC 1.7.07 – Quy trình mua sắm trang thiết bị trong Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2018;
MC 1.7.11 – Quy trình thanh lý tài sản công trong Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2019;

***MC 7.1.01** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành các Quy trình làm việc chuyên môn của phòng Kế toán năm 2019)*

Trường thực hiện công khai các quy chế, quy trình về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính đã ban hành qua các hình thức: tại Hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm; ban hành thông báo công khai; công khai qua hệ thống email Trường, trong các cuộc họp giao ban của Ban Giám hiệu, lãnh đạo phòng, khoa, trung tâm, bộ môn.

*(**MC 7.1.02** – Danh mục các nội dung về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính của Trường đã được công khai;*
***MC 7.1.03** – các Biên bản Hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm 2018, năm 2019, năm 2020;*
***MC 7.1.04** – các Thông báo của Phòng Kế toán về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, Quy chế quản lý tài chính của Trường năm 2019;*
***MC 7.1.05** - Thông báo của Phòng Kế toán về ban hành Quy định thực hiện quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư, linh kiện thiết bị, công cụ, dụng cụ, nguyên phụ liệu dùng cho công tác giảng dạy tại Trường; các quy trình làm việc chuyên môn của Phòng Kế toán năm 2019)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7.
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 7.2
Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương có các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo như: bãi giữ xe, căn tin, hợp tác đào tạo với đơn vị bên ngoài.

*(**MC 7.2.01** – các Danh mục các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Trường tổ chức quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định. Nhà trường thực hiện đúng quy định về mức thu và điều chỉnh mức thu phù hợp với từng giai đoạn và thực tiễn. Trường thực hiện công tác kế toán, thu thập chứng từ và mở hệ thống sổ sách theo dõi theo đúng quy định của Nhà nước.

*(**MC 7.2.02** - Bản tổng hợp về các nguồn kinh phí của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020;*
***MC 7.2.03** - Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 7.2.04** – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tình hình tài chính năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*

***MC 7.2.05** – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động tài chính năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
***MC 7.2.06** – Báo cáo quyết toán của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020)*

Trường thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán định kỳ 01 lần/năm, trong đó công tác quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo được đánh giá thực hiện đúng theo quy định.

*(**MC 7.2.07** – các Biên bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán của năm 2019, năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7.
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 7.3
Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của Trường.

Căn cứ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, Trường TCN KTCN Hùng Vương được Ủy ban nhân dân Quận 5 giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021. Trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng và triển khai Phương án thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2019-2021.

*(**MC 7.3.01** – Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021 Đơn vị: Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương Quận 5;*
***MC 7.3.02** – Phương án của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về thực hiện cơ chế tư chủ của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2019-2021)*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng dự toán và được Ủy ban nhân dân Quận 5 giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; Trường thực hiện thông báo công khai chỉ tiêu dự toán đầy đủ, kịp thời theo quy định.

*(**MC 7.3.03** – các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 7.3.04** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công khai chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năn 2019, năm 2020, năm 2021);*

Căn cứ chỉ tiêu tài chính được giao và theo các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính đã ban hành, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện quản lý, sử dụng các nguồn thu đúng quy định. Trường có các nguồn thu từ: ngân sách Nhà nước; học phí, lệ phí các cấp trình độ; hợp tác đào tạo với đơn vị bên ngoài; dịch vụ đào tạo như bãi giữ xe, căn tin; thu khác. Các nguồn lực về tài chính của trường bao gồm:
- Nguồn ngân sách Nhà nước.
- Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ (thu học phí, lệ phí; thu SXKD, cung ứng dịch vụ, thu khác: hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo khác/doanh nghiệp, giữ xe, căn tin).

(MC 7.2.02 - Bản tổng hợp về các nguồn kinh phí của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020;
MC 7.2.03 - Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 7.2.04 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tình hình tài chính năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 7.2.05 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động tài chính năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 7.2.06 – Báo cáo quyết toán của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020)

Trường thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán định kỳ 01 lần/năm, trong đó công tác quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo được đánh giá thực hiện đúng theo quy định. Bên cạnh đó, các báo cáo tổng kết hoạt động của Phòng kế toán Trường hàng năm cũng cho thấy các nguồn thu tài chính đảm bảo đủ kinh phí chi phục vụ các hoạt động của Trường.

(MC 7.2.07 – các Biên bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán của năm 2019, năm 2020;
MC 1.5.05 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Kế toán)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 7: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 7.4
Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ các quy chế, quy trình về tài chính đã ban hành, Trường TCN KTCN Hùng Vương giao nhiệm vụ từng đơn vị phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trong việc thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn tài chính.

(MC 1.3.17 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 1.3.18 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương v/v ban hành

Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (kèm Quy chế) năm 2019;
MC 1.3.20 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường năm 2019;
MC 5.12.03 – Quy định của Trường TCN KTCN Hùng Vương Quy định về thực hiện quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư, linh kiện thiết bị, công cụ, dụng cụ, nguyên phụ liệu dùng cho công tác giảng dạy năm 2018;
MC 1.7.07 – Quy trình mua sắm trang thiết bị trong Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2018;
MC 1.7.11 – Quy trình thanh lý tài sản công trong Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt và được đưa vào vận hành năm 2019;
MC 7.1.01 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành các Quy trình làm việc chuyên môn của phòng Kế toán năm 2019)

Các đơn vị phòng, khoa, trung tâm, bộ môn thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn tài chính hàng năm đúng quy định được thể hiện qua hồ sơ, sổ sách quản lý, báo cáo quyết toán, biên bản tự kiểm tra công tác tài chính, biên bản xét duyệt quyết toán.

(MC 7.2.03 - Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
***MC 7.4.01** - Hồ sơ, sổ sách sử dụng, thanh quyết toán của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
MC 7.2.06 – Báo cáo quyết toán của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020;
MC 7.2.07 – các Biên bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán của năm 2019, năm 2020;
MC 1.5.05 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Kế toán;
***MC 7.4.02** - Biên bản xét duyệt quyết toán giữa Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 5 và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7.
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 7.5
Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 về việc ban hành "Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí NSNN,

Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán đối với Trường định kỳ hàng năm.

*(**MC 7.5.01** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự kiểm tra tài chính kế toán đối với Trường và các đơn vị năm 2019, năm 2020;*

MC 7.2.07 – các Biên bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán của năm 2019, năm 2020;

***MC 7.5.02** – các Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính kế toán của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020;*

***MC 7.5.03** – các Báo cáo thực hiện công tác kiểm toán của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020)*

Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 5 thực hiện kiểm tra tình hình tài chính, xét duyệt báo cáo quyết toán của Trường TCN KTCN Hùng Vương định kỳ hàng năm.

(MC 7.4.02 - Biên bản xét duyệt quyết toán giữa Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 5 và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019, năm 2020;

***MC 7.5.04** – các Biên bản kiểm tra tình hình tài chính Trường TCN KTCN Hùng Vương của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 5 năm 2019, năm 2020)*

Trường thực hiện công khai các quy định, báo cáo về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính đã ban hành qua một trong các hình thức: tại Hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm; ban hành thông báo công khai; công khai qua hệ thống email Trường, trong các cuộc họp giao ban của Ban Giám hiệu, lãnh đạo phòng, khoa, trung tâm, bộ môn.

(MC 7.1.02 – Danh mục các nội dung về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính của Trường đã được công khai;

MC 7.1.03 – các Biên bản Hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm 2018, năm 2019, năm 2020;

MC 7.3.04 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công khai chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năn 2019, năm 2020, năm 2021;

MC 3.2.49 – các Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân về tổng kết hoạt động năm 2019, năm 2020;

***MC 7.5.05** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2019, năm 2020;*

***MC 7.5.06** – các Thông báo của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 5 về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019, năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 7: 01 điểm..

Tiêu chuẩn 7.6

Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích:

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương có báo cáo hiệu quả sử dụng nguồn tài chính trong Hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên và trong Báo cáo tổng kết năm học.

(MC 7.2.04 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tình hình tài chính năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 7.2.05 – Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động tài chính năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Đồng thời, Trường thực hiện đánh giá hàng năm về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng trong năm tiếp theo.

*(MC **7.6.01** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá hiệu quả sử dụng và biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính năm 2019, năm 2020)*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến cán bộ quản lý về đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường, các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

*(**MC 7.6.02** – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát cán bộ quản lý về đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường năm 2019, năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 01 điểm.

3.2.8 Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Với phương châm "***Lấy người học làm trung tâm***", ngoài chất lượng giảng dạy, Trường TCN KTCN Hùng Vương luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về nghề đào tạo, khoá đào tạo, các dịch vụ khác như ăn, ở, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí và các Quy định khác của trường ngay từ khi nhập học.

Đặc biệt trường chú trọng đến công tác giới thiệu việc làm cho học sinh ra trường. Trong những năm qua, nhà trường đã đào tạo được nhiều lao động kỹ thuật có tay nghề đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên 85% học sinh sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm phù hợp với nghề.

** Những điểm mạnh:*

- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học trong các buổi sinh hoạt đầu mỗi khóa học.
- Người học được hưởng các chế độ, chính sách: miễn, giảm học phí; học bổng khuyến khích học tập; hỗ trợ hồ sơ về tín dụng giáo dục; được bảo lưu kết quả học tập theo quy định.
- Trường ban hành chính sách khen thưởng, xét, cấp học bổng khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; đồng thời, quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong hỗ trợ người học đối với các phòng, ban trực thuộc.
- Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân để thể hiện cụ thể trong công tác tư vấn, tuyển sinh và xét hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.
- Trường hợp đồng với cá nhân, đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học thường xuyên, định kỳ; bên cạnh đó, còn bố trí căn tin phục vụ ăn uống đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.
- Học sinh của Trường được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.
- Trường bố trí bộ phận chuyên trách thực hiện công tư vấn việc làm định kỳ, thường xuyên cho học sinh của Trường có nhu cầu.

** Những tồn* tại*:*

- Trường chưa có ký túc xá cho người học.
- Do tình hình dịch bệnh kéo dài nên trường chưa tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm trực tiếp để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt các Dự án nâng cấp trường, nhà trường sẽ nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng ký túc xá và khu liên hiệp thể thao đáp ứng nhu cầu học sinh các tỉnh theo học tại trường.

- Tăng cường công tác tổ chức hội chợ việc làm hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	**8/9 điểm**
Tiêu chuẩn 1	01 điểm
Tiêu chuẩn 2	01 điểm
Tiêu chuẩn 3	01 điểm
Tiêu chuẩn 4	01 điểm
Tiêu chuẩn 5	00 điểm
Tiêu chuẩn 6	01 điểm
Tiêu chuẩn 7	01 điểm
Tiêu chuẩn 8	01 điểm
Tiêu chuẩn 9	01 điểm

Tiêu chuẩn 8.1
Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Người học là nhân tố quan trọng trong hoạt động đào tạo. Vì vậy, mọi hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức, triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đạt được những kết quả tốt.

Nhà trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cho người học về mục tiêu, thời gian chương trình đào tạo, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, cơ hội học tập nâng cao trình độ; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; nội quy, khen thưởng - kỷ luật học sinh; thông tin về quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học khi thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh; tổ chức sinh hoạt đầu khóa. Trong tuần sinh hoạt đầu khóa, Trường cũng sắp xếp các khoa/bộ môn tổ chức giới thiệu về ngành nghề đào tạo, hướng dẫn học sinh tham quan phòng học lý thuyết, xưởng thực hành tại đơn vị.

Ngoài ra, học sinh còn được trang bị kỹ năng mềm và các kiến thức như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; quy định về phòng, chống tệ nạn xã hội; tuyên truyền về bệnh truyền nhiễm và biện pháp phòng tránh; kiến thức pháp luật an toàn giao thông, quốc phòng toàn dân, phòng cháy chữa cháy; kiến thức y tế học đường … để các em xác định rõ định hướng học tập trong tương lai.

Đồng thời, các thông tin trên cũng được cập nhật liên tục trên website của Trường và thường xuyên được nhắc lại trong các giờ sinh hoạt chủ nhiệm hàng tuần trong quá trình học tập.

(MC 2.3.10 – Các thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh hệ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022;
***MC 8.1.01** – Tờ rơi tuyển sinh các cấp trình độ của Trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022;*
***MC 8.1.02** – các Kế hoạch của Phòng CTHSSV Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức sinh hoạt đầu khóa cho học sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 8.1.03** - Tài liệu sinh hoạt đầu khóa năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022)*
MC 1.4.01 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành quy định công tác học sinh, sinh viên trong Trường năm 2017;
MC 1.4.07 – Quyết định về việc hiệu chỉnh Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2019;
MC 1.4.10 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020;
MC 1.3.19 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020;
***MC 8.1.04** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành khung xử lý kỷ luật học sinh của Trường năm 2019;*
***MC 8.1.05** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh hệ trung cấp năm 2019;*
***MC 8.1.06** - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường năm 2021)*

Đối với học viên các ngành, nghề trình độ sơ cấp: Bộ phận tư vấn tuyển sinh cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo và các quy định, chế độ khác trong buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại Trường.

(MC 2.3.11 – các Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về chiêu sinh hệ sơ cấp, đào tạo thường xuyên năm 2019, năm 2020, năm 2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1 Tiêu chí 8: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 8.2
Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ quy định tại Điều 62, 64 của Luật Giáo dục nghề nghiệp, học sinh học tại Trường TCN KTCN Hùng Vương được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên như: miễn, giảm học phí; chính sách học bổng, tín dụng giáo dục; miễn, giảm phí dịch vụ công cộng; bảo lưu kết quả học tập và các chính sách khác theo quy định.

*(**MC 8.2.01** – các Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022;*

***MC 8.2.02** – các Tờ trình/Thông báo/Quyết định về mức thu phí, lệ phí năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

*** <u>Về chính sách miễn, giảm học phí</u>:** miễn 100% học phí đối với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp; giảm 70% học phí khi theo học nghề Cắt gọt kim loại; giảm học phí học nghề, học văn hóa cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

*(**MC 8.2.03** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phê duyệt danh sách học sinh hệ trung cấp được miễn, giảm học phí năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;*

***MC 8.2.04** - các Danh sách học sinh hệ trung cấp được miễn, giảm học phí năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

*** <u>Về chính sách học bổng khuyến khích</u>**:

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc học bổng khuyến khích học nghề, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã thực hiện xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề cho học sinh hệ trung cấp theo quy định.

*(**MC 8.2.05** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc cấp học bổng năm học 2018-2019;*

***MC 8.2.06** – các Danh sách học sinh nhận tiền học bổng năm học 2018-2019)*

Thực hiện Thông tư 09/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/5/2019 của Bộ LĐ-TBXH, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành quyết định bãi bỏ quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh học nghề trình độ trung cấp. Do đó, Trường không tổ chức xét, cấp học bổng đối với học sinh trong năm học 2019-2020.

*(**MC 8.2.07** – Quyết định năm 2020 của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về bãi bỏ Quyết định số 141/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 12/8/2019 về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh hệ trung cấp)*

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, ban hành quy định mới và triển khai thực hiện xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường học kỳ I năm học 2020-2021. Học sinh nhận học bổng qua hình thức chuyển khoản.

*(**MC 8.2.08** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh học kỳ I năm học 2020-2021;*

***MC 8.2.09** - Danh sách học sinh nhận tiền học bổng học kỳ I năm học 2020-2021)*

* **<u>Về chính sách tín dụng giáo dục</u>**:

Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Thủ tục cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận cho học sinh, học viên các cấp trình độ, trong đó Trường cấp "Giấy xác nhận học sinh" miễn phí để học sinh có nhu cầu thực hiện vay vốn bổ túc hồ sơ theo quy định.

*(**MC 8.2.10** – các Sổ cấp giấy xác nhận học sinh năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*

* **<u>Về chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng</u>**: Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện cấp thẻ học sinh cho 100% học sinh nhập học đầu năm, cấp lại cho học sinh bị mất, hư thẻ để đảm bảo học sinh có thể sử dụng thẻ trong chính sách miễn, giảm phí đi xe bus và các dịch vụ công cộng khác (nếu có).

* **<u>Chính sách bảo lưu kết quả học tập</u>**: Năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Thủ tục Tạm dừng và bảo lưu kết quả học tập đối với học sinh hệ trung cấp. Cụ thể đối với các đối tượng học sinh:

- Được điều động thực hiện nhiệm vụ an ninh – quốc phòng;
- Do bệnh hoặc tai nạn buộc phải điều trị lâu dài hoặc một số lý do chính đáng khác khác.

*(**MC 8.2.11** - Danh sách học sinh hệ trung cấp được bảo lưu kết quả học tập năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*
MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 8: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 8.3
Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các quy định về chính sách khen thưởng, xét, cấp học bổng khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện.
(MC 1.3.17 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 1.4.01 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành quy định công tác học sinh, sinh viên trong Trường năm 2017;

MC 1.3.19 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020;
MC 8.1.05 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh hệ trung cấp năm 2019;
MC 8.1.06 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường năm 2021)

Căn cứ kết quả học tập, kết quả rèn luyện theo từng học kỳ, năm học nhà trường thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp; tặng giấy khen, khen thưởng kịp thời các học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, đạt thành tích cao trong các kỳ thi tay nghề cấp thành phố, quốc gia, khu vực và thế giới.

(MC 8.2.05 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc cấp học bổng năm học 2018-2019;
MC 8.2.06 – các Danh sách học sinh nhận tiền học bổng năm học 2018-2019
MC 8.2.08 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 8.2.09 – Danh sách học sinh nhận tiền học bổng học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 2.14.08 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả học tập học kỳ I năm học 2019-2020 (kèm theo Danh sách học sinh);
MC 2.14.10 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả học tập học kỳ II năm học 2019-2020 (kèm theo Danh sách học sinh);
MC 2.14.12 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả học tập học kỳ I năm học 2020-2021 (kèm theo Danh sách học sinh);
MC 2.14.17 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh hệ trung cấp học kỳ I năm học 2019-2020 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.22 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh học kỳ II năm học 2019-2020 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.27 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả rèn luyện của học sinh học kỳ I năm học 2020-2021 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.31 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận kết quả rèn luyện của học sinh học kỳ II năm học 2020-2021 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.35 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp khóa XI, niên khóa 2017 -2019 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);

MC 2.14.39 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 - 2020 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.41 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 - 2020 (đợt 2) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.45 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận)
***MC 8.3.01** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về khen thưởng học sinh tốt nghiệp loại xuất sắc năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*

Trường còn tổ chức xem xét, tuyên dương cho học sinh đạt giải trong Kỳ thi tay nghề các cấp năm 2019.

*(**MC 8.3.02** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về khen thưởng cho học sinh đạt thành tích cao tại Kỳ thi tay nghề các cấp năm 2019)*

Khen thưởng cá nhân, tập thể giáo viên, học sinh đạt giải trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường.

(MC 6.1.11 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc công nhận kết quả và khen thưởng các Dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (kèm danh sách nhận giải thưởng Hội thi))

Trường thực hiện khen thưởng, tuyên dương cho cá nhân, tập thể đạt giải trong phong trào thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương và các phong trào khác do Đoàn Thanh niên Trường phát động hàng năm.

(MC 1.10.17 - Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2019-2020;
MC 1.10.18 - Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2020-2021;
***MC 8.3.03** – các Danh sách học sinh được khen thưởng trong các hội thi do Đoàn Thanh niên Trường tổ chức năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*

Bên cạnh đó, người học cũng được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trường TCN KTCN Hùng Vương quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong hỗ trợ người học đối với các phòng, ban trực thuộc; cụ thể là phòng Công tác học sinh, sinh viên. Người học được biết về cơ chế hỗ trợ và các bộ phận và cán bộ phụ trách công tác hỗ trợ ngay từ tuần sinh hoạt đầu của khóa học. Định kỳ hàng năm, Trường ban hành quyết định phân công công tác giáo viên chủ nhiệm để tiếp xúc, hỗ trợ trực tiếp cho học sinh trong quá trình học tập tại Trường.

(MC 1.3.03 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Công tác học sinh - sinh viên năm 2019;
MC 8.1.03 - Tài liệu sinh hoạt đầu khóa năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022;
***MC 8.3.04** – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Các phòng, ban chuyên môn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm tại các khoa, bộ môn nắm bắt, hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình học tập tại trường.

(MC 8.2.01 – các Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022;
MC 8.2.10 – các Sổ cấp giấy xác nhận học sinh năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 8.2.11 - Danh sách học sinh hệ trung cấp được bảo lưu kết quả học tập năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Hàng năm, Trường thực hiện thu thập ý kiến của người học, người học tốt nghiệp trong đó có thu thập ý kiến về công tác quản lý, dịch vụ đào tạo. Kết quả: trên 90 % ý kiến đánh giá mức độ hài lòng đối với công tác quản lý, dịch vụ đào tạo.

*(**MC 8.3.05** – các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2019, năm 2020;*
***MC 8.3.06** – các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2019, năm 2020;*
***MC 8.3.07** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến học sinh, học sinh tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 8: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 8.4
Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích:

Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân được thể hiện cụ thể trong công tác tư vấn, tuyển sinh theo quy định.

(MC 2.2.01 – Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy chế tuyển sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022;
MC 2.3.10 – Các thông báo của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh hệ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022;
MC 1.11.37 – các Biên bản của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kiểm tra công tác tuyển sinh trình độ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Bên cạnh đó, người học cũng được đối xử bình đẳng trong xét hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hàng năm.

(MC 8.2.03 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phê duyệt danh sách học sinh hệ trung cấp được miễn, giảm học phí năm học 2019-2020; năm học 2020-2021;
MC 8.2.04 - các Danh sách học sinh hệ trung cấp được miễn, giảm học phí năm học 2019-2020, năm học 2020-2021
MC 8.2.05 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc cấp học bổng năm học 2018-2019;
MC 8.2.06 – các Danh sách học sinh nhận tiền học bổng năm học 2018-2019
MC 8.2.08 – Quyết định số 96/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 08/5/2021 của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 8.2.09 - Danh sách học sinh nhận tiền học bổng học kỳ I năm học 2020-2021;
MC 8.2.10 – các Sổ cấp giấy xác nhận học sinh năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021

MC 8.2.11 - Danh sách học sinh hệ trung cấp được bảo lưu kết quả học tập năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 1.5.02 – các Báo cáo công tác năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến người học về tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân đối với người học với kết quả 100% ý kiến hài lòng.

(MC 8.4.01 - Bản tổng hợp ý kiến khảo sát của người học về tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân đối với người học năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 Tiêu chí 8: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 8.5
Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích:

Nằm trong hệ thống trường công lập ở khu vực nội thành, nhất là trên địa bàn Quận có mật độ dân cư đông nhất, nhì thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại trường chỉ tập trung quỹ đất dành cho việc giảng dạy - học tập, chưa bố trí quỹ đất dành cho ký túc xá.

Nhận định: Các minh chứng trên chưa đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 8: 00 điểm.

Tiêu chuẩn 8.6
Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích:

Trường TCN KTCN Hùng Vương có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho CBGVNV và người học tại Trường.

Hàng năm, Trường thành lập Ban Chăm sóc sức khỏe trường học; Ban thực hiện xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động y tế học đường từng năm học.

*(**MC 8.6.01**– các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Ban Chăm sóc sức khỏe trường* học *năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 8.6.02** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về hoạt động y tế học đường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Định kỳ hàng năm, Trường ký hợp đồng với Bệnh viện, Phòng khám thực hiện sơ cấp cứu và chữa những bệnh thông thường cho cán bộ, giáo viên, học sinh; Đồng thời, phân công nhân viên phụ trách công tác y tế trường học. Trường bố trí phòng y tế riêng; thực hiện mua sắm thiết bị, dụng cụ y tế cơ bản, thuốc, vật tư sơ cấp cứu ban đầu từ nguồn kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu; đồng thời, cũng ban hành quy trình xử lý tai nạn thương tích nhằm thực hiện công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo quy định.

*(**MC 8.6.03** – Hợp đồng giữa Bệnh viện Công an Tp.HCM và Trường TCN KTCN Hùng Vương về thực hiện khám sức khỏe năm học 2019-2020;*
***MC 8.6.04** – Hợp đồng giữa Phòng Khám Đa khoa Hồng Lạc và Trường TCN KTCN Hùng Vương về hỗ trợ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trường năm học 2020-2021;*
***MC 8.6.05** – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công nhân viên phụ trách y tế trường học năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 8.6.06** – Danh mục các thiết bị y tế cơ bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 8.6.07** – Sổ nhập thuốc và vật tư y tế năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 8.6.08** – Sổ cấp, phát thuốc cho học sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*

***MC 8.6.09** – Quy trình xử lý tai nạn thương tích học sinh của Trường; Sổ quản lý tai nạn, thương tích học sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021; Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm tai nạn)*

Song song, Trường tổ chức thực hiện khám sức khỏe cho học sinh khóa mới để thông báo cho phụ huynh học sinh tầm soát, khám chuyên khoa các bệnh cần theo dõi, điều trị của học sinh.

*(**MC 8.6.03** – Hợp đồng giữa Bệnh viện Công an Tp.HCM và Trường TCN KTCN Hùng Vương về thực hiện khám sức khỏe năm học 2019-2020;*
***MC 8.6.10** – Hợp đồng giữa Công ty TNHH Minh Sơn Medical và Trường TCN KTCN Hùng Vương về thực hiện khám sức khỏe năm học 2020-2021;*
***MC 8.6.11** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức khám sức khỏe đầu khóa năm học 2019-2020, năm học 2020-2021 cho học sinh;*
***MC 8.6.12** – các Bản tổng hợp kết quả khám sức khỏe học sinh trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh, Trường TCN KTCN Hùng Vương phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đăng ký tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho học sinh với tỷ lệ tham gia đạt trên 90%.

*(**MC 8.6.13** – các Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm y tế năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 8.6.14** – các Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm tai nạn năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về sức khoẻ cộng đồng do các Bác sĩ của Trung tâm y tế dự phòng quận 5 phổ biến.

*(**MC 8.6.15** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về truyền thông, giáo dục sức khỏe năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
MC 8.1.03 - Tài liệu sinh hoạt đầu khóa năm học 2019-2020, 2020-2021 (tuyên truyền về bệnh truyền nhiễm và biện pháp phòng tránh)

Trường TCN KTCN Hùng Vương có căn tin cung cấp dịch vụ ăn uống, đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Trường thực hiện ký hợp đồng dịch vụ căn tin với các cá nhân đủ điều kiện, năng lực và triển khai đăng ký, được cấp giấy chứng nhận theo quy định. Giấy chứng nhận điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm có giá trị 03 năm từ khi được cấp. Hàng năm, Trường thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động của căn tin; qua đánh giá, dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không xảy ra bất cứ một vụ ngộ độc thực phẩm nào

*(**MC 8.6.16** – các Hợp đồng dịch vụ căn tin giữa Trường TCN KTCN Hùng Vương và ông Nguyễn Hữu Phúc-Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền;*
***MC 8.6.17** – Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 34/2018/ATTP-CNĐK ngày 10/4/2018 cho Căn tin Trường TCN KTCN Hùng Vương do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp;*

***MC 8.6.18** – Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm số 0316/2018/XNTH-TTYT.Q5 do Trung tâm y tế Quận 5 cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền;*
***MC 8.6.19** – các Biên bản kiểm tra của Trường đối với dịch vụ căn tin năm 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện đánh giá công tác y tế trường học, đảm bảo người học được chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ kịp thời khi có nhu cầu; cũng như không xảy ra bất cứ một vụ ngộ độc thực phẩm nào.

*(**MC 8.6.20** – các Báo cáo ngày 01/6/2020 của Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác y tế học đường năm học 2019-2020;năm học 2020-2021 (đợt 1);*
***MC 8.6.21** – Biên bản ngày 08/6/2020 của Đoàn kiểm tra y tế trường học Quận 5 về kiểm tra y tế trường học năm học 2019-2020;năm học 2020-2021)*

Hàng năm, Trường thực hiện ý kiến khảo sát ý kiến của người học, cán bộ phụ trách y tế về dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với kết quả trên 90% ý kiến hài lòng.

*(**MC 8.6.22** – Bản tổng hợp ý kiến khảo sát của người học, cán bộ phụ trách y tế về dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 Tiêu chí 8: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 8.7
Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích:

Học sinh, học viên của Trường TCN KTCN Hùng Vương được tạo điều kiện tham gia hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội trong quá trình học tập, rèn luyện trong và ngoài Trường. Đoàn Thanh niên Trường phối hợp với phòng, ban chuyên môn phát động, triển khai các kế hoạch chào mừng như ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày thành lập Đoàn TNCSHCM, Chào mừng ngày Giải phóng miền Nam 30/4 – Quốc tế Lao động 01/5, Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm.

Trường TCN KTCN Hùng Vương bố trí Hội trường dùng chung để học sinh tham gia các hoạt động văn nghệ; khu vực sân trường, sân cầu lông cho các hoạt động thể dục thể thao trong Trường; ngoài ra, trong các ngày lễ kỷ niệm trong năm, Trường còn thuê các sân bóng mini để phục vụ hoạt động thể thao.

(MC 1.10.04 – các Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác năm học 2019-2020; năm 2020-2021;

MC 1.10.05 – Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019;
MC 1.10.06 – Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019;
MC 1.10.07 – Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức hiến máu nhân đạo năm 2019;
MC 1.10.08 – Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hiến máu nhân đạo năm 2019;
MC 1.10.09 – Kế hoạch của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về vận động kinh phí chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020;
MC 1.10.10 – Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả vận động kinh phí chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020;
MC 1.10.11 – Kế hoạch của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về vận động đóng góp Vì đàn em Hè năm 2020;
MC 1.10.12 – Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả vận động đóng góp Vì đàn em Hè năm 2020;
MC 1.10.13 – Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2020;
MC 1.10.14 – Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về hưởng ứng tuần lễ học tập suốt đời năm 2020;
MC 1.10.15 - Kế hoạch về hoạt động chào mừng 35 năm ngày thành lập Trường và Kỷ niệm 38 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020;
MC 1.10.16 - Báo cáo của Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả hoạt động chào mừng 35 năm ngày thành lập Trường và kỷ niệm 38 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020;
MC 1.10.17 - Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2019-2020;
MC 1.10.18 - Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2020-2021;
***MC 8.7.01** – Danh sách học sinh tham gia Chiến dịch Hoa Phượng Đỏ năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 8.7.02** – Danh sách học sinh tham gia Câu lạc bộ Kỹ năng sống năm 2019;*
***MC 8.7.03** – các Danh sách học sinh tham gia các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019;*
***MC 8.7.04** – Danh sách học sinh tham gia hiến máu nhân đạo năm 2019, năm 2020;*
***MC 8.7.05** – Danh sách học sinh tham gia Giải Chạy việt dã Quận 5 – tháng 5/2020;*
***MC 8.7.06** - các Danh sách học sinh tham gia các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020 (thiết kế logo + khung avatar; đá bóng; văn nghệ);*
***MC 8.7.07** – các Danh sách học sinh tham gia văn nghệ Xuân 2021; tham gia trang trí tiểu cảnh; trang trí bảng tin mừng Xuân Tân Sửu;*
***MC 8.7.08** – các Danh sách học sinh tham gia hoạt động mừng ngày Giỗ Tổ Hùng Vương năm 2021;*

MC 8.7.09 *– Danh sách học sinh tham gia Đại hội thể dục thể thao Phường 12, Quận 5 năm 2021 (tháng 3/2021);*
MC 8.7.10 *– Hóa đơn thuê sân bóng năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhằm đảm bảo an toàn cho người học, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành các nội quy, quy định, quy trình như: Quy định công tác học sinh; Nội quy học sinh; Nội quy xưởng thực hành; Nội quy phòng cháy, chữa cháy; Quy trình xử lý tai nạn thương tích, đăng ký bảo hiểm tai nạn cho học sinh.

(MC 1.4.01 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành quy định công tác học sinh, sinh viên trong Trường năm 2017;
MC 1.3.19 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về hiệu chỉnh quy chế công tác học sinh tại Trường năm 2020;
MC 1.4.10 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020;
MC 8.1.04 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành khung xử lý kỷ luật học sinh của Trường năm 2019;
MC 8.6.09 – Quy trình xử lý tai nạn thương tích học sinh của Trường; Sổ quản lý tai nạn, thương tích học sinh năm học 2019-2020, năm học 2020-2021; Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm tai nạn)

Đồng thời, phân công nhân viên giám thị Phòng Công tác học sinh, sinh viên phối hợp với Tổ Bảo vệ thực hiện hoạt động đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.
- Kiểm tra, giám sát, nhắc nhở học sinh thực hiện nội quy học sinh tại khu vực cổng trường.
- Thường xuyên kiểm tra các khu vực trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn cho người học.
- Lắp đặt hệ thống camera quan sát, xử lý ngay các điểm nóng có học sinh tụ tập, gây mất trật tự.
- Kiểm tra, vận hành hệ thống thiết bị phòng cháy, chữa cháy định kỳ hàng tháng.

*(**MC 8.7.11** – Lịch trực giám thị hàng tháng năm 2020, năm 2021;*
MC 8.7.12 *– Danh mục bố trí camera của Trường;*
MC 5.4.12 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kiểm tra, vận hành thiết bị phòng cháy, chữa cháy năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 5.4.13 - các Biên bản kiểm tra, vận hành hệ thống PCCC định kỳ hàng tháng của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;
MC 5.4.14 - các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy năm 2019, năm 2020;
MC 5.4.15 – các Biên bản của Trường TCN KTCN Hùng Vương về diễn tập phòng cháy, chữa cháy năm 2019, năm 2020;
MC 8.7.13 *– các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả xây dựng Trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2019, năm 2020)*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường với trên 90% ý kiến hài lòng.

*(**MC 8.7.14** – các Bản tổng hợp ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7 Tiêu chí 8: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 8.8
Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích:

Tổ Quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm trực thuộc phòng Đào tạo Trường TCN KTCN Hùng Vương được giao nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Tổ thường xuyên liên hệ với Trung tâm phát triển và cung ứng lao động Quận 5, các doanh nghiệp, trung tâm xuất khẩu lao động để nắm bắt các thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn Thành phố và các vùng lân cận và giới thiệu việc làm cho học sinh tốt nghiệp có nhu cầu tìm việc.

*(**MC 8.8.01** – các Kế hoạch của Phòng Đào tạo Trường TCN KTCN Hùng Vương về tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 8.8.02** – các Bản tổng hợp thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trong các năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021;*

Khi học sinh chuẩn bị tốt nghiệp, Trường tổ chức cho học sinh đăng ký tìm việc làm cũng như nắm lại các thông tin cá nhân để thuận tiện liên hệ. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng nhà trường còn chỉ đạo các khoa, bộ môn trực tiếp giới thiệu việc làm cho học sinh tại đơn vị. Tổ Quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm thực hiện thống kê và định kỳ báo cáo số lượng học sinh tốt nghiệp đăng ký và được giới thiệu việc làm và đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác giới thiệu việc làm của Trường.

*(**MC 8.8.03** – các Danh sách cán bộ, nhân viên, giáo viên thực hiện công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 8.8.04** – các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp đăng ký tìm việc làm năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 8.8.05** – các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp được giới thiệu việc làm năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 8.8.06** – các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả công tác tư vấn, giới thiệu việc làm năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)*

Bên cạnh đó, Trường TCN KTCN Hùng Vương còn xây dựng kế hoạch và triển khai công tác thu thập ý kiến đối với học sinh tốt nghiệp để nắm thông tin về công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh tốt nghiệp định kỳ hàng năm. Kết quả 100% ý kiến đồng ý về học sinh được giới thiệu việc làm khi tốt nghiệp.

(MC 4.5.06 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm năm 2019, năm 2020, năm 2021;
***MC 8.8.07** – các Phiếu thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm về thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2019, năm 2020;*
***MC 8.8.08** – các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm về thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 8.8.09** – Danh sách học sinh tốt nghiệp đã thực hiện thu thập ý kiến về thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện được đầy đủ, đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 8.9
Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích:

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện thường xuyên công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho đối tượng học sinh tốt nghiệp. Đồng thời, Trường cũng xây dựng kế hoạch tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng định kỳ hàng năm.

*(**MC 8.9.01** – Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức hội chợ việc làm năm học 2019-2020;*
***MC 8.9.02** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức hội chợ việc làm năm học 2020-2021;*
***MC 8.9.03** – Kế hoạch của Phòng Đào tạo về tổ chức hoạt động "Tham quan nhà máy Ajinomoto từ xa";*
***MC 8.9.04** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện được đầy đủ, đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 01 điểm.

3.2.9 Tiêu chí 9. Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Mở đầu: Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo bằng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO từ năm 2006 đến năm 2018 (ISO 9001:2000, ISO 9001-2008); từ năm 2019 đến nay, Trường xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017.

Một trong những nội dung quan trọng làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo là khảo sát ý kiến đánh giá của đơn vị sử dụng lao động; ý kiến của cán bộ, nhân viên, giáo viên giảng dạy và ý kiến của người học, người học tốt nghiệp.

Định kỳ hàng năm, nhà trường thực hiện thu thập ý kiến doanh nghiệp sử dụng lao động; ý kiến cán bộ quản lý; viên chức, giáo viên và học sinh tốt nghiệp, học sinh đang theo học tại: về chất lượng đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo; về mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp; về các dịch vụ phục vụ người học.... trong quá trình đào tạo nhằm nắm bắt những mặt còn tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

- Đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao mức độ đáp ứng của người học thực tập tốt nghiệp về các kỹ năng, kiến thức, tác phong công nghiệp, an toàn lao động, kỹ năng mềm trong quá trình thực tập sản xuất tại doanh nghiệp
- Các chính sách liên quan đến tổ chức hoạt động dạy và học đạt hiệu quả; các chính sách của nhà trường liên quan đến đến tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên được thực hiện công bằng, dân chủ, khách quan. Chính sách về đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm sâu sát; công tác đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên được thực hiện định kỳ, đúng quy định; công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý đúng quy định, phân công giáo viên, nhân viên đúng vị trí việc làm
- Hơn 90% học sinh được lấy ý kiến đánh giá các hình thức, phương thức đào tạo của trường phù hợp, hiệu quả; hài lòng với chất lượng giảng dạy, các chính sách liên quan tới người học được đảm bảo.
- Trường triển khai và thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng theo quy định, đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường, của các chương trình đào tạo trình độ trung cấp và có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường
- Nhà trường xác định mục tiêu chất lượng, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trên cơ sở danh mục các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo được mô tả trong Báo cáo tự đánh giá chất lượng, Báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng, Báo cáo tổng kết công tác của Trường hàng năm
- Trường thực hiện thu thập ý kiến đối với 100% người học tốt nghiệp theo kế hoạch; với tỷ lệ phản hồi đạt 80%, trong đó có 80% học sinh có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp.

** Những tồn tại:* không.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Không.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	**06/06**
Tiêu chuẩn 1	01
Tiêu chuẩn 2	01
Tiêu chuẩn 3	01
Tiêu chuẩn 4	01
Tiêu chuẩn 5	01
Tiêu chuẩn 6	01

Tiêu chuẩn 9.1
Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích:

Nhà trường đã phối hợp với nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kỹ thuật để tiếp nhận học sinh đi thực tập tốt nghiệp và đồng thời cũng là nguồn tuyển dụng lao động vào các doanh nghiệp sau khi học sinh tốt nghiệp.

Để đánh giá mức độ đáp ứng của học sinh tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp về các kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức, tác phong công nghiệp, an toàn lao động, kỹ năng mềm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện thu thập ý kiến của doanh nghiệp bằng phiếu khảo sát hàng năm.

*(**MC 9.1.01** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 9.1.02** – các Danh sách doanh nghiệp được thu thập ý kiến về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Qua tổng hợp kết quả khảo sát, hầu hết các doanh nghiệp đều đánh giá cao ý thức, kỹ năng nghề của học sinh đã tốt nghiệp của trường đang làm việc tại đơn vị.

*(**MC 9.1.03** - Các Phiếu thu thập ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
***MC 9.1.04** – các Bản tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021*
***MC 9.1.05** - các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả thu thập ý kiến doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện được đầy đủ, đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 9.2
Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích:

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và triển khai công tác thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên. Theo kế hoạch hàng năm, trên 90% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên đã thực hiện phiếu khảo sát ý kiến đánh giá bằng hình thức khảo sát trực tiếp và/hoặc hình thức online trên trang web của Trường năm 2020, năm 2021.

(MC 4.14.01 – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khảo sát ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021)

Theo kết quả thu thập ý kiến khảo sát, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm. Qua đó, cho thấy các chính sách liên quan đến tổ chức hoạt động dạy và học đạt hiệu quả; các chính sách của nhà trường liên quan đến đến tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên được thực hiện công bằng, dân chủ, khách quan.

(MC 4.14.02 - Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thu thập ý kiến năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
MC 4.14.03 - Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2019 - 2020;
MC 4.14.04 - Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2020-2021;
MC 4.14.05 – các Bản tổng hợp ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên hệ trung cấp năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021
MC 4.14.06 - Báo cáo của phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên năm học 2019 -2020, năm học 2020-2021)

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 2 tiêu chí 9.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2 Tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.3
Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích:

Nhằm đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy và các chính sách liên quan tới người học, Trường TCN KTCN Hùng Vương xây dựng và triển khai kế hoạch thu thập ý kiến học sinh định kỳ hàng năm.

*(**MC 9.3.01** - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến người học năm học 2019- 2020; năm học 2020 – 2021;*
***MC 9.3.02** - Kế hoạch của Phòng Công tác HSSV về thu thập ý kiến người học năm học 2020-2021;*
***MC 9.3.03** – các Thông báo của Phòng Công tác HSSV về thu thập ý kiến người học học kỳ I năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*

Theo kế hoạch, Trường thực hiện thu thập ý kiến đánh giá với số lượng người học đại diện các ngành, nghề đào tạo tham gia trên 60%.

*(**MC 9.3.04** – các Danh sách học sinh thực học hệ trung cấp năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 9.3.05** – các Danh sách người học hệ trung cấp được thu thập ý kiến năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*

Với hơn 90% học sinh được lấy ý kiến đánh giá các hình thức, phương thức đào tạo của trường phù hợp, hiệu quả; hài lòng với chất lượng giảng dạy, các chính sách liên quan tới người học được đảm bảo.

*(**MC 9.3.06** – các Phiếu thu thập ý kiến người học hệ trung cấp năm học 2019-2020;*
***MC 9.3.07** – các Phiếu thu thập ý kiến người học hệ trung cấp năm học 2020-2021;*
***MC 9.3.08** – các Bản tổng hợp ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trườngnăm học 2019-2020; năm học 2020-2021)*
***MC 9.3.09** - các Báo cáo của phòng Công tác HSSV về kết quả thu thập ý kiến người học năm học 2019-2020; năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 3 tiêu chí 9.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 Tiêu chí 9: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 9.4
Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường TCN KTCN Hùng Vương quyết định thành lập các Hội đồng và xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng Trường, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp định kỳ hàng năm theo quy định.

(MC 1.6.21 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;

MC 9.4.01 *– các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019, năm 2020, năm 2021;*
MC 1.6.22 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 9.4.02 *– các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 07 nghề trọng điểm năm 2019, năm 2020;*
MC 9.4.03 *– các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 12 nghề trình độ trung cấp năm 2021)*

Trên cơ sở các Kế hoạch đã ban hành, Trường triển khai và thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng theo quy định, đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường, của các chương trình đào tạo trình độ trung cấp và có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường. Các đơn vị được phân công nhiệm vụ thực hiện thu thập, xác định, phân tích, xử lý và tổ chức sắp xếp, lưu trữ thông tin, minh chứng tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí quy định. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Trường thực hiện tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng; triển khai lấy ý kiến của các đơn vị của Trường; tổng hợp và hoàn thiện báo cáo;

Hội đồng nghiên cứu, họp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng, đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành.

(MC 1.6.30 – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019, năm 2020;
MC 1.6.31 – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 07 nghề trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020;
MC 9.4.04 *– các Báo cáo tóm tắt của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng năm 2019, năm 2020)*

Các báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng Trường, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được công khai trong nội bộ trường thông qua họp công bố, đăng trên trang web của trường.

*(**MC 9.4.05** – các Biên bản họp về công bố công khai báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng Trường, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, năm 2020)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 4 tiêu chí 9

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 Tiêu chí 9: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 9.5
Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ vào những điểm tồn tại được mô tả trong Báo cáo tự đánh giá chất lượng, Báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng, Báo cáo tổng kết công tác của Trường hàng năm, nhà trường xác định mục tiêu chất lượng, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trên cơ sở danh mục các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo. Trong đó, nêu rõ những nội dung công việc sẽ triển khai, dự kiến thời gian hoàn thành, phân công trách nhiệm cho các đơn vị.

(MC 1.6.30 – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019, năm 2020;
MC 1.6.31 – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 07 nghề trình độ trung cấp năm 2019, năm 2020;
MC 9.4.04 – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tự đánh giá chất lượng năm 2019, năm 2020;
MC 1.6.35 – Các báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác của Trường năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021);
MC 2.11.01 – các Báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2018-2019, năm học 2019-2020;
MC 2.11.02 – Danh sách các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;
***MC 9.5.01** – Mục tiêu chất lượng của Trường năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 9.5.02** – Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của Trường năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*
***MC 9.5.03** – các thông báo triển khai thực hiện Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020, năm 2020-2021;*

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của Trường đã ban hành, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai đến tất cả các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm xác định, xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch cụ thể của từng đơn vị. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở và yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

*(**MC 9.5.04** – Thông báo của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về việc xây dựng Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2019 – 2020;*
***MC 9.5.05** – Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương góp ý Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng Trường năm học 2020-2021 và xây dựng Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2020 – 2021;*
***MC 9.5.06** – Thông báo về báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020 của các Phòng, Khoa, Bộ môn)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 5 tiêu chí 9.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 Tiêu chí 9: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 9.6
Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích:

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp, Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện công tác giới thiệu việc làm cho học sinh đã tốt nghiệp. Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa/Bộ môn lập danh sách học sinh đã tốt nghiệp đăng ký tìm việc làm; liên hệ với doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng và chủ động thường xuyên liên hệ với học sinh qua điện thoại, email, mạng xã hội để giới thiệu việc làm.

(MC 2.14.35 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp khóa XI, niên khóa 2017 -2019 (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.39 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 - 2020 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.41 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 17K11-2 và khóa 18K12-1, năm học 2019 - 2020 (đợt 2) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 2.14.45 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp Khóa 18K12-2 và khóa 19K13-1, năm học 2020 – 2021 (đợt 1) (kèm Danh sách học sinh được công nhận);
MC 8.8.04 – các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp đăng ký tìm việc làm năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 8.8.05 – các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp được giới thiệu việc làm năm 2019, năm 2020, năm 2021;
MC 8.8.06 – các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả công tác tư vấn, giới thiệu việc làm năm 2019, năm 2020, 9 tháng đầu năm 2021)

Bên cạnh đó, Trường TCN KTCN Hùng Vương còn xây dựng kế hoạch và triển khai công tác thu thập ý kiến đối với học sinh tốt nghiệp để nắm thông tin về việc làm định kỳ hàng năm.

*(**MC 9.6.01** – các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 9.6.02** – các Phiếu thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 9.6.03** – các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Hàng năm, Trường thực hiện thu thập ý kiến đối với 100% người học tốt nghiệp theo kế hoạch; với tỷ lệ phản hồi đạt 80%, trong đó có 80% học sinh có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp.

*(**MC 9.6.04** – Danh sách học sinh tốt nghiệp đã đi làm thực hiện thu thập ý kiến năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;*
***MC 9.6.05** – các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến học sinh tốt nghiệp đã đi làm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021)*

Nhận định: Các minh chứng trên thể hiện đầy đủ và đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn 6 tiêu chí 9.
Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 Tiêu chí 9: 01 điểm.

PHẦN III
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế		
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
Tiêu chí 2	- Chỉ tổ chức lớp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. - Số lượng học sinh đăng ký học liên thông từ hệ sơ cấp lên hệ trung cấp còn thấp, chưa đủ số lượng để mở lớp.	- Bổ sung quy chế tổ chức đào tạo theo niên chế. - Tăng cường công tác tuyển sinh đào tạo liên thông từ hệ sơ cấp lên trung cấp	2022	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 3	- Giáo viên chưa đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học theo quy định.	Lập kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nhằm chuẩn hóa về trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định.	2022	Phòng TCHC-QT
Tiêu chí 6	- Nhà trường chưa có nhiều bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	- Tuyên truyền, khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và có bài báo, ấn phẩm trên các báo, tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế.	2022	Phòng Tổ chức Hành chính – Quản trị
Tiêu chí 6		Lập kế hoạch tăng cường triển khai công tác liên kết đào tạo hoặc các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.	2022	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 8	- Trường chưa có ký túc xá cho người học. - Do tình hình dịch bệnh kéo dài nên trường chưa tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội	- Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt các Dự án nâng cấp trường, nhà trường nâng cấp cơ sở	2025	Phòng Tổ chức Hành chính – Quản

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế		
		Nội dung công việc sẽ triển khai	**Thời gian dự kiến hoàn thành**	**Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện**
	chợ việc làm trực tiếp để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	vật chất, xây dựng ký túc xá và khu liên hiệp thể thao của Trường.		trị
		- Tăng cường công tác tổ chức hội chợ việc làm hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	2022	Phòng Đào tạo

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp dựa trên hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành thực sự cần thiết đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng mục tiêu dạy nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội theo đúng chủ trương, đường lối phát triển dạy nghề của Nhà nước.

Trường TCN KTCN Hùng Vương xác định công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của nhà trường. Quá trình tự đánh giá chất lượng Trường theo quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, **Trường TCN KTCN Hùng Vương tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021**.

Qua hoạt động tự đánh giá, nhà trường đã có những đánh giá và điều chỉnh kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn phát triển; thúc đẩy chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường; gắn kết mọi hoạt động của nhà trường thành một khối thống nhất, đồng bộ, chuyên nghiệp.

Lãnh đạo Nhà trường luôn sẵn sàng thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cam kết sẽ tiếp tục tổ chức thực hiện tốt hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong những năm tiếp theo.

Một số kiến nghị:

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự kiểm định để nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đồng thời nên có cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt điểm cao khi đánh giá ngoài.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường năm 2021.

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng của Trường năm 2021.

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng tự đánh giá chất lượng Trường năm 2021./.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

<đã ký>

Phạm Quang Trang Thuỷ